

## MỤC LỤC

BUỔI SÁNG THẦN TIÊN .....	2
HÀNH TRANG CỦA HỌ .....	15
CUỘC CHẠM TRÁN MUỘN MÀNG VỚI KẼ THÙ .....	34
TẮM KHĂN .....	46
CÂY NƯỚC .....	52
BÀI GIẢNG .....	66
GIMPEL THẰNG NGỐC .....	85

## BUỔI SÁNG THẦN TIÊN

Phát súng vang lên khoảng bốn rưỡi sáng. Một tiếng trước bình minh và hơn một tiếng trước khi cả nhà thức dậy. Trại gia cầm thì cần phải dậy sớm, nhưng không cần thiết phải dậy lúc bốn giờ ba mươi. Tất cả mọi người và tất cả mọi vật đều đang ngủ. Không một bộ lông nào đi lại lộn xộn trong những hàng dài của bãi quây rào sơn trắng được đặt trên ụ đất cao trên sườn đồi. Không một tiếng líu lo của lũ sáo đá hay chim sẽ tụ tập trên những cây mạn tía, cây boobyalla<sup>1</sup> sau trại.

Chỉ vài giây sau khi tiếng súng phá tan bầu không gian yên lặng nó đã dội âm âm dọc theo thung lũng hẹp rồi vang lại từ sườn dốc đối diện. Tất cả mọi người đều bị thức giấc, nhưng họ giữ yên lặng một lúc, như người ta thường làm trong những lúc như vậy, huy động trí khôn của mình, phân biệt mơ và thật, đợi xem chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo. Họ có năm người: Arthur Brady và Margaret vợ anh ta, Lance, con trai mười ba tuổi của họ, ông nội Brady và Hung Griffiths, một người làm công tự do, đã sửa xong hệ thống thoát nước và sẽ đi vào ngày hôm ấy, ngay sau bữa sáng.

Sự phản ứng đầu tiên đến từ phòng ngủ Brady, giọng cô Brady thì thâm đầy kích động:

"Arthur, anh có nghe thấy tiếng súng đó không?"

"Mẹ kiếp tôi đã nghe tổng rồi!" âm thanh tiếp theo là của một người đàn ông đang vội vàng ra khỏi giường và tiếng bật công tắc lách cách.

---

<sup>1</sup> Tên một loại cây ở Úc theo cách gọi của thổ dân

Đêm ấy trời nóng, cửa ngõ đều mở rộng cho không khí dễ lưu thông, và luồng ánh sáng đột ngột trong phòng ngủ đã xua tan bóng đêm lan trùm khắp căn nhà. Ông nội và Lance gọi với ra ngoài cùng một lúc từ phòng riêng của họ:

"Đấy là tiếng súng, ba ạ!"

"Con đã thức đấy à, Arthur? Joe đã làm điều gì đó!"

Chỉ ở hiên sau, nơi Griffiths đặt ổ rơm, là vẫn còn yên lặng. Ngôi nhà đầy những âm thanh rì rầm và tiếng mặc quần áo khẽ khàng nhưng nhanh nhẹn.

"Bây giờ phải cẩn thận đó, Arthur! Đừng có lao ra".

"Nói năng cảm tính, đồ đàn bà! Cô cho rằng tôi sẽ làm gì..."

"Chúng ta đâu có biết chuyện gì xảy ra..."

"Joe đã bắn ai đó, chuyện là như vậy. Hắn đã làm cái gì đó ở chỗ hắn..."

"Con có thể ra được không, ba?"

"Không, Lance, cứ ở yên đó".

"Con lên..."

"Cứ ở yên trong đó, tao bảo mày cứ ở yên đấy!"

Arthur Brady, đã ngoài bốn mươi tuổi, bé nhỏ, rắn chắc, đi xuống hành lang, cái dây lưng có khoá thắt quanh chiếc quần dài mà gã đã mặc trùm ra ngoài quần ngủ. Gã cúi gằm khuôn mặt r ám nâu, dữ tợn và hăm hở. Đi qua cửa phòng ông nội, gã gần như va mạnh vào ông già, người vừa mới ló ra.

"Arthur, bố chẳng nghe thấy gì thêm nữa".

"Con cũng thế. Có lẽ hắn đã giết cái đồ con hoang ấy".

Arthur vội vã đi qua nhà bếp, ra hành lang, nơi gã đứng nhìn chằm chằm vào bóng tối, lắng nghe với cái đầu héch lên và hơi thở nén lại. Nhưng tất cả những gì gã có thể nghe thấy là tiếng xào xạc không ngừng khe khẽ và tiếng cục cục của hàng ngàn con gà mái đang sợ hãi trong những ngôi nhà cách xa hơn bốn mươi mét.

"Mày đây phải không, Joe?", gã hét.

Trên con đường nhỏ dẫn xuống sườn đồi, một ngọn đuốc cháy sáng rực và một giọng nói khoẻ mạnh đáp lại: "ừ, xuống đây đi!.

"Mày đã thịt hán à?"

"Xuống đi - nhanh lên!"

Bây giờ, vợ Brady, ông nội và Lance đang túm tụm lại phía sau Arthur trên đỉnh bậc tam cấp. Tất cả họ đều nói cùng một lúc.

"Nghe như thể hán đã giết ai đó, anh Arthur ạ".

"Ba có nghĩ là chú ta giết người không, ba?"

"Lance, đừng có nói như thế!"

"Nhưng mẹ..."

"Mày hãy im đi..."

"Bố cứ đứng ở đây, bố ạ. Tất cả mọi người hãy đứng ở đây. Tôi sẽ kêu lớn nếu cần".

Arthur Brady rời đi, chạy vào trong bóng tối. Những người còn lại đứng đó, dõi theo tiếng động của gã lúc đi xuống lối nhỏ trong vườn, ra khỏi cái cổng bằng cọc rào, băng qua không gian rộng mở để đến bãi quây gà vịt, đi qua đám dương xỉ điều hâu cần cối phủ kín sườn đồi. Khoảng giữa đoạn đường, ánh sáng từ ngọn đuốc vẫn toả sáng, khẽ bập bùng như thể người giữ nó đang xem xét cái gì đó. Giọng nói vọng lên căn nhà nhưng không thể phân biệt được hai người đàn ông nói gì khi họ đi cùng với nhau.

"Có chuyện gì đó ở dưới ấy rồi, Madge ạ", ông nội nói. "Tốt hơn là phải vào nhà và mặc quần áo vào".

"Bố muốn làm gì cơ?"

Ông nhún vai bòn chòn. "Ồ, bố không làm gì. Có lẽ điều gì đó đã xảy ra".

"Điều gì?"

"Joe đã làm điều gì đó, và hán hán sẽ không gọi to lên như thế nếu đó là một con cáo. Có lẽ chúng ta phải gọi bác sĩ".

Lúc ấy, cô chưa thể nhúc nhích ngay được, chỉ đứng đó nhìn chằm chằm vào hương của ánh đuốc, nhẩn mặt lại, như thể âm vang tiếng súng của tên trộm gia cầm từ từ tiến vào nhà về hướng cô.

"Chúng ta có phải gọi cảnh sát không, ông?" Lance hỏi với tất cả sự kích động của trẻ con.

"Tất nhiên chúng ta sẽ gọi nếu Joe tấn công ai đó".

"Con nghĩ tốt hơn là con phải mặc đồ vào". Cô Brady quay đi, nhưng trên đường vào bếp, cô đứng và quay nhìn lại. "Bố có nghĩ là anh ta có thể giết người không?", cô hỏi bằng giọng sợ hãi.

"Giết người - Không! Joe sẽ đánh hấn khi hấn muốn tấn công anh ta. Anh ta có một cái đèn pin tự tạo. Đi vào và mặc quần áo đi! Bố sẽ đứng đây với Lance".

Cô đi vào, và ngay khi ấy, ông nội và Lance nhận ra người đàn ông làm thuê. Hấn có một cái túi ngủ để ở cuối hành lang và đang ngủ mà không mặc pijama. Thậm chí trong cái ánh sáng lơ mơ lọt vào đó họ còn có thể nhìn thấy hai ống chân màu trắng và chiếc quần đùi khi hấn đặt chân ra sàn và đứng dậy.

Thực tế là chẳng có gì đáng chú ý bằng việc hấn mặc đồ mà không nói năng gì. Hai tuần đã trôi qua kể từ khi hấn rời con đường tiến vào tìm việc làm, gia đình này đã trở nên quen với tính tình kín đáo của hấn. Hấn là người chắc mập trông tầm thường với một thái độ ôn hòa cam chịu rõ ràng và thoát tiên họ đã nhìn nhầm hấn.

Dù sao, duy nhất có ông nội là thực sự không thích hấn. Ông đã lưu ý với Arthur là ông luôn có cảm giác rằng Griffiths cười đầy bí hiểm về họ. Arthur hài lòng bởi vì hấn là người làm công tốt; cô Brady hài lòng vì hấn sinh hoạt sạch sẽ và biết giữ mình.

Bây giờ hấn xuất hiện trong chiếc quần dài, áo may ô, đôi ủng làm việc nặng nề rồi đứng bên cạnh ông nội. "Không phải tiếng súng lục, đúng không?", hấn hỏi.

"Không, súng trường đây", ông nội đáp khá thờ ơ, nhưng ngay khi câu ấy thốt ra, ông quay nhanh sang Griffiths như thể bị giật mình bởi sự nghi ngờ về những gì ẩn sau câu hỏi.

Hắn là Griffiths đã nhận thấy điều đó, nhưng hắn giả vờ không để ý.

Trời khá ẩm, nhưng một cơn rừng mình chạy khắp người ông già và ông vỗ bành bạch hai tay vào cái bụng lép kẹp của mình. "Vào tìm hộ ông cái áo khoác ngoài, được không?", ông nói với thằng bé. "Cái áo treo ở sau cánh cửa ấy".

"Chú ta có đánh hắn không ông?"

"Chúng ta vẫn chưa biết gì mà, Lance. Chúng ta phải đợi cho tới khi bố cháu quay lại".

Không có gì xảy ra giữa hai người đàn ông trong khi thằng bé đi cả. Rồi nó quay lại chỗ ông nội, ôm chiếc áo khoác trong lòng, ngồi xuống bậc tam cấp trên cùng.

Griffiths đứng phía trên nó, hắn tựa người vào cột, ngón tay cái móc vào thắt lưng. Thậm chí cậu bé cũng nhận thấy có điều gì đó lơ lửng trong không gian ngoài cái tiếng súng thực kia. Đôi mắt tò mò của cậu chuyển từ ông nội sang Griffiths và ngược lại. Cậu muốn hỏi nhiều hơn, nhưng vẻ đăm đăm trên cả hai khuôn mặt khiến cậu yên lặng, cậu bước đi mấy bước, cánh tay gập lại tì vào lan can.

Cả ba người đều quan sát ánh sáng dưới ngọn đèn. Bây giờ vẫn tiếp tục cháy như thể ngọn đuốc đã được đặt trên một mô đất hay một gốc cây. Thỉnh thoảng chùm ánh sáng nhỏ lại chập chờn khi có cái gì đó đi qua. Những âm thanh rì rầm phát ra hầu như liên tục. Không gian ấy yên tĩnh, sự im lặng khó hiểu đó trôi qua ngay trước bình minh. Trong những bãi quây gà vịt, lũ gia cầm sợ hãi đậu túm lại. Ba người quan sát, chờ đợi và lắng nghe. Khi chú chó sột soạt dưới bậc tam cấp rồi mò tới hít hít vào mấy ngón chân để trần của ông nội, ông liền đẩy nó đi với sự cáu bẳn của người bị làm xáo trộn những ý nghĩ lo âu.

"Xéo đi và nằm xuống, Bob. Đi đi, nằm xuống".

Đột nhiên ánh đuốc lịm dần và lại có tiếng bước chân nặng nề của một người đàn ông bước qua đám dương xỉ khô. Những âm thanh ấy vang lên một lúc, tiếng Arthur khá rõ:

"Joe, đừng lo lắng về chuyện đó. Anh đến đây để làm một việc..."

Tất cả mọi ánh mắt đổ dồn vào gã khi gã xuất hiện trên lối nhỏ trong vườn. Gã đang thở dốc, trèo lên tam cấp mà không nói lời nào, ông nội cũng thế, vẫn ngồi yên, chỉ khẽ dịch chân ra khỏi tư thế cũ và đưa tay chặn gã lại.

"Sự thực thế nào, Arthur?"

"Có cái xác ở dưới ruộng thấp, thế thôi".

"Hả!"

Ông nội đứng dậy, nhưng Arthur đã đi qua, tiến về phía cửa bếp. Cô Brady cũng ra khỏi chỗ đó ngay lúc ấy, cô đã mặc áo và chải tóc, đứng trên ngưỡng cửa, những ngón tay vỗ nhẹ vào môi.

"Arthur, có phải anh nói..."

"Cô nghe đây. Tôi đã bảo cô là Joe sẽ không gây lộn xộn nếu hấn đi khỏi. Thoát khỏi rắc rối..."

Gã đi vào, họ nghe thấy tiếng leng keng của chuông điện thoại khi gã nhấn máy ở cuối hành lang. "Lil, nói D24 cho chúng tôi - nhanh lên! - Phải, rắc rối đấy..."

Ở phía sau, Lance bắt đầu nói gì đó, nhưng ông nội đã ấn nó ngồi xuống bằng một động tác giận dữ.

Cô Brady nhìn hai người đàn ông đầy cầu khẩn. "Thật vậy ư? Joe đã giết ai đó ư?"

"Madge, bây giờ thì đừng có làm mọi việc rồi tung lên như thế..."

"Hấn đã - Lạy Chúa!". Hai tay ôm mặt, cô đi đến hành lang và nhìn ra nơi súng nổ. Có một sự chuyển động khe khẽ của khí lạnh, mang theo hơi cỏ khô. ở phía Đông, bầu trời bắt đầu sáng lên. Chú gà trống đầu tiên cất tiếng gáy. Từ một nơi nào đó gần

đấy vang lên tiếng quang quác khô khốc ngắn gọn của một con kookaburra<sup>1</sup>.

Griffiths đứng ở bên kia bậc tam cấp. Bây giờ hắn đang đứng rất thẳng, hai tay nắm chặt lan can, đầu hắn ngả về phía trước, lông mày nhíu lại trong cái cau mày giận dữ. Ông nội nhìn hắn khó chịu.

Arthur đã kết thúc cuộc nói chuyện qua điện thoại với cảnh sát và tiếp tục nói chuyện với nhân viên điện thoại ở quận. Tất cả mọi người đổ hết ra hiên.

"Tôi đã thấy quá nhiều những thằng chó chết, không phải chỉ để biết. Cái gì? - Đúng, tất nhiên là cô ta thế - tôi cũng thế - Joe cũng thế. Không, Lil, hãy để cho tôi vài ngày nữa, cô biết Joe rõ hơn thế mà! Nghe nào - tôi phải đi. Mọi người đã đến đây, ở phía sau".

Gã gác máy và lại ra ngoài. Mọi người đều quay ra nhìn gã nhưng gã chỉ nhìn cậu bé.

"Lance, đi xuống đầu cổng. Phải có người ngăn họ lại..."

"Ai, ba? Cảnh sát á?"

"Mày thì cứ nói đến D24 - thôi, đi đi!"

Lance đã ở bậc tam cấp. "Đừng có ra đường đấy! Mày nghe chứ? Chỉ mở cổng và đứng bên cạnh nơi họ sẽ nhìn thấy mày. Mẹ kiếp, chúng đến mới đông chứ..."

Lance đi. Arthur kéo mạnh quần lên và rút đầu xuống cổ áo sơmi. Mọi người đang nhìn gã nhưng gã chẳng nhìn ai cả. Bộ dạng của gã đầy thách thức.

"Vụ này sẽ làm cho cái lũ con hoang ấy tổn đến già", gã nói. Gã bắt đầu cuốn một điếu xì gà. Cô Brady quan sát gương mặt gã, nhưng ông nội lại nhìn tay gã, đôi bàn tay đang run.

"Arthur, anh có chắc là anh ta đã chết không?" Cô Brady hỏi.

---

<sup>1</sup> Tên một loài chim, tiếng kêu chói tai giống tiếng lửa, sống trong các khu rừng ở Úc.



"Cô không biết gì khi trông thấy một cái xác ư? Dẫu sao, bác sĩ Noyes cũng sẽ đến đây ngay thôi. Lil đang gọi điện cho ông ta".

"Joe đang ở lại dưới ấy à?", ông nội hỏi.

"Một trong số chúng ta phải ở đó".

Yên lặng bao trùm, nhưng đó là sự yên lặng khó chịu khiến không ai trong số họ đưa ra ý kiến của mình cả, mọi người sợ nói ra những ý nghĩ sai lầm. Griffiths đã rời lan can và đang ngồi trên cái hộp, tựa vào tường, đựng đầy ống dẫn nước của hắn. Bình minh đang toả chiếu. Những cây cối ở gần nhất đang lộ rõ dần. Những tiếng líu lo và xào xạc lớn phát ra từ bụi mận tía và boobyalla. Những con wattle-bird<sup>1</sup> đã cất tiếng trong vườn.

Arthur bắt đầu đi đi lại lại trên những tấm ván ọp ẹp. Cô Brady nói gì đó với gã, nhưng nhỏ đến nỗi gã khó có thể nghe được.

"Cái gì?"

"Em bảo: trông anh ta thế nào?"

"Cô định nói gì? - trông anh ta thế nào..."

"Có phải anh ta - trẻ?"

"Trẻ - không! Đủ chín chắn để biết điều hắn làm".

"Joe ở chỗ nào - hắn tấn công anh ta ở chỗ nào?"

"Hắn tấn công anh ta ở đâu thì có hề gì? Này, Madge, cô sẽ làm cho chính mình và tất cả mọi người rối lên đấy". Arthur ngập ngừng và nhìn về phía cô, nhấn mạnh từng từ với điệu bộ giật cục ngắn gọn. "Điều này đã xảy ra hàng tuần, và cô cũng biết rõ như tôi. Joe..."

"Nhưng em không bao giờ nghĩ..."

"Tôi cũng vậy. Joe cũng vậy. Bất kì ai cũng vậy. Chuyện đó vẫn - ôi trời, mẹ kiếp!"

---

<sup>1</sup> Tên một loài chim không lớn lắm.

Cô Brady lấy tay che mặt. Arthur quay người lại phía cô vì cáu giận, nhưng ông nội đã bước đến, dắt người đàn bà đầy lo âu đi, nhẹ nhàng giục cô đi về phía cửa bếp. "Vào đi, Madge. Đây là việc của đàn ông. Không giúp gì được đâu. Không ai muốn giết người hết, nhưng chuyện đó đã xảy ra. Vào đi. Vào và pha trà cho mọi người. Bố và Brady sẽ giải quyết chuyện này".

Cô đi vào, nhưng không có tiếng âm chén nào vọng ra chỗ ba người đàn ông ở ngoài hiên cả.

Phải mất một đến hai phút không ai trong số họ nói năng gì cả trong khi ánh sáng đèn của ngôi nhà bắt đầu yếu đi trước bình minh. Rồi đột nhiên, Arthur ném mẩu xì gà của hắn xuống sàn ván và đi gót chân lên.

"Tại sao cái đồ khốn kiếp ấy lại bắt chúng ta lâm vào tình trạng này cơ chứ! Một thằng đến ăn trộm gia cầm của tôi. Hắn biết tôi ghét điều đó và tôi sẽ làm điều gì đó về chuyện này. Rốt cuộc hắn đã ăn trộm và bị bắt. Tôi phải làm gì bây giờ - ngồi đây mà khóc ư?"

"Có điều là hắn đã bị giết", ông nội nói khẽ khàng.

"Và cái sai lầm chết người ấy thuộc về ai? Con chẳng?"

"Tôi đâu có nói đó là lỗi của anh".

"VẬY CỦA JOE Ư? TẤT CẢ CHÚNG TA ĐỀU ĐÃ ĐÍNH VÀO VÀ ĐÃ THUÊ JOE..."

"Không, tôi không nói - ta đừng tranh cãi về chuyện đó, Arthur. Chuyện đã đủ tệ rồi".

"Bố muốn nói - đủ tệ. Con nói đây là một việc tốt đáng làm. Chúng ta sắp đặt để ngăn việc ăn trộm này lại, và mẹ kiếp, chuyện này đã kết thúc".

"Được rồi", ông nội, không hài lòng, nhưng sợ sẽ kéo dài cuộc cãi cọ xa hơn, đã trở lại chỗ của mình trên lan can. Mặt trời vẫn chưa mọc nhưng bây giờ đã đủ sáng để soi tỏ toàn bộ cảnh vật: một khu vườn nhỏ được chăm sóc qua loa, con đường nhỏ mờ tối chạy

qua cổng, dẫn ra nhà ngoài và bãi quây gà vịt, những cây keo lưa thưa, vỏ có thớ, những mảng dương xỉ màu nâu trên bãi cỏ vàng.

"Đây có đúng là nơi thấy chúng không?" Ông nội hỏi sau một hồi yên lặng thận trọng.

Arthur đến đứng cạnh ông và chỉ. "Bố có nhìn thấy những bụi keo trong hàng với những cái cột móng kia không?", gã nói mát.

"Có".

"Qua bên trái - chỗ cây bạch đàn nhựa phân nhánh ở gốc đấy, ngoài đó là địa phận của chúng ta?"

"Đúng".

"Chúng ở gần đó. Nơi nào đó trong những mảng dương xỉ ấy. Trời còn chưa sáng lắm. Bố sẽ thấy cái đầu Joe ngay thôi. Anh ta đang ngồi đó..."

Ông nội gật đầu. "Bố nghe con nói với Lil là hấn đang chạy", ông nói thận trọng. "Thật thế à?"

"Vâng. Joe dễ xổng..."

"Anh ta tấn công hấn vào lưng?"

"Đúng. Có một lỗ trên người hấn xuyên lên vai trái".

"Xuyên qua tim. Con biết chuyện này sẽ gây phiền toái chứ, đúng không?"

"Phiền toái. Phiền toái cái gì".

"Pháp luật quy định không được giết người vì người ta ăn trộm một con gà".

"Pháp luật quy định người ta không được ăn trộm gà".

Ông không trả lời điều đó. Ông để một hai giây trôi qua. Rồi, với đôi mắt vẫn dán vào mảng dương xỉ, ông nói buồn bã: "Có thể hấn ta cần nó".

Arthur cười lớn đầy khinh bỉ. "Lạy Chúa, bố tốt quá nhỉ. Còn con thì thế nào? Con không cần chúng chắc? Con là kẻ quái quỷ

đang cố nâng số lượng lũ gà lên ư? Bất cứ một thằng con hoang đê tiện nào..."

"Suyt! Anh sẽ để lộ hết với Madge đấy". Ông nội nói lo lắng vì Arthur đang câu tiết thêm, đỡ lấy tay hắn. "Đó hoàn toàn là một vụ sát hại, Arthur ạ. Bố không có gì phản đối về trách nhiệm của phát súng".

Dù sao, cũng không có ai trong số họ để ý, người đàn bà đã xuất hiện, đang đứng trên lối vào cửa bếp. Cô không nhìn họ, mà nhìn vào cái đầu gục xuống của Griffiths, như thể cô thấy sự cô độc bối rối và khó chịu của hắn.

Lúc ấy Arthur cũng đang nghĩ về hắn và quay sang hắn khuyến khích: "Anh nói gì đi chứ, Griffiths. Anh không cho là gã đó mò mẫm cái gì à?"

Griffiths ngẩng đầu lên, lấy tẩu thuốc ra khỏi miệng và nhìn Arthur chằm chằm. "Nếu một người có tài sản thì anh ta phải bảo vệ nó", hắn nói khẽ khàng.

"Ồ đúng quá! Chính xác như cách hiểu của tôi."

\*  
\*      \*

Arthur, hài lòng rằng ý đồ của gã đã được thực hiện, lấy lại vẻ tự nhiên của mình, nhưng tất cả sự chú ý của ông nội vẫn tập trung vào người làm thuê. Ông bắt đầu thở dốc, theo cách thở mà một người già mắc phải trong tình trạng bị kích động tăng dần. Cả người ông run run, đầu ông vươn về phía trước như một con vẹt giận dữ. Ông giơ ngón tay buộc tội - Cô Brady gọi to ông từ ô cửa, nhưng ông không nghe thấy cô.

"Gã con hoang đó đang cười anh đấy!" ông gào lên. Cô Brady và Arthur tiến về phía ông, nhưng ông tránh họ, lách sang bên, người ông cúi rạp khiến tà chiếc áo choàng quét xuống sàn. "Có chuyện gì xảy ra với hắn nào. Hắn chẳng sao cả. Hắn chẳng bao giờ gặp chuyện rắc rối. Hắn không muốn. Hắn sẽ bắn anh. Hắn là một trong những kẻ nguy hiểm trên thế giới". Arthur đã tới chỗ

ông, đẩy ông quay trở lại lan can. "Đúng đấy, Arthur. Anh đã không hiểu hấn. Tôi hiểu. Hấn đang cười. Đó là nụ cười trâng tráo, bản thiú. Tôi đã thấy hấn..."

"Chuyện gì đây - đẹp đi, bố - con đã quá đủ phiền toái rồi..."

Griffiths đứng lên, khinh khỉnh một cách công khai. "Cứ để ông nổi giận", hấn nói cộc lốc với cô Brady. "Tôi xin thanh toán bằng séc. Tôi sẽ ăn sáng trên đường".

Arthur nghe thấy điều đó. "Lại có chuyện gì với anh vậy? Tôi đang thu xếp. Và cô đừng có xen vào chuyện này, Madge..."

Bị làm mất mặt với cả đôi bên, cô đứng đó, lặng lẽ nhìn Griffiths khi hấn ta đi một cách quả quyết về phía giường của mình. Cô thấy hấn lột tấm mền xám cũ kĩ mà hấn đã mang tới, trải ra nền nhà và bắt đầu ném lên đó những thứ linh tinh lặt vặt bao gồm đồ đạc của hấn: cái áo sơmi rẻ tiền, đồ lót, một cái áo nịt len rách tả tơi, đôi giày vải bạt đã mòn vẹt, bộ đồ cạo râu.

Bên lan can ông già gần như nức nở.

"Tôi không lừa anh đâu, Arthur ạ. Tôi không lừa ai hết. Đây là một vụ sát hại, hoàn toàn là sát hại. Tôi không bênh vực gì bọn trộm, nhưng không ai được phép giết người như thế. Người ta thường treo cổ những gã đó chỉ khi chúng lấy đi những gì không phải của chúng. Chúng ta biết gì về hấn? Hấn đang nằm đó - bỏ tay anh ra khỏi mồm tôi! - Tôi biết điều mình đang nói. Khi anh còn bé thì hấn bản thân tôi đã bị giết hơn một lần rồi. Tôi không bao giờ có gì cả. Tôi vui mừng thấy anh có một ít của cải. Nhưng tôi không muốn trông thấy anh giống như thằng trọc phú - cứ vác một khẩu súng chết tiệt quanh quẩn với những thứ anh kiếm được. Mẹ anh..."

"Ông im đi có được không?"

Cô Brady lao đến chỗ họ, chỉ xuống đường. "Arthur, nhìn kia! Ô tô kia rồi - cảnh sát..."

Họ buông nhau ra. Trong không gian yên lặng bao trùm lên ngôi nhà, chỉ còn tiếng leng keng của cái khoá dây thắt lưng khi người đàn ông làm thuê siết chặt lại gói quần áo của mình. ánh

sáng vẫn toả chiếu rực rỡ và một ngày mới lại ngời lên trên mặt đất bình yên, màu mỡ và trĩu nặng tự ngàn xưa với con người.

Đào Thu Hằng dịch

Tim O'brien  
(Mi)

## HÀNH TRANG CỦA HỌ

Trung úy Jimmy Cross mang theo những lá thư của một cô gái tên là Martha, sinh viên năm hai của trường Đại học Mount Sebastian ở New Jersey. Đây không phải là những lá thư tình, nhưng Trung úy Cross đang nuôi hy vọng, vì vậy anh cất chúng trong bọc nhựa ở dưới đáy của ba lô. Cứ mỗi buổi chiều, sau một ngày hành quân dài, anh lại đào một hố cá nhân, rửa tay sạch rồi mở bọc ra, cẩn thận dùng mấy đầu ngón tay để giữ mấy lá thư, bắt đầu đọc, mơ mộng và tưởng tượng cho đến tối. Anh tưởng tượng những lần cắm trại nên thơ trong vùng Núi Trắng ở tiểu bang New Hampshire. Đôi khi anh dùng lưỡi liếm mép của nắp một bao thư, biết rằng Martha cũng đã làm vậy. Hơn bất cứ cái gì, anh muốn Martha yêu anh cũng như anh yêu nàng, tuy nhiên thư của nàng gửi cho anh thường chỉ để tán gẫu; nàng cố tránh né vấn đề tình cảm. Nàng còn trong trắng, anh gần như chắc chắn là như vậy. Nàng học môn sinh ngữ ở Mount Sebastian, và nàng viết những bức thư tuyệt vời về các giáo sư, bạn chung phòng và những kỳ thi giữa mùa, về sự kính trọng nàng dành cho Chaucer<sup>1</sup> cũng như tình cảm nàng dành cho Virginia Woolf<sup>2</sup>. Nàng thường trích vài dòng thơ; nàng không bao giờ đề cập đến cuộc chiến và chỉ nhấn nhủ ở cuối thư, Jimmy, cẩn thận nhé. Các lá thư cân nặng khoảng 300 grams, tất cả đều được ký là Love, Martha, nhưng Trung úy Cross hiểu rằng Love chỉ là một cách ký tên và không có nghĩa như đôi khi anh tưởng tượng. Khi trời sắp tối, anh cẩn thận

---

<sup>1</sup> Nhà thơ cổ điển Anh nổi tiếng.

<sup>2</sup> Nữ văn sĩ Mỹ nổi tiếng.

cất bó thư vào ba lô. Chầm chậm và hơi mất tập trung anh đứng dậy và đi một vòng để kiểm tra vành đai phòng thủ, rồi khi trời sập tối anh trở lại hồ cá nhân và tự hỏi Martha có còn trong trắng không.

Hành trang của họ phần lớn tùy thuộc vào nhu cầu. Trong số những nhu cầu, hoặc gần như là nhu cầu, gồm có cây khui đồ hộp P-38, dao bỏ túi, đồng hồ đeo tay, thẻ bài, thuốc chống muỗi, kẹo, kẹo nhai, thuốc lá, muối viên, những gói Kool-Aid<sup>1</sup>, bật lửa, diêm quẹt, đồ khâu vá, giấy phát lương, đồ hộp, và hai hay ba bi đông nước. Gộp chung lại, những thứ này cân nặng chừng 5 đến 10 ký, tùy theo thói quen của mỗi người hay sức tiêu thụ thức ăn. Henry Dobbins, khá to con, còn mang thêm các trái đào đóng hộp trong nước sirô để trái lên mặt bánh ngọt, một món ăn mà hắn đặc biệt ưa thích. Dave Jensen, phụ trách về vệ sinh quân sự, mang theo bàn chải răng, giấy chùi răng, và nhiều cục xà phòng cỡ nhỏ hắn đã ăn cắp trong chuyến nghỉ phép ở thành phố Sydney ở Úc. Ted Lavender, tính nhút nhát, mang theo thuốc an thần cho đến khi hắn bị bắn chết ở phía ngoài một làng ở Thảm Khê vào giữa tháng Tư. Do nhu cầu, và cũng vì đây là lệnh, họ đều mang mũ sắt nặng chừng 2 ký rưỡi kể cả lưới bọc và lớp mũ nguy trang. Họ mang theo quân phục dã chiến: áo jacket và quần bốn túi. Rất ít người mang theo đồ lót. Dưới chân họ mang giày ống, 1 ký - Dave Jensen mang theo ba đôi tất và một hộp bột rắc chân để đề phòng bệnh tê thấp. Cho đến khi hắn bị bắn, Ted Lavender mang theo chừng 200 grams thuốc phiện thượng hạng, rất cần thiết cho hắn. Mitchell Sander, sĩ quan truyền tin, mang theo bao cao su ngừa thai. Norman Bowker mang theo một cuốn nhật ký. Rat Kiley mang theo mấy cuốn sách tranh hài hước. Kiowa, một con chiên ngoan đạo, mang một cuốn Thánh Kinh mà ba hắn trao cho - ông dạy ở một trường ở thành phố Oklahoma, tiểu bang Oklahoma. Đề phòng lúc nguy hiểm, Kiowa còn mang theo sự ngờ vực của bà nội hắn đối với người da trắng, cái rìu đi săn cũ kỹ của ông nội hắn để

---

<sup>1</sup> Một loại bột thơm và ngọt để khuấy nước uống.



lại<sup>1</sup>. Nhu cầu quyết định tất cả. Do có nhiều mìn và bẫy treo, mỗi người phải mang một áo giáp chính giữa là một miếng thép, bên ngoài bọc ni lông, nặng chừng 3 ký rưỡi, nhưng trong những ngày nóng bức nó dường như nặng hơn nhiều. Bởi vì bạn có thể chết bất cứ lúc nào, mỗi người mang theo một tấm vải băng lớn hay được nhét trong mũ sắt để dễ lấy ra. Do đêm rất lạnh và mùa mưa ướt át, mỗi người mang theo một miếng bọt nhựa màu xanh lá cây dùng để làm áo mưa hoặc làm lều tạm hay tấm trải. Tấm bọt nặng gần 1 ký, nhưng mỗi phần nhỏ có nó đều đáng giá. Chẳng hạn khi Ted Lavender bị bắn chết, họ dùng tấm bọt của hắn để bọc xác hắn, khiêng qua cánh đồng, và rồi đưa hắn lên chiếc trực thăng di tản.

Người ta gọi họ là những cái chân đi hay là lính đi bộ<sup>2</sup>.

Trong bọn họ hầu như ai cũng đem theo các bức ảnh. Trong ví của anh, Trung úy Cross mang 2 tấm ảnh của Martha. Một tấm là hình chụp nhanh ký tên là Love, mặc dầu anh dư biết nó không phải vậy. Nàng đứng dựa vào một tường gạch. Mắt nàng có màu xám, vừa phải, môi hơi hé mở khi nàng nhìn chăm chú vào ống kính. Đôi khi vào ban đêm, Trung úy Cross tự hỏi ai đã chụp bức hình đó, vì anh biết là nàng có nhiều bạn trai, vì anh quá yêu nàng, vì anh có thể thấy bóng của người chụp hình trải dài trên bức tường gạch. Tấm ảnh thứ hai được cắt từ sách niên giám năm 1968 trường Đại học Mount Sebastian. Đây là một hình chụp di động - bóng chuyền nữ - Martha khom người ngang với sân đấu, hai tay đưa ra, hai lòng bàn tay chụm lại, lưỡi căng thẳng, vẻ mặt cương quyết. Không thấy mồ hôi. Nàng mặc quần đùi thể thao. Chân nàng, anh ngắm nghĩ, gần như là chân của một cô gái còn trong trắng, không có lông, nhẵn, gối trái thẳng và chịu hết sức nặng của toàn thân, khoảng dưới 50 ký. Trung úy Cross nhớ có lần mình đụng vào đầu gối trái đó. Anh nhớ lại trong một rạp hát tối đen, bộ phim đang chiếu là Bonnie và Clyde, lúc đó Martha đang

---

<sup>1</sup> Kiowa là người Mỹ gốc da đỏ.

<sup>2</sup> Nguyên bản tiếng Anh là Grunts, tiếng lóng chỉ lính bộ binh Mỹ trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam.

mặc một cái váy đầm và trong phim đang chiếu cảnh cuối cùng, anh sờ vào gối trái nàng, nàng quay đi và nhìn anh với bộ mặt buồn và nghiêm trang tới mức anh phải giật tay lại. Anh luôn nhớ đến cái cảm giác của cái váy, cái đầu gối bên dưới và âm thanh của phát súng giết chết Bonnie và Clyde, tiếng súng nghe thật xấu hổ chậm chạp và tàn bạo. Anh nhớ lúc hôn từ biệt nàng. Đúng lúc đó anh lại nghĩ, lẽ ra anh nên làm một chuyện táo tợn nào đó. Lẽ ra anh đã nên bồng nàng vào phòng, cột chặt nàng vào giường và sờ cái đầu gối đó cả đêm. Lẽ ra anh đã nên liều một phen. Mỗi khi anh nhìn vào mấy tấm ảnh, anh lại nghĩ ra những hành động mới mẻ mà lẽ ra anh đã nên làm.

Hành trang của họ một phần tùy thuộc vào chức vụ, một phần tùy thuộc vào chuyên môn.

Là Trung úy Trung đội trưởng, Jimmy Cross mang một la bàn, bản đồ, sách giải thích kí hiệu quân sự, ống nhòm, và một cây súng Colt 45 nặng chừng một ký rưỡi lúc nào cũng nạp đạn sẵn sàng. Anh mang một đèn hiệu và cả cái trách nhiệm về những mạng sống của thuộc hạ mình.

Là sĩ quan truyền tin, Michell Sanders mang máy PRC-25, nặng bờ hơi tai - 13 ký cùng với bình điện.

Là bác sĩ, Rat Riley mang một túi vải bạt chứa đầy moocphin, huyết thanh, thuốc sốt rét, băng vải và sách hình hài hước và tất cả những thứ khác mà một bác sĩ phải mang, kể cả kẹo sôcôla phòng khi vết thương quá nặng, tổng cộng các thứ nặng gần 10 ký lô.

Do quá to con nên anh được làm xạ thủ súng máy - Henry Dobbins mang cây đại liên M-60, khi không có đạn thì nó nặng 10 ký; tuy nhiên cây súng gần như luôn luôn được nạp đạn đầy. Ngoài ra, Dobbins mang chừng 5 đến 7 ký đạn quán quanh ngực và vai.

Đa số họ là lính đi bộ bình thường và mang súng M-16. Súng này nặng 3,7 ký không có đạn, 4 kí khi nạp đầy đạn, mỗi băng đạn chứa 20 viên. tùy thuộc vào nhiều yếu tố như địa hình và tâm lý mỗi cá nhân, họ mang theo chừng 12 đến 20 băng đạn, đựng trong

dây đeo, do đó thêm vào chừng từ 4 đến 7 ký nữa. Nếu có, họ còn mang theo đồ chùi súng - cây sắt, bàn chải bằng thép và giẻ lau súng cũng như các ống tube đựng dầu lau chùi - tất cả nặng chừng nửa kí. Một vài người còn mang theo súng phóng lựu M-79, nặng 3 ký khi chưa nạp đạn, một loại súng tương đối nhẹ mặc dầu đạn của nó cũng khá nặng. Một trái đạn nặng 300 grams. Thường thì mỗi người mang được 25 trái. Nhưng Ted Lavender, do quá lo xa, mang 34 trái khi hắn bị bắn chết phía ngoài Tân Khê, và hắn ngã xuống dưới một sức nặng kinh khiếp, hơn 10 ký đạn được cộng với áo jacket và mũ sắt, đồ hộp, nước uống, giấy đi cầu, thuốc an thần và các thứ khác, cộng với nỗi sợ hãi không thể cân đo được. Hắn chết không cục cựa do mang quá nặng. Không nẩy người, cũng không lăn qua lăn lại. Kiowa, chứng kiến mọi việc, nói rằng giống như xem một viên đá rơi hay một bao cát lớn ngã xuống. Chỉ nghe bùm, rồi ngã xuống. Không giống như trong phim. Trong phim, người chết thường quay mấy vòng biểu diễn - không giống vậy, Kiowa nói, thằng nhỏ tội nghiệp chỉ lăn đùng ra một cái. Bùm. Ngã xuống. Không có gì khác. Đó là một buổi sáng đầy nắng giữa tháng Tư. Trung úy Cross thấy thấm thía nỗi đau. Anh tự trách mình. Họ gỡ các bi đông nước và đạn của Lavender, tất cả các vật nặng, và Rat Kiley nói lên điều hiển nhiên, nó chết rồi, và Mitchel Sanders dùng máy truyền tin để báo cáo một lính Mỹ bị chết trong khi thi hành nhiệm vụ và gọi trực thăng. Rồi họ bọc Lavender trong tấm bạt của hắn. Họ khiêng hắn ra một cánh đồng khô, thành lập hàng rào bảo vệ, và ngồi hút hết cần sa của hắn cho đến khi trực thăng đến. Trung úy Cross rất im lặng. Anh tưởng tượng nét mặt trẻ trung và êm ái của Martha và nghĩ rằng anh yêu nàng hơn bất cứ cái gì trên đời này, hơn cả thuộc cấp của mình, và giờ đây Ted Lavender đã chết. Khi trực thăng đến, họ đưa xác Lavender lên máy bay. Sau đó họ đốt Tân Khê. Họ hành quân tới tối, rồi đào hố cá nhân, và đêm đó Kiowa cứ nói mãi, tội mày phải chứng kiến mới biết, xảy ra nhanh lắm, thằng nhỏ tội nghiệp ngã xuống như một baoximăng. Bùm, ngã xuống, nhưximăng.

Ngoại trừ ba loại vũ khí tiêu chuẩn, M-60, M-16 và M-79, họ mang theo bất cứ loại súng gì tìm thấy, hay bất cứ vật gì thích hợp

cho việc giết người hay để tự vệ. tùy lúc, tùy hoàn cảnh, họ mang M-14, AR-15 và súng K Thuy Điện, ống bơm mỡ, Chi-Com RPC, cácbin Simonov, súng trường, ống hãm thanh, lưới lê và chất nổ bằng chất dẻo C-4. Lee Shrunk mang một cái ná, loại vũ khí khi không còn gì khác, anh ta gọi nó như vậy. Mitchell Sanders mang quả đấm sắt. Kiowa mang theo cái rìu có gắn lông chim của bố hắn để lại. Trong mỗi nhóm 3 hay 4 người, có một người sẽ mang theo mình Claymore - nặng 1,7 ký với ngòi nổ. Tất cả đều mang lựu đạn - mỗi quả nặng chừng 400 grams. Mỗi người đều mang ít nhất một quả lựu đạn khối M-18 nặng chừng nửa ký. Vài người mang lựu đạn cay. Có người mang lựu đạn phốt pho trắng. Họ mang tất cả những gì mang được, thêm thứ này thứ kia, kể cả sự thán phục thâm lặng cái sức mạnh kinh khủng của vũ khí mà họ mang theo.

Trong tuần lễ đầu tiên của tháng Tư trước khi Lavender chết, Trung úy Jimmy Cross nhận một món quà lấy hên từ Martha. Một viên sỏi đơn thuần, nặng không quá 30 grams, phẳng lì, hòn sỏi có màu trắng sữa với những đốm màu cam và tím, nó có hình bầu dục giống như một cái trứng gà nho nhỏ. Trong lá thư kèm theo, Martha viết rằng cô nhặt được viên sỏi ở bờ biển Jersey, đúng ngay nơi biển tiếp giáp với đất liền lúc thủy triều lên, nơi mà mọi thứ gần nhau nhưng cũng xa nhau. Nàng viết rằng chính cái xa mà gần này đã thúc giục nàng nhặt viên sỏi lên, cất trong túi áo trước ngực nhiều ngày rồi gửi nó qua đường hàng không để biểu lộ cái cảm giác thật sự của nàng đối với anh. Trung úy Cross thấy điều này lãng mạn lắm. Nhưng anh tự hỏi, cảm giác thật sự của nàng là gì, và nàng muốn nói gì khi nàng dùng chữ xa mà gần. Anh tự hỏi làm sao mà các đợt thủy triều và những con sóng đã tham gia vào mọi việc ở buổi chiều đó dọc theo bờ biển Jersey khi Martha nhặt được viên sỏi. Anh tưởng tượng đôi bàn chân trần của cô. Martha là một nhà thơ, với những nhạy cảm của một nhà thơ, và đôi chân của cô trần và có màu nâu, móng chân không sơn, đôi mắt lạnh và u sầu như mặt biển tháng ba, và mặc dù cảm thấy đau đớn, anh tự hỏi buổi chiều đó cô đang đi với ai. Anh tưởng tượng hai cái bóng đi dọc theo những dải cát và sẽ nhập làm một, mặc dầu chúng vẫn riêng biệt. Đây chỉ là sự ghen bóng ghen gió,

qua những ngày nóng bức của đầu tháng Tư, anh ngậm viên sỏi trong miệng, dùng lưới quay tròn nó, ném mùi muối biển và hơi nước. Tâm trí anh đi lang thang. Anh thấy khó tập trung vào cuộc chiến trước mặt. Thỉnh thoảng anh lại la hét các thuộc hạ bởi họ rời rộng khoảng cách di hành, phải cảnh giác tối đa, nhưng rồi anh lại rơi trở vào những giấc mơ, tưởng tượng mình đang đi bộ chân trần dọc theo bờ biển Jersey với Martha, không mang theo thứ gì cả.

Hành trang của họ còn tùy thuộc vào nhiệm vụ.

Khi phải đi lên vùng rừng núi, họ mang mùng, diêm quẹt, vải dầu và kem chống côn trùng.

Nếu là nhiệm vụ hiểm nghèo, hay nếu nó đòi hỏi đi đến một nơi nguy hiểm, họ mang tất cả mọi thứ có thể mang được. ở những nơi dày đặc mìn cóc và bom bi, họ thay phiên nhau mang máy dò mìn, nặng 14 ký. Với hai tai nghe và đĩa dò thật lớn, máy đeo rất nặng trên lưng và vai rất khó xoay sở, thường thì nó chẳng có tích sự gì vì có quá nhiều các mảnh đạn ở dưới đất, nhưng họ cũng mang máy theo, phần để được an toàn, phần vì để có cái cảm giác được an toàn.

Khi đi phục kích, hay trong những chuyến hành quân ban đêm, họ mang những món vặt vặt nho nhỏ. Kiowa luôn mang theo cuốn Thánh Kinh và một đôi giày đế mềm để đi cho im lặng. Dave Jensen mang thuốc bổ mắt có nhiều chất carotine. Lee Strunk mang theo cái ná, đạn dược, hấn nói, không cần phải lo. Rat Kiley mang rượu và kẹo sôcôla. Cho đến khi chết, Ted Lavender mang theo cây đèn hiệu nặng 3 ký đựng trong chiếc hộp nhôm. Henry Dobbins mang pantyhose<sup>1</sup> của bạn gái hấn, cột lưng lỏng trên cổ để làm một niềm an ủi. Tất cả đều mang theo những bóng ma. Tối đến, họ đi thành từng hàng qua những bãi cỏ và cánh đồng để đến mục tiêu, ở đó họ im lặng gài mìn Claymore, nằm và chờ đợi cả đêm.

---

<sup>1</sup> Một loại quần thun của phụ nữ, mặc lót bên trong, dài tới chân, rất mỏng.

Các nhiệm vụ khác thường phức tạp hơn và đòi hỏi dụng cụ đặc biệt. Vào giữa tháng Tư, họ có nhiệm vụ lũng sục và phá huỷ hệ thống đường hầm chằng chịt trong vùng về phía Nam căn cứ Chu Lai. Để làm nổ tung các đường hầm, họ mang nhiều khối thuốc nổ nặng nửa ký, mỗi người 4 khối, tất cả là 34 ký. Họ mang dây, ngòi nổ. Dave Jensen mang theo đồ bịt lỗ tai. Thông thường, trước khi giật ngòi nổ đường hầm họ phải lục soát nó theo lệnh của cấp trên. Điều này chẳng hay ho gì, nhưng họ vẫn phải tuân theo. Vì anh quá to con, Henry Dobbins được miễn nhiệm vụ này. Những người còn lại sẽ bốc thăm. Trước khi Lavender chết thì trung đội có 17 người, và ai rút trúng số 17 sẽ bỏ hết đồ đạc xuống, bò vào hầm mang theo một cây đèn pin và cây súng lục Colt 45 của Trung úy Cross. Những người còn lại sẽ dàn ra để giữ an toàn. Họ ngòi, hoặc quỳ gối, mặt quay ra phía ngoài, lắng nghe lòng đất phía dưới, tưởng tượng các mạng nhện, bóng ma, bất cứ cái gì bên dưới - các bức tường của đường hầm từ từ khép lại - cây đèn bấm dường như nặng vô tả trong tay và tầm nhìn trong hầm bị dồn ép lại từ mọi hướng, mọi khía cạnh, kể cả thời gian; mình phải trườn vào như một con rắn - mông dít và cùi chỏ - cảm giác ngộp thở, lỗ như đèn bấm bị hỏng? Chuột có mang bệnh dại không? Nếu mình la lên, âm thanh sẽ đi bao xa? Các bạn ở phía trên có nghe không? Họ có đủ can đảm để kéo mình lên không? Trong một khía cạnh nào đó, sự chờ đợi còn khủng khiếp hơn là chính cái đường hầm. Sự tưởng tượng rất nguy hiểm.

Ngày 16 tháng Tư, khi Lee Strunk rút thăm số 17, hần cười lảm bảm một câu rồi nhanh chóng leo xuống. Buổi sáng rất nóng và yên tĩnh. Điềm chẳng lành, Kiowa nói. Hần nhìn vào cửa hầm rồi hướng mắt về một cánh đồng khô phía làng Tân Khê. Cảnh vật yên tĩnh. Không một gợn mây. Không một con chim hay một bóng người. Trong khi chờ đợi, họ hút thuốc và uống nước Kool-Aid, không ai nói nhiều, họ vừa thấy thông cảm cho Lee Strunk vừa thấy mình may mắn. May thắng một ít, thua một ít, và đôi khi phải sắp hàng chờ đợi, Mitchell Sanders nói. Trong đám lính mệt mỏi không ai cười.



Henry Dobbins ăn một thỏi sôcôla. Ted Lavender uống một viên thuốc an thần và tách ra đi tiểu.

Năm phút trôi qua, Trung úy Jimmy Cross bước về phía cửa hầm, nghiêng người xuống xem xét. Không xong rồi, anh nghĩ - chắc là bị sập. Bỗng nhiên, một cách vô ý thức, tư tưởng anh lại hướng về Martha. Sức nặng và các kẽ nứt, sự sụp đổ thật nhanh, hai người bị chôn sống dưới tất cả sức nặng của đường hầm. Tình yêu mạnh và dày đặc như những khối đất của đường hầm. Anh quỳ gối nhìn vào bên trong, cố gắng tập trung vào Lee Strunk và cuộc chiến, vào tất cả sự nguy hiểm, nhưng tình yêu của anh mạnh mẽ quá, anh thấy bị tê liệt, anh muốn ngủ vùi trong buồng phổi của nàng, thở bằng máu nàng, ngộp thở. Anh muốn nàng còn trong trắng, và không còn trong trắng, cả hai. Anh muốn biết rõ ràng. Những bí mật riêng tư. Sao lại làm thơ? Sao buồn như vậy? Không phải cô đơn, chỉ là cô độc thôi - cưỡi xe đạp vòng quanh trường hoặc ngồi một mình trong quán cà phê - ngay cả khiêu vũ một mình - và chính sự cô độc này làm anh yêu nàng vô cùng. Anh nhớ lại có một buổi chiều anh đã nói với nàng như vậy. Nàng gật đầu và nhìn đi chỗ khác. Và sau đó khi anh hôn nàng, nàng nhận nhưng không hôn lại, mắt nàng mở to, không e thẹn, không phải mắt của một cô gái còn trong trắng; đôi mắt hờ hững, bình thường.

Trung úy Cross nhìn trừng trừng vào đường hầm. Nhưng đầu óc anh không có ở đó. Anh đang bị chôn sống cùng với Martha dưới lớp cát trắng ở bờ biển Jersey. Họ nằm sát nhau, và viên sỏi trong miệng anh là lưỡi của nàng. Anh đang mỉm cười. Anh ý thức một cách mơ hồ về buổi sáng quá mức yên tĩnh và những cánh đồng ẩm đạm, tuy thế anh không thể nào hướng đầu óc vào những vấn đề an toàn. Đầu óc anh đã đi quá xa. Anh chỉ là một gã thanh niên mới lớn, đang yêu. Anh mới có 24 tuổi. Anh không thể làm khác được.

Một lát sau, Lee Strunk bò ra khỏi đường hầm. Hắn nhăn mặt, người dơ dáy nhưng còn sống. Trung úy Cross gật đầu và nhắm nghiền mắt lại trong khi cả toán võ lưng Strunk, đùa cợt rằng hắn đã thoát khỏi tay tử thần.

Đồ mấy con trùn mới bò ra khỏi nhà mồ, Rat Riley nói. Mày là cái xác quỷ quái mới sống lại.

Cả đám cười. Họ đều thấy nhẹ hẫng người.

Thành phố ma, Mitchell Sanders nói.

Lee Strunk phát ra một âm thanh ma quái nghe thật buồn cười, một tiếng rên rỉ nhưng nghe rất vui, và đúng lúc đó, khi Strunk kêu lên như vậy, bỗng hắn thốt lên, ôi trời, ngay khi Ted Lavender bị bắn một phát vào đầu trên đường đi tiểu về. Hắn nằm miệng há hốc. Hàm răng bị gãy. Phía dưới mặt trái bầm đen, sưng húp lên. Xương má gãy nát. Mẹ nó, Rat Riley nói, nó chết rồi. Nó chết rồi, hắn cứ lăm bầm. Nó chết rồi, thật đấy.

Hành trang của họ, ở một mức độ nào đó, còn tùy thuộc vào sự mê tín. Trung úy Cross đem theo viên sỏi may mắn. Dave Jensen đem theo cái chân thỏ. Norman Bowker, bình thường rất hoà nhã, mang theo một ngón tay cái mà Mitchell Sanders đã cho hắn.

Họ mang theo dụng cụ văn phòng, viết mực, viết chì. Họ mang đèn chiếu sáng, những cuộn dây thép, dao cạo râu, thuốc lá nhai, hương nén, tượng Phật nhỏ xíu, đèn cây, bút chì mờ, tờ báo *The Stars and Stripes*<sup>1</sup>, đồ cắt móng tay, truyền đơn, mũ mềm nguy trang và nhiều thứ khác nữa. Một tuần hai lần, khi mấy chiếc trực thăng chở tiếp liệu đến, chúng đem theo thức ăn nóng trong các thùng màu xanh và bao vải bố lớn đầy bia ướp lạnh và soda. Chúng mang các thùng nhựa chứa nước, mỗi thùng chứa chừng 8 lít. Mitchell Sanders mang một bộ đồng phục dã chiến ủi hồ để mặc trong những dịp đặc biệt. Henry Dobbins mang thuốc diệt côn trùng Black Flag. Dave Jensen mang bao cát, để nhồi cát và giúp phòng thủ vào ban đêm. Lee Strunk mang kem thoa làm đậm da. Có thứ họ cùng nhau mang. Họ thay phiên nhau mang chiếc máy phát sóng PRC-77, nặng 15 ký có bình điện. Họ cùng mang sức nặng của ký ức. Họ thường nâng đỡ nhau, người bị

---

<sup>1</sup> Những ngôi sao và những kẻ sọc, biểu trưng của lá cờ Mỹ.



thương hay kẻ yếu đuối. Họ mang sự nhiễm trùng. Họ mang bàn cờ tướng, banh bóng rổ, tự điển Việt Anh, phù hiệu cấp bậc, huy chương, thẻ nhựa có in Tác Phong Quân Đội. Họ mang các chứng bệnh, gồm cả sốt rét và kiết lỵ. Họ mang chấy rận, sán lãi, đĩa, rong rêu từ các cánh đồng, sự thối rữa, mốc meo. Họ mang chính mảnh đất này, một loại đất bụi màu cam phủ đầy giày ống, quần phục và mặt mũi họ. Họ mang cả bầu trời. Cả bầu không khí, họ mang theo cái ẩm ướt của mùa mưa sinh lầy, mùi hôi của cây nấm và sự mục nát, tất cả các thứ đó, họ mang sức hút của quả đất. Họ di chuyển như những con lừ. Ban ngày họ bị bắn tỉa, ban đêm họ bị pháo kích, nhưng vấn đề không phải là những cuộc chạm trán, mà là những cuộc hành quân dài vô tận, làng này qua làng khác không mục đích rõ ràng, không thắng cũng không thua. Họ đi hành quân chỉ để mà đi hành quân. Họ lê từng bước, chậm chậm, cầm lặng, thân người chúi về phía trước trong cái nắng cháy bỏng, không cần suy nghĩ, tất cả xương máu, những người lính đi bộ binh thường đang đánh giặc bằng đôi chân, nặng nhọc lên đồi xuống dốc đến những cánh đồng rồi xuyên qua những con sông và rồi lại lên, xuống, chỉ đi, đi mãi, nhưng họ không hề nản lòng, bởi vì điều này đã trở nên tự động, trở nên thuần tuý thể xác, không cảm giác, không suy nghĩ, và cuộc chiến đối với họ chỉ là vấn đề đi, đứng và mang theo hành trang, một sự ù lì, trống trải, thiếu vắng những ước muốn, tư duy, lương tâm, hy vọng hay xúc cảm của con người. Nguyên tắc chiến đấu là ở bấp chân của họ. Sự suy tính chỉ thuần tuý về thể xác. Họ không biết đến chiến thuật hay nhiệm vụ gì. Họ lùng sục các ngôi làng không biết để tìm cái gì, chẳng cần biết gì hết, họ đã ngả những chĩnh gạo, lục soát con nít và người già, làm nổ tung các đường hầm, đôi khi đốt nhà, đôi khi không đốt, rồi lại tập hợp thành hàng, đi qua làng kế cận, những làng khác nữa, và cứ thế mọi việc lại tiếp diễn. Họ mang chính sinh mạng của mình. Những áp lực thật kinh khiếp. Trong cái nắng giữa trưa, họ lột mũ, cởi áo ngoài, đi chân trần tuy có nguy hiểm nhưng nó làm đỡ bớt căng thẳng. Họ thường vứt bỏ đồ đạc trên đường đi. Chỉ để thoải mái hơn, họ ném bỏ đồ hộp, cả mìn Claymore và lựu đạn, không thành vấn đề, vì họ biết khi đêm đến máy bay tiếp liệu sẽ tới và lại cung cấp thức ăn, rồi một hay hai ngày sau sẽ có đưa

hầu mát lạnh, hàng đông đạn dược, kính mát và áo len - hàng tiếp liệu nhiều vô kể - pháo bông để đốt vào dịp lễ Độc Lập, trưng nhuộm màu cho lễ Phục Sinh - đây là cả một ngân quỹ chiến tranh vĩ đại của nước Mỹ - sản phẩm của khoa học, những ống khói tàu thủy, đồ hộp, kho vũ khí ở Hartford, gỗ từ các khu rừng ở Minnesota, những xưởng máy, những cánh đồng bắp và lúa mì bát ngát - họ mang đến như những chuyến tàu lửa chở hàng; họ mang trên lưng và trên vai - và lẫn trong những sự bí ẩn của xứ sở Việt Nam, những bí mật và những điều chưa biết, ít nhất họ cũng biết chắc một điều, đó là họ luôn luôn có vật dụng để mang theo.

Sau khi trực thăng đưa xác của Lavender đi, Trung úy Jimmy Cross dẫn lính vào làng Tân Khê. Họ đốt tất cả mọi thứ. Họ bắn gà, giết chó, phá tan ngôi làng, gọi pháo binh nã vào làng và nhìn nó bị đổ sập; và rồi họ lại tiếp tục hành quân nhiều giờ nữa trong cái nắng của buổi xế trưa. Tối đến, trong khi Kiowa diễn đạt cái chết của Lavender, Trung úy Cross thấy mình xúc động mạnh mẽ.

Anh cố kìm lại để khỏi khóc. Dùng cái xẻng đào hầm, nặng 2 ký rưỡi, anh bắt đầu đào một hố cá nhân.

Anh thấy xấu hổ. Anh ghét bản thân mình. Anh đã thương Martha hơn các đồng đội của mình. Kết quả là Lavender đã chết, và vết thương này anh phải mang theo như một viên đá trong lòng từ nay về sau.

Anh không biết làm gì khác, chỉ đào. Anh dùng xẻng như một cái rìu, chém, chặt, cảm thấy vừa yêu vừa hận, và khi trời sập tối, anh ngồi dưới hố và khóc thật lâu. Anh khóc một phần vì Lavender, nhưng phần lớn là anh khóc cho Martha và cho bản thân mình, bởi vì nàng thuộc về một thế giới khác, không hiện hữu, cũng bởi vì nàng là một sinh viên năm hai trường Mount Sebastian ở New Jersey, một thi sĩ, một cô gái còn trong trắng và cô độc, cũng vì cô ta đã không yêu anh và sẽ không bao giờ yêu anh.

Giống như một cụcximăng, Kiowa nói thầm trong bóng tối. Tao thề trước Chúa - Bùm, ngã xuống. Chẳng nói được lời nào.

Tao nghe rồi, Norman Bowker nói.

Nó đang đi tiểu, mày biết không? Vẫn còn đang kéo dây kéo lên. Bị bắn gục trong khi đang kéo dây kéo.

Được rồi. Đủ rồi.

Vâng, nhưng mày phải thấy mới biết, nó chỉ vừa mới...

Tao nghe rồi, thằng kia. Ximăng. Sao mày không cầm hòng lại.

Kiowa lắc đầu buồn bã và liếc về phía hồ cá nhân của Trung úy Jimmy Cross. Không khí đặc sệt và ẩm. Một lớp sương mù dày và âm ẩm phủ trùm các cánh đồng. Sự yên tĩnh báo hiệu trời sắp chuyển mưa.

Một lát sau Kiowa lại thở dài.

Có một điều đáng nói, hấn nói. Trung úy đau lắm. ý tao nói, coi ông kia - không phải ông giả bộ đâu, đau thiệt đó. ông thật sự quan tâm đó.

Chắc chắn rồi, Norman Bowker nói.

Mày nói sao cũng được, ông thật sự quan tâm.

Chúng ta ai cũng có vấn đề cả.

Nhưng Lavender thì không.

Không, chắc là không, Bowker nói. Giúp tao một chuyện được không?

Cầm miệng lại?

Thằng Da Đỏ thông minh. Cầm miệng lại.

Kiowa nhún vai và cởi giày ra. Hấn muốn tiếp tục nói, chỉ để ngủ ngon hơn, nhưng hấn lại mở Kinh Thánh ra và dùng làm đồ gối đầu. Lớp sương mù làm cho mọi thứ trở nên rời rạc và trống rỗng. Hấn cố không nghĩ đến Lavender, nhưng hấn lại nghĩ đến cái chết, xảy ra thật nhanh, không một chút kịch tính, ngã xuống và chết. Hấn không hiểu tại sao mình không thấy cảm xúc gì, ngoại trừ chỉ hơi ngạc nhiên. Vô lương tâm quá. Hấn mong là mình thấy buồn, hay giận, nhưng hấn hoàn toàn không có cảm

giác gì. Phần lớn hắn chỉ thấy mình may mắn được còn sống. Hắn thấy ưa cái mùi của cuốn Kinh Thánh dưới má, mùi da thuộc, mực, giấy và mùi keo, bất cứ chất hóa học gì. Hắn muốn lắng nghe màn đêm. Con mắt mỗi dường như cũng biến mất. Các thớ thịt cứng nhắc và cảm giác nhói đau trong thân thể, tất cả đều trở thành một cảm giác thoải mái. Hắn đang tận hưởng sự sống sót. Nằm trần trọc, Kiowa thấy phục Trung úy và khả năng thương tiếc của anh ta. Hắn muốn chia sẻ nỗi đau đớn của anh ta, hắn muốn quan tâm như Trung úy Cross quan tâm. Mặc dầu vậy, khi nhắm mắt lại hắn chỉ thấy bùm - ngã xuống, và hắn chỉ thấy sự khoẻ khoắn nhẹ nhàng với đôi giày đã được lột ra và màn sương xung quanh, mùi đất ẩm ướt, mùi thơm của cuốn Kinh Thánh cộng với sự dễ chịu êm ả của ban đêm.

Một lát sau, Norman Bowker ngồi dậy trong bóng tối.

Không sao, hắn nói. Mà muốn nói. Vậy thì nói đi. Nói với tao.

Không nói nữa.

Nói đi, nói đi. Có một thứ tao ghét nhất, đó là một thằng Da Đỏ bị câm.

Thông thường thì họ rất bình tĩnh và có phong cách. Tuy nhiên, thỉnh thoảng cũng có những lúc hãi hùng và khi đó họ la hét hoặc muốn la hét nhưng không được, những lúc mà họ co rút lại, rên rỉ che đầu bịt tai lại và cầu Chúa che chở, quay vòng trên mặt đất và bắn loạn xạ, co rúm lại, khóc nức nở và lạy trời cho mọi việc chấm dứt, rồi nổi điên và hứa trăng hứa cuội với bản thân, với Chúa Trời, với ba mẹ, hy vọng là sẽ được sống. Dưới nhiều hình thức khác nhau, mỗi người đều trải qua những cơn như vậy. Sau đó, khi tiếng súng chấm dứt, họ mở mắt ra và len lén nhìn lên, sờ soạng khắp người, cảm thấy xấu hổ và nhanh chóng giả vờ bình tĩnh. Họ cố gắng đứng lên. Giống như trong phim quay chậm, từng bức hình một, thế giới hiện ra theo một logic cũ rích - im lặng tuyệt đối, rồi nghe tiếng gió, rồi xuất hiện ánh nắng mặt trời, và nghe có tiếng người. Đó là gánh nặng của sự sống sót. Vụng về, họ tự động chần chừ lại, từng người một, và rồi từng nhóm, trở lại

là những người lính. Họ lau nước mắt. Họ kiểm tra thiệt hại, gọi trực thăng di tản, đốt thuốc lá hút, cố gắng cười, khắc nhỏ nước miếng và bắt đầu lau dọn súng ống. Một lát sau, có người sẽ lắc đầu và nói: Nói thật, lúc này tao sợ muốn ỉa trong quần đó tụi bay, và một thằng sẽ cười to lên, ý nói là, đúng rồi, dễ sợ quá, nhưng rõ ràng nó không có ỉa trong quần, vậy nó cũng không sợ lắm, và nếu có đứa nào làm vậy thì cứ việc thú nhận. Họ sẽ nhướng mắt nhìn vào ánh mặt trời chói chang đậm đặc. Có lẽ họ sẽ im lặng vài phút, đốt một điếu cần sa và theo dõi nó được chuyển từ bàn tay này qua bàn tay khác, hít sâu vào, đè nén sự nhục nhã. Dễ sợ thật, một người có thể thốt lên. Nhưng sẽ có người nhướng mày lên và nói, ăn thua gì, tao sém bể đít, sém.

Có rất nhiều màn kịch như vậy. Có người thì khoác lên một bộ mặt đăm chiêu, có kẻ thì khoác lên bộ mặt hãnh diện kỉ luật của một người lính, kẻ thì giả vờ cười cười nói nói, kẻ thì trở nên hung hăng táo tợn. Tất cả đều sợ chết nhưng không ai muốn cho người khác biết là mình như vậy.

Họ cố gắng kể chuyện tiêu lâm.

Họ dùng những từ ngữ dữ dội để che lấp sự mềm yếu của họ. Những chữ Bị dẫn rồi, bị đốt rồi, bị thịt khi đang kéo dây kéo. Không phải là họ vô tình hay ác độc với người chết. Họ chỉ muốn đóng kịch thôi. Họ là những diễn viên. Khi có người chết, theo họ, đó không phải là chết thật sự, bởi vì lạ lùng thay hình như mọi việc đã được sắp sẵn như một vở kịch và họ đã thuộc lòng phần lớn kịch bản, trong đó có những điều nghịch lý lẫn sự thương tâm, và bởi vì họ đặt nhiều tên khác nhau cho cái chết, như thể muốn huỷ bỏ sự hiện hữu của nó. Họ đá vào xác chết. Họ cắt ngón tay của xác chết. Họ dùng tiếng lóng. Họ tán gẫu về gói thuốc an thần dự trữ của Ted Lavender và làm sao mà nó không cảm thấy đau đớn gì; hẳn chết bình yên làm sao.

Bài học đó tụi bay, Mitchell Sanders nói.

Trong khi chờ đợi trực thăng đến chở xác Lavender đi, họ hút cần sa của người đồng đội đã chết. Bài học đã rõ ràng rồi, Sanders nói, nháy mắt. Tránh xa cần sa. Thật đấy, coi chừng có ngày.

Nghe hay lắm, Henry Dobbins nói.

Nó phá hư cái đầu mày hiểu chưa? Chẳng còn gì trong đầu hết. Chỉ còn máu và bộ não.

Họ cố cười to lên.

Lại nữa rồi, họ sẽ nói. Nhắc đi nhắc lại - Nữa rồi, anh bạn, tới nữa rồi - như thể cái việc lặp đi lặp lại này là có thể giúp họ biểu hiện một tinh thần vững chãi, một sự thăng bằng giữa cái điên dại và không điên dại, biết mà không làm gì được, lại nữa rồi, có nghĩa là cứ tỉnh bơ mặc cho mọi việc xảy ra, bởi vì bạn ạ, ta không thể thay đổi cái không thể thay đổi, tới nữa rồi, tuyệt đối và chắc chắn rồi.

Họ là những người lính có sức chịu đựng.

Họ mang nặng những cảm xúc của những người có thể chết bất cứ lúc nào. Những sự buồn rầu, sợ hãi, những nỗi ao ước và cả tình yêu - những thứ này xem ra rất mơ hồ nhưng chúng lại có sức nặng, một sức nặng rõ ràng. Họ mang những kỷ niệm đáng xấu hổ? Họ còn mang cái bí mật của sự nhút nhát thấy rõ, cái linh tính mà cứ thúc giục họ bỏ chạy hay trốn thoát, vì nhìn từ nhiều khía cạnh, đây là cái gánh nặng to lớn nhất mà họ phải mang, bởi vì họ không bao giờ đặt nó xuống được; để làm được điều này đòi hỏi sự cân bằng tuyệt đối và một tư thế rất hoàn hảo. Họ mang theo sĩ diện của họ. Họ mang nỗi sợ to lớn nhất của người lính, đó là nỗi sợ nhục nhã. Lính giết người, rồi lính chết, bởi vì nếu không như vậy thì quá nhục. Đó là tại sao họ bị dính dáng vào cuộc chiến này. Không có gì chắc chắn, không phải là những ước mơ cao xa để được danh dự to lớn gì, tất cả chỉ để khỏi bị xấu hổ. Họ chết để khỏi phải chết vì nhục. Họ bò vào những đường hầm, băng qua các chốt chặn và xung phong trong lửa đạn. Mỗi buổi sáng, mặc dầu chẳng biết ngày hôm nay sẽ ra sao, họ vẫn bắt đôi chân phải lê bước. Họ chịu đựng. Họ tiếp tục mang hành trang. Họ không khuất phục và chọn một con đường khác, ví dụ như chỉ cần nhắm mắt lại và ngã xuống. Dễ lắm, thật đấy. Giả bộ cà nhắc và vấp ngã xuống đất, mềm người ra, im lặng và đừng nhúc nhích cho đến khi bạn đồng đội đến đỡ lên, đưa lên trục thăng di tản và trở về với đời sống. Chỉ



là một vấn đề ngã xuống, tuy nhiên đã chẳng có ai ngã như vậy. Nói cho chính xác, cũng chẳng phải là họ can đảm gì, mục tiêu không phải là làm anh hùng. Đơn giản là họ quá sợ mình sẽ trở thành những thằng lính hèn nhát.

Một cách chung chung, họ mang những thứ đó trong lòng, cố gắng giữ một bộ mặt điềm tĩnh. Họ chê bai, mỉa mai những thằng hay cáo bệnh. Họ cay đắng nói về những thằng tìm cách giải ngũ bằng cách bắn ngón chân hay ngón tay. Đồ hèn, họ chửi. Đồ thô lỗ. Họ chế giễu dùng những lời cay độc tuy chúng chỉ chứa đựng chút gan tị hay ngạc nhiên. Tuy thế, trong mắt họ, họ vẫn mừng tượng được mọi việc.

Họ tưởng tượng thấy đầu súng lạnh dí vào làn da. Dễ ợt, chỉ cần bấm cò và bắn đứt một ngón. Họ tưởng tượng. Họ tưởng tượng sự đau đớn đến thật nhanh nhưng ngọt ngào, chuyển di tàn qua Nhật, rồi chiếc giường, ấm áp trong một bệnh viện và mấy cô y tá kháu khỉnh.

Và họ mơ về những cánh chim tự do.

Ban đêm, trong phiên gác, nhìn tròng tròng vào bóng đêm, họ được máy bay đến đưa đi. Họ cảm thấy được không khí ào ạt lúc máy bay cất cánh. Thoát rồi! Họ la lên. Và rồi máy bay bay đi - cánh và động cơ - một cô chiêu đãi đang mỉm cười - nhưng đây không chỉ là một chiếc máy bay, mà nó thật sự là một con chim, một con chim bằng bạc bóng mượt với đầy đủ lông cánh và móng vuốt đang rít lên chói tai. Họ đang bay bổng. Tất cả mọi gánh nặng đã được cất đi; không có gì để mang. Họ cười và nắm chặt thành ghế, cảm thấy được tiếng vỗ của gió lạnh trên tầng không khí, bay bổng, họ nghĩ trong đầu Hết chuyện rồi, mình thoát rồi? - Họ trần truồng, nhẹ như bông và tự do - tất cả là sự nhẹ nhõm, sáng trưng, nhanh chóng và lâng lâng, nhẹ như ánh sáng, một cảm giác khoan khoái trong đầu, một sự bùng vỡ đến xây xẩm trong buồng phổi khi họ bay vút lên trên, qua khỏi các tầng mây và cuộc chiến bên dưới, bỏ xa mọi trách nhiệm và nhiệm vụ, sức hút của trái đất, những sự nhục nhã và những dính dáng toàn

cầu<sup>1</sup>. - Xin lỗi, họ la lên bằng tiếng Việt. Xin lỗi nhé, mấy thằng quỷ kia, nhưng ở đây hết chuyện của tao rồi, đã qua, tao đi du hành không gian đây, tao đi đây!. - và đó là một cảm giác vô cùng thoải mái, tự do hoàn toàn, cưỡi lên trên những con sóng của ánh sáng, lèo lái con chim tự do khổng lồ bằng bạc, vượt lên trên núi và biển cả, nước Mỹ, các nông trại, những thành phố vĩ đại đang yên ngủ, những nghĩa địa, các con đường cao tốc và cái vòng cung màu vàng của tiệm ăn nhanh McDonald, đó là một chuyến bay gần như là một cuộc trốn chạy, một sự rơi rụng, rơi xa và xa hơn, vòng vèo ra khỏi bìa trái đất vượt qua mặt trời và xuyên qua khoảng không gian im lặng bao la nơi đó không tồn tại một gánh nặng nào và mọi thứ đều nhẹ như chân không - Thoát rồi! Họ gào lên. Xin lỗi nhé nhưng tao thoát rồi! - Và rồi cứ như thế, mỗi đêm, không phải hoàn toàn nằm mơ, họ lại tìm đến với sự nhẹ nhõm như vậy và thấy mình được mang đi, nhắc bổng lên, lâng lâng.

Buổi sáng sau khi Ted Lavender chết, Trung úy Jimmy Cross thu mình dưới đáy hố cá nhân và đốt những lá thư của Martha. Rồi anh đốt hai tấm ảnh. Trời mưa đều đều làm cho việc này rất khó khăn, nhưng anh dùng mấy miếng phát lửa và vài cây bút chì để nhúm một đồng lửa, lấy thân mình che nó lại, và dùng mấy đầu ngón tay giữ hai bức hình để nhúng chúng vào ngọn lửa nhỏ màu xanh.

Anh biết rằng việc anh đang làm chỉ là hình thức thôi. Góc nghề, anh tự nhủ. Còn ủy mị nữa, nhưng chủ yếu là góc nghề.

Lavender chết rồi. Mày không thể đổ trách nhiệm được.

Hơn nữa, dù sao anh cũng đã nhập tâm mấy lá thư rồi. Bây giờ, dù cho không có mấy tấm hình, Trung úy Cross vẫn có thể tưởng tượng ra hình ảnh Martha đang chơi bóng chuyền, mặc quần đùi trắng và áo thun vàng. Anh có thể tưởng tượng ra nàng đang di chuyển trong cơn mưa.

Khi đồng lửa tắt, Trung úy Cross kéo tấm vải bạt, che vải lại và ăn sáng bằng đồ hộp.

Chẳng có gì bí mật cả, anh chợt nghĩ ra.

---

<sup>1</sup> Bản tiếng Anh là: global entanglements, chỉ chiến lược can thiệp của Mỹ trên toàn thế giới.



Trong các lá thư, đã bị anh đốt, Martha không bao giờ nhắc đến cuộc chiến, chỉ nói, Jimmy cẩn thận nhé. Nàng không muốn dính líu. Nàng kí tên cuối lá thư là Love, nhưng đó không phải là tình yêu, và tất cả những dòng thư và các chi tiết dù hay ho cách mấy cũng không còn là vấn đề đối với anh. Sự trinh tiết cũng không thành vấn đề. Anh ghét nàng. Đúng vậy, anh ghét nàng. Yêu, cũng có, nhưng đó là một tình yêu đầy căm hận. Buổi sáng ướt và mờ mịt. Mọi vật dường như lẫn vào nhau: màn sương, Martha và cơn mưa nặng hạt.

Anh là một người lính.

Miệng hơi mỉm cười, Trung úy Cross lấy ra mấy cái bản đồ. Anh lắc đầu thật mạnh như thể muốn làm sạch đầu óc của mình rồi anh cúi xuống và bắt đầu hoạch định kế hoạch hành quân. Trong vòng 10 phút, hay 20 phút, anh sẽ đánh thức các đồng đội dậy và họ sẽ chuẩn bị hành trang và cùng nhau hành quân về hướng Tây, nơi mà như trong bản đồ cho thấy, đầy cây cối xanh tươi hấp dẫn. Mưa sẽ làm hành trang nặng thêm đôi chút. Ngoài điều đó ra thì đây cũng sẽ chỉ là một ngày nữa chồng chất lên bao ngày đã qua.

Anh rất thực tế về vấn đề này. Trong lòng anh như có một cảm giác cứng cỏi mới vừa xuất hiện. Anh yêu nàng nhưng cũng ghét nàng.

Sẽ không có chuyện mơ mộng nữa, anh tự nhủ.

Từ đây về sau, mỗi khi anh nhớ về Martha chỉ là để biết rằng, nàng không thuộc về anh. Anh sẽ chấm dứt mọi mơ mộng. Đây không phải là trường Mount Sebastian mà là một thế giới khác, một thế giới không có những bài thơ bóng bẩy hay là các kì thi giữa mùa, là nơi mà người ta chết chỉ vì bất cẩn hay do ngốc nghếch. Kiowa nói đúng. Bùm - ngã xuống, và mày sẽ chết, chết hẳn.

Thật nhanh, trong cơn mưa, Trung úy Cross chợt thấy đôi mắt xám của Martha nhìn trả lại anh chăm chăm.

Anh đã hiểu.

Phạm Bá Dạm dịch

Flanney O'connor  
(Mĩ)

## CUỘC CHẠM TRÁN MUỘN MÀNG VỚI KẺ THÙ

General Sash một trăm linh tư tuổi. Cụ sống với cháu gái, bà Sally Poker Sash, sáu mươi tuổi, người đêm nào cũng quỳ gối nguyện cầu mong cụ sống cho đến lễ tốt nghiệp của bà ở trường Cao đẳng. Cụ General không quan tâm đến việc tốt nghiệp của bà nhưng cụ không bao giờ nghi ngờ việc mình sẽ sống đến lúc đó. Đang sống với một thói quen như vậy nên cụ không thể tưởng tượng được bất kỳ hoàn cảnh nào khác. Một bản diễn văn trong lễ tốt nghiệp không thực sự long trọng đối với cụ, mặc dù, như bà đã nói, người ta chỉ hy vọng cụ mặc quân phục ngồi yên trên khán đài. Bà nói là sẽ có một đoàn diễu hành dài của giáo viên và sinh viên mặc áo choàng nhưng cũng không có gì sánh được với cụ trong bộ quân phục. Cụ biết điều này quá rõ không cần bà phải nói, còn về phía đoàn diễu hành chết tiệt ấy, nó có thể tiến đến âm phủ rồi quay lại thì cũng không gây cho cụ chút xúc động mảy may nào. Cụ thích cuộc diễu hành với những chiếc xe rước đầy hoa hậu American, hoa hậu Daytona Beaches, hoa hậu Queen Cotton Products. Cụ chưa tham dự bất kỳ cuộc diễu hành nào và theo cách nghĩ của cụ thì một cuộc diễu hành mà toàn giáo viên thì ảm đạm như dòng sông Styx<sup>1</sup> vậy. Dù sao, cụ cũng sẽ mặc bộ quân phục ngồi trên lễ đài để người ta có thể nhìn ngắm cụ.

Sally Poker không lấy làm chắc rằng cụ sẽ sống cho tới lễ tốt nghiệp của bà. Không có bất kỳ dấu hiệu gì cho thấy sự thay đổi

---

<sup>1</sup> Dòng sông dưới âm phủ, sông Mê.

của cụ trong năm năm qua, nhưng bà cảm thấy mình có thể gặp may bởi vì bà thường xuyên như vậy. Hàng năm, kể từ hơn hai mươi năm nay, bà phải đến trường vào dịp hè vì cái thuở bà bắt đầu dạy thì người ta chẳng cần chút bằng cấp nào cả. Thuở ấy, bà nói, mọi thứ đều bình thường nhưng lúc bà mười sáu tuổi thì chẳng có gì bình thường nữa; rồi trong suốt hơn hai mươi mùa hè qua, khi lẽ ra được nghỉ ngơi, thì bà phải lê thân dưới cái nóng bỏng rát đến trường Cao đẳng sư phạm; và cho dù khi bà quay trở lại vào mùa thu, bà vẫn luôn dạy chính xác như cách bà được dạy là không phải để dạy, đây là mối bất mãn nhẹ nhàng mà ý thức về sự công bằng của bà không được thỏa mãn. Bà muốn cụ General có mặt ở lễ tốt nghiệp vì bà muốn cụ thấy bà đứng ở đó, hoặc, như bà nói, "tất cả mọi điều đều ở phía sau bà", - mà không phải là ở phía sau họ. "Họ" này không phải là một người nào đặc biệt. Đó chỉ là tất cả những kẻ mới phát đã quay lưng lại với thế giới trên đầu chúng và phá vỡ lối sống thuần phong mỹ tục.

Bà dự định đứng trên bục diễn thuyết đó vào tháng Tám, với cụ General ngồi trên xe đẩy trên bục phía sau bà, bà muốn ngẩng đầu rất cao cứ như là đang nói: "Hãy nhìn ông ấy! Hãy nhìn ông ấy! Dòng dõi nhà ta, hỡi những kẻ mới phát kia! Một ông già quang minh chính trực vẫn đang giữ vững truyền thống cũ. Lòng tự trọng! Danh dự! Dũng khí! Hãy nhìn ông ấy!". Đêm nọ trong giấc mơ bà đã hét lên: "Hãy nhìn ông ấy! Hãy nhìn ông ấy!" và quay nhìn thấy cụ, đang ngồi trên xe lăn phía sau mình lộ vẻ kinh hoàng trên gương mặt, đã cởi hết quần áo trừ cái mũ tướng, đêm đó bà thức dậy và không dám ngủ lại nữa.

Về phần mình, cụ General thậm chí sẽ không đồng ý đến dự lễ tốt nghiệp nếu bà không hứa để ý đến chỗ cụ ngồi trên khán đài. Cụ thích ngồi trên bất cứ loại khán đài nào. Cụ cho rằng mình vẫn là người rất đẹp trai. Khi cụ có thể đứng thẳng dậy, cụ bước đi hùng dũng không kém bất kỳ ai. Tóc cụ đã bạc trắng xõa xuống vai, cụ không đeo răng giả vì cụ nghĩ nhìn nghiêng, mặt cụ sẽ gây ấn tượng hơn khi không có chúng. Khi cụ mặc bộ lễ phục cấp tướng, cụ biết rõ rằng ở bất cứ chỗ nào cũng không có gì xứng được với cụ.

Đây không phải là bộ quân phục cũ cụ đã mặc trong chiến tranh giữa các bang. Trong cuộc chiến ấy, thực ra cụ không phải là một vị tướng. Có lẽ cụ chỉ là một người lính bình thường; cụ không nhớ cụ đã làm gì, thực tế là cụ không nhớ được cả cuộc chiến tranh đó nữa. Giống như bàn chân cụ, giờ đây đã thông xuống, teo lại ở đoạn cuối: vô cảm, được phủ một chiếc khăn len xanh xám mà Sally Poker đã đan khi còn là một cô bé. Cụ không nhớ chiến tranh Tây Ban Nha - Mĩ mà trong cuộc chiến đó cụ đã mất một người con trai; thậm chí cụ cũng không nhớ cả đứa con ấy nữa. Cụ không đả động tí gì đến lịch sử vì cụ không bao giờ mong muốn gặp lại điều đó. Trong ký ức cụ, lịch sử có mối liên hệ với những cuộc diễu hành và với đời sống bằng những cuộc duyệt binh; cụ thích duyệt binh. Người ta luôn hỏi liệu cụ có nhớ chuyện này hay chuyện kia không - một loạt những câu hỏi đen ngòm ảm đạm về quá khứ. Chỉ có một trường hợp trong quá khứ có một chút ý nghĩa với cụ mà cụ đã cẩn thận khi nói đến; đó là mười hai năm trước, lúc cụ được nhận bộ quân phục tướng lĩnh và có mặt trong lễ ra mắt.

"Tôi đã tham dự buổi lễ được tổ chức ở Atlanta đó", cụ nói với những người khách đang ngồi trên hành lang trước cụ. "Những cô gái đẹp vây quanh. Đó không phải là tập tục địa phương. Nghe đây! Đó là trường hợp đặc biệt mà người ta dành cho tôi - họ đứng lên cả khán đài. Không có những thành phần cộc đuôi ở đó. Để vào được, tất cả mọi người phải trả mười đôla và phải mặc áo xmockinh. Tôi mặc bộ quân phục này. Một cô gái đẹp đưa tôi vào phòng khách sạn trưa hôm đó".

"Đây là một dãy phòng trong khách sạn và cháu cũng ở đó, ông ạ", Sally Poker nói, nháy mắt ra hiệu với những người khách. "Ông đâu có ở một mình với quý bà trẻ tuổi nào trong phòng khách sạn".

"Này, ta biết điều mình làm", cụ già General nói với một cái lườm, những người khách cười phá lên. "Đó là một Hollywood,<sup>1</sup> Califonia thực sự, và gái", cụ tiếp tục. "Nàng đến từ Hollywood,

---

<sup>1</sup> Kinh đô điện ảnh Mĩ và thể giới.

California nhưng chưa hề đảm nhận một vai nào cả. ở đó họ có nhiều gái đẹp đến nỗi họ không cần phải gọi thêm người dự bị nữa và các cô gái ấy chẳng được sử dụng vào việc gì cả ngoài chuyện giới thiệu mọi thứ với khách và chụp ảnh cùng họ. Họ chụp ảnh tôi với nàng ấy. Không, với hai nàng cơ. Hai nàng hai bên, tôi ở giữa vòng tay ôm eo, eo họ thì chẳng có lớn hơn nửa đôla tí nào".

Sally Poker lại ngắt lời. "Ông ạ, chính ngài Govisky đã trao bộ quân phục ấy cho ông, ông ta còn đưa cho cháu đoá hoa cài ngực thanh tú nhất. Thật đấy, ước gì ông nhìn thấy nó. Nó được kết từ những cánh hoa lay ơn rời, được sơn vàng, xếp úp cánh vào nhau trông như một bông hồng. Nó thật là thanh tú. Cháu ước gì ông nhìn thấy nó. Nó..."

"Nó to như đầu cô ta ấy", cụ General càu nhàu. "Ta đang nói. Người ta đưa cho tôi bộ quân phục và thanh gươm này rồi nói: "Nào General, chúng tôi không muốn ngài tham chiến cho chúng tôi. Tất cả những gì chúng tôi muốn là ngài đi thẳng lên lễ đài khi ngài được giới thiệu tối nay và trả lời vài câu hỏi. Ngài có nghĩ mình làm được việc đó không?" "Tôi cho rằng tôi làm được!", tôi nói, "Nghe đây. Tôi đã làm những điều này trước khi các ngài ra đời đấy", và họ reo hò".

"Cụ nhà may mẩn về hình thức", Sally Poker nói, nhưng bà không muốn nhớ đến buổi ra mắt bởi chuyện đã xảy ra với đôi chân của bà. Bà đã mua một bộ váy mới để mặc vào dịp lễ hội - một cái váy lụa đen dài mặc vào tiệc tối với dây thắt lưng bằng kim cương giả và một chiếc áo bôlêrô, một đôi giày đế mỏng màu bạc để đi cùng với nó, bởi vì bà nghĩ rằng mình phải đi lên khán đài với cụ để giữ cho cụ khỏi ngã. Mọi thứ đã được chuẩn bị sẵn sàng cho họ. Một chiếc xe hòm thực sự đến lúc tám giờ kém mười phút, đưa họ đến nhà hát. Tới đúng giờ, nó đỗ lại bên dưới vòm ra vào, phía sau những ngôi sao lớn, giám đốc, đạo diễn, thống đốc, thị trưởng và những ngôi sao kém quan trọng. Cảnh sát giữ trật tự giao thông để tránh tắc nghẽn, những sợi dây căng lên để ngăn không cho người ta lấn vào. Tất cả mọi người đều đứng lại để xem họ bước ra từ cái xe hòm trong ánh sáng. Rồi họ đi xuống phòng đợi sang trọng, một người hướng dẫn bé nhỏ đội mũ đồng phục liên

bang và mặc váy ngắn đưa họ vào chỗ ngồi đặc biệt của mình. Khán giả đã ổn định, các thành viên của nhóm UDC bắt đầu vỗ tay khi họ thấy General trong bộ quân phục và tất cả mọi người cũng vỗ tay theo. Thêm vài người nổi tiếng nữa đến sau họ, rồi cửa đóng và đèn tắt.

Một người đàn ông trẻ có mái tóc hoe vàng lượn sóng đại diện cho ngành công nghiệp điện ảnh bước ra bắt đầu giới thiệu tất cả mọi người, mỗi người được giới thiệu đều tiến lên khán đài và nói mình đã hạnh phúc như thế nào khi đến đây dự sự kiện trọng đại này. Cụ General và cháu gái cụ được giới thiệu lượt thứ mười sáu trong chương trình. Anh ta giới thiệu là ngài General Tennessees Hintrock Sash thuộc Liên bang, cho dù Sally Poker đã nói với ngài Govisky rằng tên cụ là Goerge Poker Sash và cụ chỉ từng là thiếu tá thôi. Bà giúp cụ đứng dậy khỏi ghế nhưng tim bà đập nhanh đến nỗi bà không biết mình có làm được điều đó hay không.

Cụ già chậm chạp đi lên lối đi giữa các hàng ghế, cái đầu cao bạc trắng của cụ xấu vô cùng, chiếc mũ giữ trước ngực. Dân nhạc bắt đầu chơi rất du dương bản Bài ca Chiến trận Liên bang, nhóm các thành viên của UDC đứng lên và không ngồi lại cho tới khi cụ General lên đến bục. Khi cụ lên đến giữa bục cùng với Sally Poker ngay ở phía sau để dắt tay cụ, dân nhạc trào lên trong sự biểu diễn cuồng nhiệt bản Bài ca Chiến trận; ông lão, với dáng vẻ rất sần kháu cúi chào với vẻ xúc động mãnh liệt và đứng nghiêm cho tới khi tiếng kèn tắt hẳn. Hai người hướng dẫn chỗ ngồi đội mũ đồng phục liên bang và mặc váy ngắn cầm cờ liên bang đi qua phía sau họ.

Cụ General đứng ngay chính giữa vòng, một vùng ánh sáng hình mặt trăng kỳ quặc chiếu lên một bên bà Sally Poker - đóa hoa cài ngực, dây thắt lưng bằng kim cương giả, một tay nắm chặt chiếc găng màu trắng và cái khăn mùi xoa. Người đàn ông trẻ với mái tóc hoe vàng lượn sóng bước vào trong vòng tròn ánh sáng và nói rằng anh ta thực sự hạnh phúc được ở đây tối nay trong sự kiện trọng đại này, một người, anh ta nói, đã từng chiến đấu và đổ máu trong những trận đánh và chẳng mấy nữa các bạn sẽ thấy



một trận phản công táo bạo trên màn ảnh, và "thưa ngài General, xin hãy nói", anh ta hỏi, "ngài bao nhiêu tuổi ạ?"

"Chín mươi ha-ai!", cụ General gào lên.

Trông người đàn ông trẻ như là anh ta vừa nghe thấy điều gây ấn tượng nhất trong cả buổi tối hôm nay. "Thưa quý bà, quý ông", ông ta nói; "Hãy dành cho ngài General tôn kính tràng vỗ tay lớn nhất!" và ngay lập tức tiếng vỗ tay vang lên, người đàn ông trẻ dùng ngón tay cái ra hiệu cho bà Sally Poker rằng bây giờ bà có thể đưa cụ già quay trở lại chỗ ngồi để giới thiệu người tiếp theo; nhưng cụ General chưa chịu kết thúc. Cụ đứng bất động giữa vòng tròn ánh sáng, cổ cụ đưa ra phía trước, miệng cụ hơi há, đôi mắt xám hâu hâu của cụ đang nhìn một cách thích thú vào ánh sáng chói lòa và tiếng vỗ tay tán thưởng. Khuỷu tay cụ bị bà cháu gái lôi đi một cách thô bạo. "Làm cách nào mà tôi giữ được sự trẻ trung như thế", cụ hét lên: "Tôi hôn tất cả những cô gái dễ thương".

Điều này được đón nhận bằng một tràng vỗ tay tự phát rầm rầm, ngay lập tức Sally Poker nhìn xuống chân mình và phát hiện ra rằng trong lúc chuẩn bị vội vã bà đã quên thay giày: đôi giày dưỡng sinh màu nâu thò ra dưới gấu váy. Bà kéo mạnh cụ General và hầu như cùng với cụ chạy ra khỏi bậc. Cụ rất giận vì cụ không nói được mình đã vui mừng như thế nào khi ở đây tham dự sự kiện này và trên đường quay trở lại chỗ ngồi, cụ dồn hết sức hét tướng lên: "Tôi hết sức vui mừng được ở đây trong sự kiện trọng đại này với tất cả các cô gái đẹp ở đó!", nhưng những người nổi tiếng khác đi lên và chẳng ai tỏ ra có bất kỳ dấu hiệu nào chú ý tới cụ. Cụ ngủ suốt cả buổi quay phim, cứ thỉnh thoảng lại cần nhàn hết sức khó chịu ngay cả trong giấc ngủ.

Kể từ đó, cuộc sống của cụ không còn thú vị nữa. Bây giờ chân cụ đã liệt hẳn, hai đầu gối cụ cử động như những bản lề, người cụ hoạt động lúc nào nó muốn, nhưng trái tim cụ thì đập vô cùng bền bỉ. Kể cả ngày xưa hay mai sau nó vẫn như thế với cụ, lần này quên lần khác lại không nhớ; ý niệm về cái chết của cụ không hơn một con mèo. Hàng năm vào ngày Quốc khánh cụ lại

gói ghém và đi đến Bảo tàng thủ đô nơi cụ được trưng bày từ ngăn thứ nhất đến ngăn thứ tư, trong một căn phòng ẩm mốc, đầy những bức ảnh cụ, những bộ quân phục cũ, những khẩu pháo cũ, những tư liệu có tính chất lịch sử. Tất cả những thứ đó được giữ gìn cẩn thận trong tủ kính để trẻ con không sờ vào. Cụ mặc bộ quân phục cấp tướng của mình từ buổi ra mắt và ngồi, nhìn chăm chăm vào bên trong khu vực đã được chằng xung quanh bằng một sợi dây nhỏ. Người cụ chẳng có gì là dấu hiệu của sự sống ngoại trừ đôi mắt xám đục thỉnh thoảng đảo qua đảo lại; nhưng một lần khi một đứa bé táo bạo sờ vào lưới gươm của cụ, cánh tay cụ liền bật về phía trước và đập đập bàn tay vào đó một lúc. Vào mùa xuân, khi những ngôi nhà cũ mở cửa cho khách hành hương, cụ được mời mặc quân phục và ngồi ở một nơi dễ thấy nào đó, góp phần vào không khí cảnh vật. Mấy lần đó cụ chỉ càu nhàu với những người khách, nhưng thỉnh thoảng cụ lại kể về buổi lễ ra mắt và những cô gái đẹp.

Nếu cụ chết trước lễ tốt nghiệp của bà Sally Poker, bà nghĩ chắc mình sẽ chết mất. Vào lúc bắt đầu mùa hè, thậm chí trước khi biết mình sẽ đỗ, bà đã nói với ngài hiệu trưởng rằng ông nội bà, ngài General Tennessees Hintrock Sash thuộc Liên bang, sẽ tới dự lễ tốt nghiệp của bà, rằng cụ đã một trăm linh tư tuổi, rằng đầu óc cụ vẫn còn minh mẫn như một quả chuông. Những người khách sang trọng luôn được đón mừng và mời ngồi lên khán đài để giới thiệu. Bà đã thu xếp với đứa cháu trai của mình, John Wesley Poker Sash, một hướng đạo sinh, đẩy xe lăn cho cụ General. Bà nghĩ thật hài lòng làm sao khi thấy một cụ già trong bộ quân phục màu xám oai vệ và một thằng bé trong bộ ka ki sáng màu - cũ và mới, bà thấy thật thích hợp - họ sẽ ở sau bà, trên bục khi bà nhận bằng tốt nghiệp của mình.

Tất cả mọi thứ gần như chính xác theo tính toán của bà. Trong suốt cả mùa hè, bà luôn ở trường, cụ General ở với những người họ hàng khác và họ dẫn cụ cùng John Wesley, đứa bé hướng đạo sinh đến lễ tốt nghiệp. Một phóng viên đến khách sạn nơi họ ở, chụp bức ảnh cụ General đứng giữa Sally Poker và John Wesley đứng bên kia. Cụ General, người đã từng chụp ảnh với những cô



gái đẹp, đã không nghĩ nhiều về điều đó. Cụ đã quên hết những buổi lễ kiêu như cụ sẽ dự nhưng cụ nhớ rằng mình đã mặc quân phục và đeo gươm.

Vào buổi sáng lễ tốt nghiệp, bà Sally Poker xếp hàng vào đoàn diễu hành của học viện cùng với những cử nhân khoa học thuộc khoa Giáo dục Tiểu học, bản thân bà không thể đưa cụ lên khán đài - nhưng John Wesley, một thằng bé béo tròn mười tuổi tóc hoe vàng với sự sốt sắng, đã đảm bảo chu toàn mọi chuyện. Bà mặc áo lễ đến khách sạn để mặc bộ quân phục cho cụ. Cụ yếu như một con nhện khô. "Ông vừa rùng mình phải không, ông?" - bà hỏi. "Ta vừa rùng mình để chết đấy!"

"Nhớ đặt thanh gươm ngang qua lòng ông, cháu yêu nhé!", cụ già nói, "nơi đó nó sẽ được chiếu sáng".

Bà đặt nó ở đó rồi đứng xoay lại nhìn cụ. "Trông ông rất oai vệ", bà nói.

"Mẹ kiếp", ông cụ nói bằng một giọng chắc chắn, chậm đều như thể cụ nói điều đó với trái tim đang đập của mình. "Mẹ kiếp, tất cả mọi thứ đều mẹ kiếp".

"Nào, nào", bà nói rồi hạnh phúc đến nhập vào đoàn diễu hành.

Những cử nhân đứng xếp hàng phía sau tòa nhà Khoa học, bà tìm thấy chỗ của mình đúng lúc đoàn người bắt đầu đi. Đêm hôm trước bà không ngủ được nhiều và khi ngủ, bà đã mơ về bài diễn thuyết, lắm bầm: "Nhìn ông, nhìn ông!" trong giấc ngủ, nhưng mỗi lần thức giấc, ngay sau khi bà quay đầu lại đã nhìn thấy cụ ở phía sau bà. Những cử nhân mặc áo choàng len màu đen phải đi bộ qua ba khu phố dưới mặt trời nóng bỏng và khi bà lê bước một cách thản nhiên theo đoàn diễu hành bà đã nghĩ rằng nếu có bất cứ ai muốn để ý đến một điều gây ấn tượng nào đó của đoàn diễu hành thuộc học viện này, họ chỉ cần đợi cho tới khi thấy ngài General già mặc bộ quân phục màu xám đường bệ và một hướng đạo sinh trẻ sáng sủa, béo mập đẩy xe lăn của cụ băng qua bụi dưới ánh nắng mặt trời chiếu lấp lóa lên thanh gươm. Bà cho rằng bây giờ John Wesley đã đưa cụ đến sau bụi.

Đoàn diễu hành màu đen đã đi qua hai khu phố và bắt đầu lên con đường chính dẫn đến giảng đường. Khách khứa đứng lên cở, đang chỉ trỏ những cử nhân của mình. Đàn ông hát ngược mũ ra sau, lau trán, đàn bà kéo lớp váy mỏng ra khỏi vai để giữ không cho nó dính vào lưng. Đám cử nhân mặc những chiếc áo choàng nặng nề trông cứ như những giọt ngậy thơ cuối cùng đang thoát ra khỏi họ. Mặt trời chiếu sáng chói trên bađờsốc ô tô, chiếu đến những chiếc cột của tòa nhà và khiến những ánh mắt phải quay nhìn sang hướng khác. Nó khiến Sally Poker nhìn về phía chiếc máy Coca-Cola lớn màu đỏ đặt bên cạnh giảng đường. ở đó bà thấy cụ General đã dừng lại, đang cau có, không đội mũ, ngồi trên xe đẩy dưới mặt trời đang tỏa nắng, trong khi John Wesley, mặc chiếc áo cánh rộng phía sau, hông và má tì vào cái máy đỏ, đang uống một chai Coca-Cola. Bà tách ra khỏi hàng, chạy nhanh đến chỗ họ chộp lấy cái chai. Bà lắc thằng bé, giật cái áo choàng của nó và chụp chiếc mũ lên đầu cụ già. "Bây giờ đưa ông vào trong này!", bà nói, giận dữ chỉ tay vào cái cửa bên cạnh tòa nhà.

Về phần mình, cụ General cảm thấy hình như có một cái lỗ nhỏ bắt đầu nở rộng ra trên đỉnh đầu mình. Thằng bé đẩy nhanh cụ xuống con đường đi bộ, lên một đoạn dốc, vào trong tòa nhà, đẩy mạnh cụ qua cửa vào đúng vị trí dành cho cụ, cụ General nhìn trừng trừng ra phía trước, tất cả như hòa lẫn vào với nhau, nhưng đôi mắt chuyển từ gương mặt này đến gương mặt khác. Những người mặc áo choàng đen đến cầm tay cụ và lắc. Đoàn diễu hành màu đen đang tràn qua các lối đi và hình thành bản nhạc ở khu vực trước mặt cụ. Bản nhạc dường như chui vào đầu cụ, xuyên qua cái lỗ nhỏ trên đầu và cụ nghĩ trong giây lát rằng đoàn diễu hành cũng sẽ cố đi vào đó.

Cụ không biết đấy là đoàn diễu hành gì nhưng trông chúng có vẻ quen quen. Hẳn là rất quen đối với cụ bởi vì đoàn người đến chào cụ, nhưng cụ không thích một đoàn diễu hành màu đen. Bất kỳ đoàn diễu hành màu đen nào đến chào cụ, cụ bực bội nghĩ, cũng nên có xe diễu hành với những cô gái đẹp ngồi trên đó giống như đoàn xe diễu hành trong sự kiện trọng đại trước kia. Hẳn là có một điều gì đó liên quan đến lịch sử như chúng đã luôn luôn có. Cụ

chẳng có ích gì cho nó cả. Giờ đây điều diễn ra không có ý nghĩa gì đối với một người đàn ông đang sống và cụ rõ là đang sống.

Khi tất cả đoàn diễu hành đã tràn vào trong khu vực màu đen thì một hình người đen ngòm bắt đầu diễn thuyết phía trước. Hình người ấy đang nói điều gì đó về lịch sử và cụ General cố làm cho tâm trí mình không lắng nghe, nhưng những từ ấy vẫn lọt qua cái lỗ nhỏ trên đầu cụ. Cụ nghe thấy tên mình được nhắc đến và chiếc xe bị đẩy nhanh như con thoi một cách thô bạo về phía trước, thẳng chầu hướng đạo sinh đưa cụ đến một khu vòm lớn. Người ta hô tên cụ và thằng bé cúi chào. Cụ tin rằng sự náo nhiệt đó người ta dành cho cụ. Giá mà cụ đã đi qua, cụ không có ý định lắng nghe thêm tí nào nữa. Nếu không có cái lỗ nhỏ trên đầu, không một từ nào có thể lọt vào người cụ được. Cụ có ý định ấn một ngón tay vào cái lỗ để chặn những âm thanh đó, nhưng cái lỗ nhỏ ấy lại rộng hơn ngón tay cụ và có cảm giác như thể nó đang khoét sâu thêm.

Một người mặc áo choàng đen khác lên thay chỗ người ban nãy và bây giờ thì đang nói, cụ lại thấy tên mình được nhắc đến, nhưng người ta không nói về cụ, họ vẫn đang nói về lịch sử. "Nếu chúng ta quên đi quá khứ", người diễn thuyết nói, "chúng ta sẽ không nhớ được tương lai và tương lai cũng sẽ khiến không ai trong chúng ta có thể tồn tại được". Cụ General nghe được mấy từ đó một cách chậm rãi. Cụ đã quên lịch sử và cụ không có ý định nhớ lại. Cụ đã quên tên, quên mặt vợ mình, quên tên quên mặt con mình hoặc thậm chí quên cả việc cụ đã có vợ có con, cụ quên cả tên địa danh, những địa danh đã xảy ra nhiều sự kiện.

Cụ rất khó chịu vì cái lỗ trên đầu. Vào lúc này cụ không hề mong chờ có một cái lỗ như thế ở trên đầu. Một bản nhạc trầm vang lên, mặc dù hầu hết những nốt nhạc ở bên ngoài, nhưng vẫn còn một ít lọt được vào trong cái lỗ đó, đi sâu hơn và xoáy vào trong ý nghĩ của cụ, để cho những từ cụ nghe được lọt vào vùng tối của óc cụ. Cụ nghe thấy những từ, Chickamauga, Shiloh, Johnston, Lee, cụ biết cụ đang truyền cảm hứng cho những từ không có ý nghĩ gì với mình. Cụ băn khoăn không biết mình đã từng là một vị tướng ở Chickamauga hay ở Lee. Khi ấy cụ cố chỉnh trang lại mình và cưỡi con ngựa ở giữa chiếc xe rước đầy những cô

gái đẹp, đang lái chậm chậm qua khu thương mại ở Atlanta. Nhưng, những từ xưa cũ đó bắt đầu khuấy đảo trong đầu cụ như thể chúng đang cố bứt khỏi đó để ra ngoài cuộc sống.

Người diễn thuyết đã nói hết phần chiến tranh và đến người tiếp theo, giờ đây cụ đang tiến gần đến những từ khác và tất cả những từ ngữ của cụ, giống như cuộc diễu hành màu đen kia, có nét quen thuộc mơ hồ và cầu bản. Một nốt nhạc dài ngân lên trong đầu cụ, dò tìm dấu vết của những từ ngữ khác, để lại một chút ánh sáng lên những từ ngữ ấy, giúp cho chúng trở nên sống động. Những từ ngữ ấy bắt đầu tiến về phía cụ, cụ nói: "Mẹ kiếp! Tôi sẽ không nhận cái đó!" Và cụ bắt đầu lùi trở lại để thoát ra. Khi ấy cụ thấy một người mặc áo choàng đen ngồi xuống và một tiếng ầm ầm vang lên, toàn bộ vòm đen bắt đầu lao ầm ầm, tuôn về phía cụ từ mọi ngả, tấu lên một bản nhạc trầm chậm rãi, cụ nói: "Mẹ kiếp, dừng lại đi! Lúc này ta không thể làm được gì ngoài một điều!" Cụ không thể tự bảo vệ mình khỏi mớ từ ngữ đó, kể cả những dự định đối với đoàn diễu hành; mớ từ ngữ đang lao đến cụ rất nhanh. Cụ cảm thấy cụ đang chạy lùi lại và chúng, mớ từ ngữ ấy đang lao vào cụ như những viên đạn hỏa mai; cụ chỉ muốn trốn thoát nhưng lại tiến đến gần hơn, gần hơn. Cụ quay lại và bắt đầu cố chạy thật nhanh nhưng cụ lại thấy mình chạy về phía những từ ngữ ấy. Cụ lao vào trong một loạt ngôn từ đều đều và lập tức gặp chúng trong tai họa... Khi âm nhạc lan về phía cụ, toàn bộ quá khứ hiện về trong cụ, mịt mùng, cụ cảm thấy người mình lở loét hàng trăm vết thương đâm bằng dao găm sắc, cụ ngã xuống, mỗi nhát đâm là một tai họa. Cụ thấy gương mặt đẹp của vợ mình đang nhìn cụ đầy trách móc qua mắt kính tròn gọng vàng; cụ thấy một trong những đứa con trai hói đầu của mình liếc nhìn; mẹ cụ chạy về phía cụ với một cái nhìn đầy lo âu; rồi một loạt các địa danh - Chickamauga, Shiloh, Marthasville... lao vào cụ như thể giờ đây quá khứ là tương lai duy nhất và cụ phải chịu đựng nó. Rồi đột nhiên cụ thấy đám diễu hành màu đen gần như đến sát cụ. Cụ nhận ra nó bởi vì nó đã bám riết cụ suốt cả cuộc đời. Cụ rần sức một cách liều lĩnh để vượt qua, để phát hiện ra những gì đến sau quá khứ ấy và bàn tay cụ xiết chặt thanh gươm cho tới khi lưỡi gươm thấu tận xương.

Đám cử nhân đi qua khán đài thành một hàng dài để lĩnh bằng của mình, và bắt tay ngài Viện trưởng. Khi Sally Poker, đứng gần cuối hàng, đi qua, bà liếc nhìn cụ General, thấy cụ đang ngồi cau có và dữ tợn, mắt cụ mở to, bà lại quay đi lên phía trước, đầu ngẩng cao đến mức có thể để nhận bằng. Thế là xong, bà ra khỏi hội trường, vào trong ánh mặt trời; bà tìm thấy gia đình mình, họ cùng đợi trên chiếc ghế dài trong bóng râm chờ John Wesley đẩy cụ già ra. Thằng khốn đó đã làm cụ ngã ngựa, lăn nhanh xuống con đường lát đá và bây giờ nó đang đứng bên cái xác, trong hàng người dài cạnh cỗ máy Coca-Cola.

Đào Thu Hằng dịch

Cynthia Ozick  
(Mĩ)

## TẮM KHĂN

Stella, lạnh, lạnh, cái lạnh của âm phủ. Cái cách họ cùng nhau cuốc bộ trên đường, Rosa bế Magda đang cuộn người giữa đôi bầu vú đau nhức, tắm khăn quấn quanh người Magda. Thỉnh thoảng Stella bế Magda. Nhưng cô lại ganh với Magda. Một cô gái gầy gò mười bốn tuổi, quá bé nhỏ, với bộ ngực quá nhỏ, Stella muốn mình được quấn trong khăn, được che chở, ngủ khi theo nhịp đung đưa của bước chân, như một đứa bé, một hài nhi bé bỏng được bế trên tay. Magda ngậm vú Rosa, còn Rosa thì vẫn mãi bước, ru nó theo nhịp chân. Sữa không đủ; đôi lúc Magda bú không khí; khi ấy nó khóc thét. Stella đôi lúc là người. Đầu gối cô như thể mấy khối u mọc trên cây sậy, khuỷu tay cô xác xơ như xương gà.

Rosa không thấy đói; cô cảm thấy người bị hẫng, không phải đang đi mà như người sắp ngã, rơi vào trạng thái hôn mê, bình bồng như thể một thiên thần đang bay lượn, tỉnh táo ngắm nhìn vạn vật, nhưng ở trên trời chứ không phải ở đây, không chạm xuống đường. Như thể đang loạng choạng trên đầu ngón chân. Cô nhìn khuôn mặt Magda qua khoảng hở của chiếc khăn: một chú sóc nhỏ nấp trong tổ, bình yên, không ai có thể chạm được nó trong ngôi nhà bé nhỏ bằng những vòng khăn quấn. Khuôn mặt, rất tròn như được phản chiếu trong gương: nhưng nước da ấy không có màu hơi sẫm của Rosa mà lại đen đui như màu bệnh tả, khuôn mặt ấy cũng chẳng giống, đôi mắt xanh màu trời, lớp lông tơ mịn màng có màu vàng gần giống như màu của những ngôi sao thêu trên áo Rosa. Bạn có thể nghĩ con bé là con của họ.

Rosa đang bình bồng trong giấc mơ trao Magda cho người khác tại một trong những làng đã đi qua. Cô có thể rời khỏi hàng



một phút để dúm Magda vào tay một phụ nữ nào đó bên đường. Nhưng nếu cô rời bỏ hàng, chúng sẽ bán. Và cho dầu cô có thể trốn khỏi hàng độ nửa giây và đặt bó khăn ấy vào tay một người lạ mặt thì liệu bà ta có dám nhận không? Chắc bà ta sẽ kinh ngạc, sợ hãi rồi để rơi tấm khăn, Magda sẽ rơi xuống đập đầu mà chết. Cái đầu tròn bé bóng. Đứa bé dễ thương đến thế, nó ngừng khóc, bây giờ đã ngậm chặt bầu vú chỉ để cảm nhận được vị khô khóc. Hai hàm lợi xinh xắn giữ chặt. Một cái răng vừa nhú lên, trắng muốt, một tấm bia mộ bằng đá trắng lấp lánh. Không hề kêu khóc, Magda từ bỏ cả hai vú Rosa, thoát tiên là vú trái, sau đó là vú phải; cả hai cần khô, không còn tí mùi sữa. Tuyến sữa đã tắc, một cái núi lửa chết, con mắt mù, cái hồ lạnh lẽo, vậy nên thay vì vú, Magda nhả một góc khăn và bú sữa từ đó. Nó mút, mút mãi, làm ướt những sợi khăn. Tấm khăn có vị hấp dẫn, mùi sữa của vải lạnh.

Đây là tấm khăn thần, nó có thể nuôi dưỡng đứa bé suốt ba ngày đêm. Magda không chết, nó vẫn sống, mặc dù thoi thóp. Một thứ mùi đặc biệt, mùi quế pha lẫn mùi hạnh, từ miệng nó tỏa ra. Nó cứ mở mắt thao láo, quên mất động tác nhắm hay chớp mắt; Rosa và đôi lúc cả Stella theo dõi màu xanh của đôi mắt. Dọc đường, họ cứ lê những bước chân nặng nề và ngó nghiêng khuôn mặt Magda. “Đức thuần chủng”, Stella khẽ nói nhẹ như hơi gió; và Rosa bỗng hiểu tại sao Stella lại nhìn Magda như thể một kẻ ăn thịt đồng loại bé nhỏ. Rồi lúc Stella nói “Đức thuần chủng”, thì đối với Rosa, giọng điệu ấy nghe như thể hàm ý “ta hãy nuốt sống nó đi”.

Nhưng Magda vẫn sống để bước đi. Nó sống như thế khá lâu nhưng đi chưa thật vững, một phần vì nó mới mười lăm tháng và thêm nữa là tại cẳng chân khảnh khiu của nó không thể đỡ nổi cái bụng ỏng. Cái bụng ỏng đầy không khí, căng phồng và tròn. Rosa nhường hầu hết thức ăn của mình cho Magda, Stella chẳng nhường tí nào cả; Stella đói rồi, cô là đứa trẻ mới lớn, nhưng chưa đủ trưởng thành. Stella chưa có kinh. Rosa chưa có kinh. Rosa đói cồn cào, nhưng lại cũng không đói; cô học Magda cách mút mùi vị ngón tay trong mồm. Họ ở vào tình thế cạn kiệt tình thương, ở Rosa, tình thương đã bị hủy hoại hoàn toàn, cô nhìn cái

khung xương của Stella mà chẳng động lòng mảy may. Cô chắc rằng Stella đang đợi Magda chết để có thể cắn ngập răng vào hai cái đùi bé nhỏ.

Rosa biết chẳng mấy nữa Magda sẽ chết; lẽ ra nó đã chết từ lâu rồi, nhưng con bé lại được vùi sâu trong tấm khăn thần, nhằm lẫn nằm đó run rẩy trên ngực Rosa; Rosa bám chiếc khăn như thể nó chỉ che chở người cô. Chẳng có ai tước đoạt nó khỏi cô. Magda câm lặng. Nó không khóc. Rosa giấu nó trong trại, dưới tấm khăn, nhưng cô biết có ngày ai đó sẽ tố giác; hoặc có ngày, ai đó, không phải Stella, sẽ ăn cắp Magda để ăn thịt. Khi Magda bắt đầu chập chững đi thì Rosa biết Magda sẽ không còn sống lâu nữa, chuyện gì đó sắp sửa xảy ra. Cô sợ mình chìm vào giấc ngủ; cô ngủ với một chân gác lên người Magda; cô sợ đùi mình sẽ làm Magda ngạt thở. Trọng lượng của Rosa càng ngày càng suy giảm; dần dần Rosa và Stella sắp biến thành không khí.

Magda lặng câm, nhưng mắt nó sống động, kinh hoàng, tựa màu xanh mắt hổ. Nó nhìn. Thỉnh thoảng nó cười - dường như là tiếng cười, nhưng làm sao mà phân định? Magda chưa bao giờ nhìn thấy ai cười. Nhưng Magda lại cười với tấm khăn khi gió lùa vào góc của nó, cơn gió xấu mang theo những hạt màu đen làm Rosa và Stella trào nước mắt. Mắt Magda luôn trong veo, không một giọt nước mắt. Nó nhìn như thể một con hổ nhìn. Nó canh chừng tấm khăn của mình. Chẳng một ai có thể chạm vào chiếc khăn ấy, trừ Rosa. Stella cũng không được phép. Tấm khăn là đứa bé của Magda, là con vật cưng, là đứa em bé gái bé bỏng của nó. Nó cuộn người trong khăn, mút một góc khăn khi muốn giữ im lặng tuyệt đối.

Rồi Stella lấy chiếc khăn để khiến Magda chết.

Sau đó Stella bảo: “Tôi lạnh”.

Và sau đó cô thường xuyên lạnh, thường xuyên, Cái lạnh ngấm vào tim cô: Rosa biết tim Stella lạnh giá. Magda lóng ngóng bước bằng đôi chân nhỏ xíu tựa bút chì, nguệch ngoạc đi tìm tấm khăn; hai cái chân bút chì lần ra đến cửa trại, nơi ánh sáng chiếu rọi. Rosa nhìn thấy và đuổi theo. Nhưng Magda đã bước hẳn ra



sân bên ngoài trại, trong ánh nắng rực rỡ. Người ta gọi cái sân ấy là vũ đài. Mỗi sáng, Rosa phải giấu Magda trong tấm khăn đặt sát vách trại và ra ngoài đứng trên vũ đài cùng với Stella và hàng trăm người khác, đôi khi họ phải đứng hàng tiếng đồng hồ, còn Magda thì nằm một mình lặng lẽ dưới tấm khăn, mút góc khăn của mình. Hằng ngày, Magda im lặng vậy nên nó không chết. Nhưng hôm nay, Rosa hiểu rằng Magda sắp chết, ngay lúc ấy nỗi kinh hoàng dâng lên trong lòng Rosa, tay cô như đặt trên lửa, cô sống sờ, phát sốt: Magda, trong ánh nắng, tròn trĩnh trên đôi chân bết chì của nó, đang cất tiếng hú. Từ khi bầu vú Rosa khô kiệt, từ khi cất tiếng thét cuối cùng trên đường, Magda không thốt lên bất kì âm thanh nào nữa; Magda đã câm. Rosa nghĩ rằng tại thanh quản, khí quản, dây thanh âm của nó bị trục trặc gì đó; Magda bị khuyết tật, không thể nói, có lẽ nó điếc; hay trí tuệ của nó chắc có gì bất ổn; Magda câm. Thậm chí tiếng cười khi thấy cơn gió bắn cuốn đám mây bụi ra khỏi tấm khăn của Magda cũng chỉ là luồng không khí thổi phơ hàm răng của cô bé. Ngay cả khi lũ chuột, chuột lớn chuột bé, làm nó kinh hoàng đến nỗi khi thấy một trong số những con chuột lớn lén vào trại vào ban ngày tìm thịt thối thì nó vật vẩy mình, cào bấu, đá và cuộn người lại mà chẳng thốt lên một âm thanh rên rỉ nào cả. Nhưng bây giờ, mồm Magda đang tuôn ra cả tràng âm thanh dài huyền ảo.

“Mẹ ẹ ẹ ẹ...”

Đây là âm thanh đầu tiên Magda phát ra khỏi cổ họng kể từ khi bú cạn sữa Rosa.

“Mẹ ẹ ẹ ẹ... ẹ ẹ ẹ!”

Một lần nữa! Magda lóng ngóng dưới ánh nắng ngập tràn của vũ đài, loạng choạng trên đôi chân bé nhỏ chùng xuống đáng thương. Rosa hiểu. Cô hiểu Magda tiếc chiếc khăn mát của mình, cô biết Magda sắp chết. Hàng loạt mệnh lệnh dội lên trong ngực cô: Tìm kiếm, lấy, mang đến! Nhưng cô không biết phải làm điều gì trước, Magda hay cái khăn. Nếu cô lao ra sân giữ lấy Magda thì tiếng gào thét sẽ không ngừng lại bởi Magda vẫn chưa có tấm khăn; nhưng nếu cô chạy về trại tìm khăn, nếu cô tìm thấy và nếu

cô chạy theo Magda, giữ lại và đưa tấm khăn cho nó thì cô sẽ đưa được Magda về, Magda sẽ dứt khăn vào miệng và cầm trở lại.

Rosa lúi vào bóng tối. Tấm khăn dễ tìm. Stella nằm trên nó, ngủ vui trong bộ xương gầy còm của cô. Rosa xé tấm khăn rồi bay - cô có thể bay, cô chỉ là không khí - đến vũ đài. Cái nóng mặt trời thì thăm về một cuộc sống khác, cuộc sống của đàn bướm trong mùa hè. ánh nắng diêm tĩnh, dịu êm. Bên phía hàng rào sắt xa kia, thảm cỏ xanh rờn điểm những cây bồ công anh và những bông hoa violet tím sẫm; đằng sau chúng, xa hơn nữa, những khóm huệ hồ hồn nhiên, cao, nâng những nụ hoa màu da cam của chúng. ở trại, người ta nói về “hoa” hay “mưa” như “phân” hay “những sợi phân dày” và thác nước màu nâu đỏ hôi hám từ từ ngấm xuống từ những cái giường tầng trên, mùi hôi thối quyện lẫn mùi khói béo ngậy đắng đắng giăng ra ám cả lên da Rosa. Cô đứng một lát bên lề sân trại. Đôi khi, điện cài trên hàng rào kêu o o; và dấu cho Stella bảo điều đó chỉ là sản phẩm của trí tưởng tượng, nhưng Rosa vẫn nghe rõ âm thanh ấy qua dây điện; một thứ âm thanh sâu thẳm. Càng đứng xa hàng rào bao nhiêu thì cô càng nghe rõ những tiếng nói ấy bấy nhiêu. Giọng khóc than nỉ non ai oán, xót xa quá đời mà ta khó có thể bảo đấy là giọng của ma quái. Giọng ấy bảo cô giữ chặt lấy tấm khăn, nâng cao; giọng ấy bảo cô rung khăn, đập và rũ tung nó ra như một lá cờ. Rosa nhấc lên, rũ, đập, mở ra. Đằng kia, rất xa, Magda cúi người trên cái bụng đầy không khí của nó, vươn rộng cánh tay xương xẩu. Nó vươn cao, được nâng lên trên vai của người nào đó. Nhưng đôi vai mang Magda không tiến về Rosa và tấm khăn, nó dạt đi xa, bóng hình nhỏ bé của Magda cứ chìm dần vào khoảng xa đầy khói. Bên trên đôi vai, chiếc mũ sắt lấp lánh. ánh nắng rọi vào cái mũ làm biến dạng nó thành hình cái ly. Bên dưới cái mũ là một cơ thể đen ngòm giống như quân cờ domino và một đôi ủng đen đưa họ về phía hàng rào điện. Âm thanh điện bắt đầu vang lên mạnh mẽ. “Mẹ, mẹ, mẹ, mẹ”, tất cả chúng đang o o với nhau. Lúc này Magda đã cách rất xa Rosa, nó đã ở bên kia sân trại, qua mười hai dãy trại, qua hết các lối đi đến lề bên kia! Nó đã bé hơn cả một con bướm đêm.

Ngay khi đó, Magda đã bơi trong không trung. Cơ thể Magda bay đến độ cao chói vót. Trông nó như thể một con bướm đang đậu trên dây nho bạc. Vào khoảnh khắc cái đầu tròn lông lá của Magda, đôi chân bút chì, cái bụng ỏng, đôi cánh tay vẹo vọ của nó chạm vào hàng rào, thì giọng nói của dây điện rộn ràng, hồi hả, giục giã Rosa chạy, chạy đến nơi Magda ngã xuống khi đường bay của nó vướng vào hàng rào dây điện; nhưng dĩ nhiên, Rosa không nghe lời chúng. Cô chỉ đứng yên bởi nếu cô chạy thì chúng sẽ bắn và nếu cô cố đỡ mảnh hình hài xác xơ của Magda dậy thì chúng cũng bắn và nếu lúc này cô buông tiếng hét đau đớn của người mẹ trước bộ xương vỡ vụn của đứa con thì chúng cũng bắn; vậy nên cô cầm tấm khăn của Magda nhét vào miệng mình, nhét nó xuống, ấn xuống cho đến khi cô nuốt được tiếng hét thảm thương và nếm được vị quế và vị hạnh vương trong nước bọt của Magda; Rosa uống tấm khăn của Magda cho đến khi khô kiệt.

Lê Huy Bắc dịch

Kerisan Sentan  
(Ấn Độ)

## CÂY NƯỚC

Đầu thôn và cuối thôn tôi là núi. Sườn núi phía Đông trơ trụi, ít cây cối, ở đây có mỏ muối. Sườn núi phía Tây đầy những bụi cầu gai, cây trần kết và cỏ ngư lang<sup>1</sup>. Núi đá một màu thép xanh. Giữa khe những tảng đá xanh ấy có lạch nước ngọt. Một thung lũng nhỏ nằm giữa hai ngọn núi. Thôn tôi ở đầu thung lũng.

Trong thôn thường khan hiếm nước ngọt. Từ lúc tôi bắt đầu có trí nhớ, ấn tượng đầu tiên in đậm trong tôi là vòm trời nóng bỏng, những đám ruộng khô cằn nứt nẻ như mai con rùa. Và những bàn tay nâu xám của những người nông dân với những khuôn mặt héo khô tiêu tụy của họ, trong đó đang ẩn dấu một niềm khát vọng đời này qua đời khác. Trong thôn những mái nhà tranh đơn sơ, những thửa ruộng gằn đó, đất đai khô cằn, ngả màu đen xám. Mạ ngoài đồng héo khô. Nước da và màu quần áo của bà con thôn tôi cũng chẳng khác gì mạ ngoài đồng. Riêng đôi má của chị em phụ nữ hửng màu vàng tươi, vì họ thường được ra khe lấy nước.

Ký ức tuổi thơ tôi gắn liền với nước, nỗi buồn về nước, niềm vui về nước, sự mất còn của nước. Dòng suy nghĩ của mỗi người trong thôn đều xoay quanh chuyện nước, lúc nào nước có lúc nào nước không.

Nhớ hồi nhỏ, tôi thường theo bà tôi ra dòng sông Cairô, ở mé dưới thung lũng giặt quần áo. Bà giặt, tôi giúp bà phơi quần áo

---

<sup>1</sup> Phiên âm, tên khoa học là *Ardium Lappa*, cỏ cao, nhiều rễ, lá to. Rễ cây dùng làm thuốc.

trên dải cát vàng. Lòng sông cạn và hẹp. Nước chảy lặng lẽ, nhẹ nhàng, yêu kiều, lả lướt như cô Paolơ, con gái ông Satota Hyđa Raen người hàng xóm nhà tôi.

Tôi thích chơi ven sông, và ham chơi vui đùa với Paolơ. Nụ cười mỉm của dòng sông và của Paolơ sao mà ngọt ngào đến thế! Chỉ những người làm việc ở mỏ muối như tôi mới thấu hiểu được cái ngọt ngào đó.

Tôi nhớ, dòng sông Cairô của chúng tôi chỉ sáu tháng có nước, còn sáu tháng khô cạn. Đến tháng tư hàng năm nước sông bắt đầu cạn, đến cuối tháng năm không còn một giọt. Những hòn đá tròn như trứng vịt, trắng màu bụng cá, phơi ra giữa dòng sông. Đi trên lớp bùn mềm nhão, có cảm giác như giẫm lên tấm thảm lông cừu mượt mà. Vài hôm sau, lớp bùn ngoài sông đã khô cứng lại. Những đường nứt nẻ chĩa vằn vện trên lòng sông, tựa như những vết nhăn trên vầng trán người già, tựa đôi gò má của người nông dân lao động, được phủ một lớp sương muối.

Tôi còn nhớ, lần đầu tiên khi mình nhìn thấy dòng sông khô cạn, tôi bắn khoăn, trong lòng buồn bã lạ lùng. Đêm ấy, tôi không sao ngủ được. Bà tôi kể nhiều chuyện kì lạ. Tôi nằm trong lòng bà lặng thinh. Bà kể mà đầu óc cứ quay cuồng biết bao kỷ ức đầy hấp dẫn về dòng sông Cairô. Khi dòng sông nhẹ nhàng, chậm rãi trườn mình trên tảng đá; khi dòng sông lòng lên chảy xiết giữa hai vách đá, khác nào lúc Paolơ giận dữ tôi, quay ngoắt bỏ đi khỏi lối hẻm. Tôi và Paolơ thường đùa nghịch, lấy cọng rơm bện thành những chiếc guồng cối xay nước đặt giữa khe của hai tảng đá gần nhất, xay ướt lúa mạch. Cối xay bị dòng nước đẩy tung bọt trắng; đầy quay quay tít... Còn giờ đây? Dòng sông đã cạn khô.

Nhớ lại những cảnh tượng đó, tôi hỏi bà tôi.

- Bà ơi, con sông thôn ta biến đâu rồi bà?
- Chui xuống đất rồi.
- Sao lại xuống đất, hả bà?
- Vì sợ ông mặt trời.
- Sao phải sợ ông ta. Ông ấy tốt, có gì đáng sợ.

- Ngốc ạ! Không chỉ một ông mặt trời mà hai kia. Một ông mặt trời mùa đông, rất nhân từ, hiền lành. Còn ông mặt trời mùa hạ thì khắc nghiệt, tính tình nóng nảy, động một chút là nổi cơn giận dữ. Cả hai ông thay phiên nhau đến thôn này. Khi ông mặt trời mùa đông đến, cũng là lúc dòng sông của thôn ta reo vui. Còn lúc ông mặt trời khắc nghiệt của mùa hạ đến là dòng sông phải lột bỏ áo, mà ngày một chiếc, mãi cho đến tận cuối tháng năm dòng sông chỉ còn lại một tổ ấm áo lót mỏng manh. Chính vì xấu hổ mà dòng sông phải chui mình xuống lòng đất. Chờ đến mùa đông sang năm, ông mặt trời nhân từ lại trở lại, khoác cho nó tấm áo màu xanh mới.

Tôi chớp mắt hỏi:

- Thật hả bà? Vậy ông mặt trời mùa hạ xấu!

- Thôi ngủ đi, cháu cưng của bà!

Tôi chẳng ngủ được, lại hỏi:

- Bà ơi! Thế sao nước trên núi muối ở thôn ta lại mặn?

Bọn trẻ con thôn tôi thường hỏi hiết bao chuyện về nước. Trí tưởng tượng của chúng tôi thường hướng về nước. Những thôn xóm có sẵn nước, bọn trẻ ở đó thường mơ tưởng đến việc khám phá những hòn đảo có vàng bạc châu báu, hoặc trên con đường lên Bồng lai, Tiên cảnh. Vậy mà, bọn trẻ thôn tôi, từ thuở biết đi, đã phải tìm nước ở thung lũng, ở xa xa tít trên núi cao.

Thời ấu thơ, tôi cũng đã đi tìm nước, tìm thấy hai ba khe nước trên mỏ muối. Cho đến nay, tôi còn nhớ. Lúc ấy tôi háo hức, hăng hái biết bao! Lần đầu tiên tìm ra được một mạch nước! Đôi bàn tay run run, tôi vạch cho mạch nước từ khe đá róc rách chảy ra. Lần đầu hứng được một cục nước, nước run rẩy trong lòng bàn tay, như chú chim non mới bị bắt. Tôi từ từ đưa vục nước lên môi. Tôi nhớ rất rõ lúc đó hứng khởi vô cùng, bỗng tôi bàng hoàng thất vọng. Vừa chạm vào đầu lưỡi, tôi giật thót như bị một con rệp đốt, nọc thấm dần vào tâm hồn tôi. Tôi vội nhổ nước ra đành đi tìm lạch nước khác. Nhưng than ôi, cho tới nay trên ngọn núi muối ấy, tôi vẫn không tìm được một giọt nước ngọt ngào!



Vì vậy, khi dòng sông đã khô cạn, lòng bắn khoăn không yên tâm khi nghĩ đến lạch nước ngọt, tôi hỏi bà:

- Bà, nước trên núi muốn sao mặn thế?

Bà tôi nói:

- Có một sự tích đấy!

- Bà kể cháu nghe đi.

- Bà không kể nữa, ngủ đi.

- Ừ ừ, bà kể đi, bà không kể, cháu khóc!

- Thôi được, cháu phải nằm yên, bà mới kể.

- Vâng!

- Cấm ngắt lời bà!

- Vâng, vâng!

- Cháu nghe đây...

Ngày xưa, ngày xưa... ngọn núi đó là một người đàn bà, là vợ của ngọn núi có lạch nước ngọt.

Một hôm, xảy ra trận kịch chiến giữa hai thiên thần. Ngọn núi phía trước ngọn núi nước ngọt bà vừa nói là chồng, cũng tham gia trận chiến. Ông ta để vợ ở nhà và dặn rằng: Trong lúc ông đi vắng không được chuyện trò với một ai và ở nhà trông nom nhà cửa.

- Sao nữa?

- Và chị ta kiên trì đợi chồng về, chờ đợi mãi bao năm mà chồng vẫn không thấy về. Một hôm có vị thần mặt trắng đến nhà và yêu chị ta.

- “Yêu” là gì hả bà?

Bà dùng lời và mắng tôi:

- Lại cắt ngang lời bà rồi!



Tôi nghĩ bụng, đang kể đến đoạn hay nếu bà giận không kể nữa thì tiếc quá, phải nằm yên nghe hết chuyện đã rồi hỏi thế nào là “yêu”. Tôi vội vàng nói với bà:

- Bà kể tiếp đi, cháu không cắt lời bà đâu.

Bà tôi không hứng thú kể nữa, như có điều gì phiền muộn, bực dọc:

- Ôi biết chuyện gì nữa! Người vợ của ngọn núi phía Tây bị thần mặt trắng lừa dối, nói rằng chồng chị ta đã chết trận. Chị ta nhẹ dạ tin lời, rồi lấy ông ta.

- Thế vì sao các thần lại đánh nhau hả bà? Tôi buột mồm hỏi bà.

- Lại cắt ngang lời bà rồi! Bà bực mình rồi bảo: Ngủ đi bà chẳng kể nữa đâu!

- Cháu không chịu đâu! Bà ơi, bà... bà kể nữa đi, cháu không nói ngang nữa.

Tôi van nài bà tôi:

- Sau đó thì sao bà?

- Được vài năm sau, có hôm, một vị thần già đến thung lũng này, đó là chồng chị ta. Thấy vợ sống chung với thần mặt trắng, ông ta tức giận lắm, vung lưỡi rìu chém chết vợ và thần mặt trắng. Vì đã phạm tội với thánh thần, nên đầu lâu hai người nọ biến thành tảng đá. Dòng nước phía Tây ngọt vì ông ta thủy chung với vợ. Ngọn núi phía Tây ngọt vì ông ta thủy chung với vợ. Ngọn núi phía Đông nước mặn, là vì có muối. Chính đó là nước mắt người vợ khóc than với chồng về tội thiếu thủy chung. Những giọt nước mắt khô đọng thành những hạt muối. Cha cháu hàng ngày leo núi là để đào xúc những hạt muối đó.

- Sao nữa hả bà?

- Chuyện thế hết rồi!

Câu chuyện được nghe xong, tôi cũng quên khuấy những gì tôi đã hỏi được bà và bà đã giải thích. Tôi vươn vai, nhắm mắt, thiu thiu ngủ. Chẳng mấy chốc, trước mắt tôi hiện lên mỏ muối,

nơi cha tôi đang làm việc. Sau này lớn lên, là nơi tôi không tránh khỏi phải làm lụng ở đó. Nhớ lại lần đầu tiên tôi theo mẹ mang cơm lên mỏ cho cha tôi. Chao ôi! Một cái mỏ muối to rộng làm sao! Bốn bên toàn là muối, từng tảng muối cao sừng sững, lóng lánh tựa tấm gương to gắn vào vách núi. Phía dưới là ruộng muối. Xung quanh vách muối, trên đỉnh núi cũng là muối. Từng dòng nước muối chảy ròng rọc, tụ thành đầm muối lớn. Tôi chợt nhớ, đó là nước mắt của người vợ đã phạm tội thiếu chung thủy với chồng biến thành ngọn núi muối này.

Cha tôi đưa mắt nhìn đầm muối nói:

- ở đây có nhiều “nước” đến thế, như vậy mà vẫn kiếm không được một giọt nước ngọt. Làm việc suốt ngày muối đã kết thành một lớp vỏ trên thân thể, nhẹ đập một tí muối cũng đã rơi lả tả. Ai cũng điên tiết lên, muốn sùng sục tìm cho bằng được một đầm nước ngọt để ngụp lặn, tắm rửa.

\*  
\*      \*

Nước! Nước!

Trên núi muối không có nước. Cả thôn chẳng tìm đâu ra nước. Chỉ trên ngọn núi phía Tây - ngọn núi chung thủy với tình yêu là có nước. Dòng sông Cariô cũng có nước, song chỉ được sáu tháng, sáu tháng còn lại khô cạn. Nhưng rồi một ngày nọ dòng sông này quanh năm vĩnh viễn cạn khô. Cho đến nay, những hòn đá bằng quả trứng vịt đã ngả màu xanh dưới lòng sông, những hạt cát khô ran, những bước chân thất thủ của chị em phụ nữ bên bờ sông. Tất cả đang mong ước nước lại trở về với dòng sông. Cảnh đó không còn là chuyện của thời thơ ấu của tôi, mà chuyện đang xảy ra trong tuổi thanh xuân.

Ở phía núi cách núi cách thôn xa xa, có một trang trại thuộc điền chủ Laca<sup>1</sup> Akopalơ Ali Raen, rộng hàng trăm cây số vuông.

---

<sup>1</sup> Laca là thủ lĩnh của thổ bang.

Lão ta không muốn để cho dân thôn tôi sống, lão cho nắn dòng sông Cairô chảy vào trang trại của lão, khiến thung lũng thôn tôi và rất nhiều vùng khác đều chịu cảnh hoang tàn, khô cằn. Đạo ấy dân làng tôi ở kề ngay bờ sông và các thôn trong lũng núi, khác nào đứa trẻ, bỗng chốc mồ côi mẹ. Dòng sông Cairô của chúng tôi chết, nước khô cạn. Những thôn xóm bên bờ sông trong cảnh của những đứa bé mồ côi mẹ. Đó là một ký ức đau buồn.

Tôi còn nhớ, thời đó, dân bản tôi và các thôn xóm lân cận đã rủ nhau đi kiện lão Laca Akopalơ Ali Raen, đòi phải trả dòng sông Cairô cho dân làng. Đối với chúng tôi, con sông như khác nào một người mẹ trong gia đình, cho chúng tôi nước uống, nấu cơm cho chúng tôi ăn, giặt giũ áo quần và tắm rửa cho chúng tôi. Lộp lộp sóng như đứa con của nước, vỗ về yêu thương, hát những bài hát ru con, ôm sóng vào lòng, lặng lẽ chảy xuôi về phía phương trời Tây.

Xóm thôn tôi không có nước, khác nào gia đình không có người nội trợ. Dân làng đều cảm thấy như con gái đã bị dụ dỗ, ai cũng thấy buồn rầu, tức giận.

Lão Akopalơ Ali Raen là một địa chủ lớn nhất vùng Têhokovan, quan hệ mật thiết với các quan chức trong chính quyền. Ngay đến quyền khai thác mỏ muối lão cũng có quyền đứng đầu. Cuối cùng dân chúng trong thôn chẳng những không đòi lại được dòng nước, mà nhiều người làm lụng ở mỏ muối cũng bị đuổi. Họ chẳng có tội tình gì ngoài việc dám lên tiếng đòi hỏi lại dòng nước đã bị cướp.

Tôi còn nhớ cảnh tượng hôm đó, cha tôi trở về người run lẩy bẩy, mặt mày tái mét, đôi tay đưa lên bịt tai, miệng kêu la:

- Trời ơi! Trời ơi! Hổng cả rồi, sai lầm lớn. Số kiếp đã định cả rồi, may mà trời chưa giáng xuống đầu, nếu không ta cũng bị Paca đuổi việc! Thôi, chống lại ông ta mà làm gì! Nước đáng là gì! Ngay con gái bị cướp đi cũng đành phải bó tay chứ làm sao được!

Đó là sự thật. Dân chúng thôn tôi quý nước như quý con gái mình. Nước cho chúng tôi cuộc sống. Nước là dòng máu chảy trong huyết quản. Không có nước, làm sao rửa sạch những vết bẩn trên

mặt, quần áo bẩn thỉu, hôi hám, đầu tóc bù xù đầy chấy, mình mẩy sặc mùi mồ hôi, muối sẽ đông lại trong con người. ở đây, nước quý hơn vàng, đẹp hơn các cô gái trẻ. Muốn biết nước quý đến dường nào, xin hãy hỏi dân thôn tôi, những người suốt đời đấu tranh vì người, khác rõ.

... Suốt ngày rông rã chúng tôi sục tìm khắp núi, mà vẫn không tìm ra nước. Dưới bóng um tùm của cây hồng mai<sup>1</sup> trong các khe sâu vách núi, dưới vực sâu thẳm, trong hang thú dữ ở núi, khắp nơi đều thất bại. Chúng tôi đào những lạch nước cũ như đào huyết, như chuẩn bị cho nơi ở tận cùng cuộc đời mình. Cũng như tên trộm đào tường khoét gạch khắp nơi nhưng cuối cùng vẫn không lấy được của cải! Nước luôn lách ẩn mình ở xó xỉnh nào dưới vực thẳm.

Tuy vậy, không ai nản chí, vẫn theo cha tôi đi tìm nước. Lúc màn đêm buông xuống, cha tôi lau khô mồ hôi leo lên đỉnh núi, nhìn về phía mặt trời lặn để tìm tiếp. Trong ánh nắng vàng chiều tà, bỗng nhiên ở dưới khe sâu của những tảng đá có một đám rêu xanh mướt mướt. Cha tôi liền chỉ về phía đó và nói:

- Xem kia, rêu, rêu! Thế nào phía đó cũng có nước. Rêu là ngọn cỏ của nước, nước như một bộ lạc du mục, đến đâu trương cờ đến đó.

Cha tôi reo lên, lao về phía đám rêu. Mọi người đã chạy theo. Đến nơi, cha tôi moi những tảng đá đất rắn cứng. Bóc hết lớp đất mềm đến lớp đất ẩm ướt khác, một dòng nước toé ra. Hàng trăm tiếng reo hò, phấn khởi vang lên:

- Nước. Có nước rồi!

Đôi bàn tay cha tôi run run vục nước. ánh mắt mọi người đều dán mắt vào nét mặt cha tôi. Hàng trăm trái tim đang cùng nhịp đập, thầm cầu nguyện thánh Ala. Nước ngọt! Ala, ngài ban cho chúng con nước ngọt.

---

<sup>1</sup> Loại chè mọc trên núi, thường vào tháng chạp, hoa nở cùng lúc với hoa mai nên gọi là hồng mai.

Ném ngậm nước ngọt trong lòng tay, cha tôi sung sướng reo lên. - Nước ngọt! Nước ngọt!

Mọi người xôn xao, reo hò:

- Nước ngọt! Nước ngọt thật rồi!

Tiếng reo hò vang khắp lòng núi:

- Có người rồi! Nước ngọt, nước ngọt!

Cùng lúc đó dưới thung lũng tiếng trống dồn vang. Trai gái say sưa hát ca, nhảy múa. Trẻ con thả sức hò reo. Không ai nén nỗi lòng chờ đợi, dân trong thôn hồi hả lấy tay moi đất, múc nước vào các hũ. Họ quay quanh lạch nước. Những cặp mắt háo hức như cảm động trù mến nhìn lạch nước, khác nào như người mẹ đang hoan hỉ, âu yếm ngắm nhìn đứa con mới lọt lòng.

\*  
\*      \*

Tôi khó quên được cái đêm ấy. Không một ai muốn trở về thôn. Giống như ngày hội, mọi người vây quanh lạch nước vui đùa thoải sức. Bầu trời lấp lánh muôn vàn ánh sao. Dưới bóng những cây hồng mai, các bà mẹ nhóm lửa soạn bữa ăn tối. Những bé sơ sinh nằm yên trong bụng mẹ, thêm thiếp trong tiếng hát ru. Các thiếu nữ say sưa cất lên những bản tình ca. Tiếng hát nghe dịu dàng, ngọt ngào, êm tai, như dòng nước ngọt nhẹ nhàng tuôn chảy. Tất cả đàn bà con gái trong thôn trở nên xinh đẹp khác thường. Tất cả đất đai trở nên phì nhiêu, màu mỡ. Những rễ cây xanh tươi lại. Lúc lại tươi xanh khắp đồng ruộng.

Đó là kết quả trong đêm hôm cha tôi tìm ra lạch nước ngọt.

Nước là kết quả lao động của con người, là tình yêu của con người. Hôm nay, dân thôn tôi đón dòng nước như đón cô dâu mới về làng. Nghe lạch nước róc rách chảy tôi có cảm giác như tiếng khóc mừng tủi của cô dâu mới bước về nhà chồng đang còn xa lạ.

Đêm ấy, trên nền trời đang lấp lánh các vì sao, một tay tôi hứng dòng nước ngọt, một tay nắm tay nàng Paolơ.

Dòng nước ngọt đã gây cho tôi biết bao kỷ niệm êm đẹp của tuổi thanh xuân. Chính bên dòng nước ấy tôi đã yêu Paolơ. Paolơ cũng xinh đẹp trong sáng như dòng nước ngọt ngào trong xanh đang ẩn trong lòng đất. Những đoá hoa rực rỡ mùa hạ, những lá cây vàng của mùa thu, những hoa tuyết màu trắng của mùa đông. Những đức tính điềm đạm hiền dịu đáng yên của Paolơ, tôi cũng có cảm tưởng như những giọt nước ngọt dưới lòng đất. Khi ánh bình minh chưa hé, Paolơ thường ra lạch lấy nước. Không ai khác, chỉ có tôi đang đứng đợi chờ nàng ở đó. Vừa thấy tôi, nàng rạng rỡ, má nàng ửng đỏ.

Nàng vừa vục chiếc hũ xuống nước, tôi cũng bắt đầu thổ lộ với nàng những lời ân ái. Nước đã đầy hũ, lòng tôi cũng tràn đầy niềm vui. ánh bình minh đã lặn lẽ đến tự lúc nào không hay. Gió lay động cành lá. Lá nhẹ nhàng vuốt mặt chúng tôi. Chúng tôi đứng dậy, đưa mắt nhìn quanh, tôi nhẹ nhàng đặt chiếc hũ nước lên đầu nàng. Paolơ mỉm cười đứng dậy, đi xuống sườn núi. Tôi đứng lặng yên nhìn theo bóng nàng, cho tới lúc bị các cô gái trong thôn phát hiện giấu cọt tôi, tôi mới rời khỏi lạch nước. Lúc ấy tôi mới chợt nhớ ra cái câu mà tôi đã từng hỏi bà tôi: “Yêu là cái gì hả bà?”

Sau một ngày làm lụng trên mỏ, mệt nhoài tôi lê bước về nhà. Đặt lưng xuống giường, ngủ một mạch tới sáng hôm sau. Đã mấy hôm tôi không ra lạch nước gặp Paolơ. Là một phu mỏ mới vào nghề cho nên cái gì tôi cũng muốn học hỏi. Không còn thì giờ đến tìm Paolơ. Hơn nữa, nghe mọi người nói: “Ai đến làm mỏ người đó cũng biến thành muối”.

Tôi còn nhớ một hôm, Paolơ hẹn tôi:

- Hai giờ sáng em chờ anh ở lạch nước nhé!

Tôi đáp:

- Anh rất mệt, muốn nghỉ ngơi đôi chút!

Nhưng Paolơ cho biết nàng đang có việc cần, muốn được gặp tôi, tôi nhận lời.

Hai giờ khuya, trời tối như mực, ở lạch nước không có một ai ngoài tôi và Paolơ.

Tôi hỏi:

- Có chuyện gì vậy em?

Nàng im lặng không trả lời. Tôi lại hỏi:

- Chuyện gì, cho anh biết đi, em?

Paolơ đáp:

- Em sắp sửa phải rời khỏi thôn ta.

Tim tôi se lại, khác nào nước trong lạch đang chảy, bỗng ngưng đọng lại.

Giọng tôi lạc hẳn, tôi hỏi:

- Sao thế?

- Em đã hứa hôn rồi.

- Với ai?

- Với người anh họ, anh ấy ở quân đội về, hiện là sĩ quan cảnh sát trên khu Chikovan.

- Em sẽ rời bỏ thôn để theo anh ta? - Tôi đau buồn hơn.

- Vâng!

Hai chúng tôi im lặng, không nói năng gì. Lúc ấy trong tôi vụt loé lên một ý nghĩ tội lỗi: “Ta phải giết nàng ngay lúc này? Hay chờ đến lễ cưới của nàng?”.

Im lặng giây lát, Paolơ lên tiếng:

- Nghe nói ở Chêkovan có nước, có nước máy nữa, lúc dùng chỉ cần vặn một cái là nước ra ngay!

Quá xúc động, giọng nói của nàng run run, định nói tiếp, nhưng vì chợt nhớ người đã cầu hôn với nàng, nên nàng lại im lặng.

Tôi lại gần nàng, hai tay đặt lên vai nàng, ngấm nhìn vào đôi mắt nàng, Paolơ cúi đầu. ánh mắt nàng không tỏ ý từ chối tình



yêu của tôi, mà chỉ ánh lên niềm khát vọng về nước. Đôi bàn tay tôi từ từ buông xuống đôi vai ấy và nhận ra rằng, tình yêu không những đòi hỏi sự trung thành, đòi hỏi tình cảm mà cần có nước. ánh mắt Paolơ bộc lộ nỗi buồn sâu oán, hình như nàng nói rằng: “Anh biết cho, thôn ta chẳng đâu có nước. Mấy tháng rồi, em không được tắm rửa. Đến em, em cũng chán ghét cái thân thể mình”.

Paolơ lặng lẽ ngồi xuống lạch nước. Trong đêm tối, tôi thầm nghĩ, tình yêu mà Paolơ theo đuổi, đâu phải là mối tình của một tấm thân thể bẩn thỉu, quần áo dính máu chảy rịn, hôi hám, mà muốn một mối tình mà thân thể được tắm rửa thanh khiết, một bộ quần áo sạch sẽ, thơm tho.

Đã hai giờ khuya. Tôi mệt người ngồi xuống cạnh nàng. Paolơ và tôi ngồi im lặng.

Trái đất cũng im lìm, yên ắng quá chừng. Haùa như cả thế giới đêm nay đều trở nên trống trải. Paolơ nhẹ nhàng lấy nước vào hũ Nước róc rách chảy vào hũ, như đang trò chuyện với Paolơ. Tiếng nói của nước là hồi ức đẹp nhất của con người.

Paolơ đi rồi. Tôi thực sự nhớ đến câu chuyện bà tôi kể thời thơ ấu. Lúc người đàn bà không chung thủy với tình yêu, những giọt nước mắt họ sẽ biến thành những hạt muối. Trong mắt tôi không có một giọt nước mắt, nhưng biết bao hạt muối đã đông, kết lại trong tim tôi. Lồng ngực tôi như một mỏ muối - một tảng muối, một ngôi nhà muối, một đầm muối, miên man khắp nơi. Tôi tin chắc rằng, chỉ cần đập nhẹ tay những giọt nước mắt sẽ rơi xuống. Tôi như một hòn đá vô tri vô giác, bất động. Paolơ đứng lên, chân bước đi mà mắt nàng ngoái lại nhìn tôi. Cuối cùng, bóng nàng đã khuất hẳn con đường rẽ xuống đồi. Còn tôi, tôi vẫn ngồi lặng im chốn này. Các nơi không có nước. Paolơ phải bỏ đi tìm nơi có nhiều nước!

\*  
\*       \*

Đêm cười Paolơ, tôi nằm gặp một giấc mơ kỳ lạ. Nước sông Cairô lâu nay cạn khô bỗng tràn về. Trên núi có mỏ muối, lạch nước ngọt cũng cuộn cuộn tuôn trào. Giữa thôn tôi bỗng mọc lên một cây rất to, rễ cành, hoa đều là nước.

Lá trên cành đều phun nước xối xả, nước đã đem lại sự sống đất đai, cho cái thôn hoang vu của tôi. Nông dân vui mừng gieo mạ cày cấy, phụ nữ giặt giũ quần áo. Thợ mỏ tắm rửa thoải mái. Bầy con trẻ mang những vòng hoa nhảy múa tung bừng bên cây nước. Paolơ khoác tấm áo choàng giản dị, sạch sẽ, sánh vai bên tôi, thổ lộ những lời tâm tình:

- Thôn ta đã trồng được cây nước, em sẽ mãi mãi sống bên cạnh anh, sẽ không đi đâu nữa!

Đó là giấc mơ kỳ lạ của tôi. Nghe tôi kể về giấc mơ đó, cha tôi sợ run lên và nói:

- Ngoài cha ra, con đã kể cho ai nghe về giấc mơ này chưa?

- Thưa cha, chưa ạ! Nhưng sao cha có vẻ lo sợ đến thế. Đó chỉ là giấc mơ thôi mà!

Cha tôi nói:

- ừ, chỉ là một giấc mơ, nhưng đó là một giấc mơ đỏ đấy con ạ!

Tôi cười:

- Thưa cha, giấc mơ của con đâu có đỏ và vàng, nó trong xanh như màu của nước. Đó là một cây nước mà! Cây không nở hoa mà là những chiếc bình pha lê trong suốt. Tiếng nước lóc xóc trong bình như tiếng trẻ nô đùa cười vi vẻ. Những chiếc bình như vòi nước vọt lên rồi rơi xuống.

Cha tôi nói:

- Dù sao, đó cũng là giấc mơ kỳ lạ. Nếu cảnh sát nghe thấy, người ta sẽ bắt con như từng bắt những người phu mỏ đấu tranh đòi dòng nước sông Cairô. Thế nào con cũng không được kể lại cho ai nghe. Hãy quên đi, xem như không có một giấc mơ nào cả!

Không có chút lợi lộc gì đâu! Trời hạn thì mặc trời hạn, không có nước cũng đành chịu!

Cho đến nay tôi vẫn còn nhớ rất rõ giọng nói đầy bi quan thất vọng của cha tôi. Buổi đầu tôi cũng chẳng dám kể cho ai nghe giấc mơ đó, nhưng dần dần tôi không thể giữ kín được, buột mồm ra kể cho bạn bè nghe. Nghe xong họ không những không sợ hãi mà còn cười ồ lên. Tôi hỏi vì sao cười, họ nói:

- Có gì mà sợ! Đó chỉ là giấc mơ tốt lành. ở đây ai cũng từng có những giấc mơ như vậy.

- Thật ư? Điều mơ thấy cây nước cả chứ?

- Ai nói dối với cậu làm gì? ở đây ai chẳng mong ước có được một dòng nước vừa ngọt vừa mát. Cậu chẳng phải lo sợ quá đáng như vậy, thế nào cũng có ngày ước mơ đó được thực hiện.

Mới đầu tôi chưa tin lời họ, nhưng càng làm việc lâu ngày với họ trên mỏ, càng ngày tôi càng tin ở họ. Giấc mơ của chúng tôi nhất định sẽ thành hiện thực. Một ngày nào đó thôn tôi sẽ trồng “cây nước”. Nước sẽ chảy tràn lan, tha hồ giặt rửa những vết nhơ trên mặt mũi. Nước sẽ thoả mãn được mọi khát khao. Ruộng đồng, vườn tược sẽ có nước mà xanh tươi, sa mạc sẽ có nước mà trở nên màu mỡ, tình yêu sẽ có nước mà thuỷ chung.

Lưu Đức Trung dịch

Isaac Bashevis Singer  
(Mĩ)

## BÀI GIẢNG

Tôi lên đường đến Montreal thuyết giảng. Bây giờ đang giữa mùa đông và tôi đã được báo cho biết trước là nhiệt độ ở đó thấp hơn New York mười độ. Báo chí tường thuật rằng nhiều chuyến tàu đã bị sa lầy trong tuyết và nhiều làng chài bị biệt lập khiến thức ăn và thuốc men tiếp tế phải thả xuống cho họ bằng máy bay.

Tôi chuẩn bị cho chuyến đi như thể đó là một cuộc thám hiểm đến Bắc cực. Tôi mặc chiếc áo khoác dày bên ngoài hai cái áo len rồi gói ghém đồ lót ấm và một chai côn hắc trong vali phòng nhờ tàu có bị kẹt lại ở một nơi nào đó trên cánh đồng. Trong túi áo ngực, tôi để tập bản thảo viết tay mà tôi dự định đọc - một bản báo cáo đầy lạc quan về tương lai ngôn ngữ I-đít.

Vào lúc khởi đầu, tất cả mọi thứ đều suôn sẻ. Như thường lệ, tôi đến sân ga sớm hơn một tiếng trước giờ tàu khởi hành, vì thế tôi chẳng tìm thấy một người phu khuân vác nào cả. Sân ga đầy khách du lịch, tôi quan sát họ, cố đoán xem họ là ai, họ sẽ đi đâu và tại sao?

Không có người nào ăn mặc nặng nề như tôi cả. Thậm chí vài người còn mặc áo khoác mỏng. Những quý bà trông rực rỡ và lịch sự trong những chiếc áo lông chồn và lông hải ly, tất dài bằng nilon và mũ hợp thời trang. Họ mang chiếc túi màu sắc sặc sỡ và những tạp chí báo ảnh, hút thuốc rồi tán gẫu và cười nói với một vẻ vô tư làm tôi không ngừng ngạc nhiên. Cứ như là họ không biết gì về những vấn đề sống còn của thế giới hay những vấn đề đã tồn tại vĩnh hằng, cứ như họ không bao giờ nghe nói đến sự chết chóc, bệnh tật, chiến tranh, đói nghèo, sự phản bội hoặc chỉ là những

rắc rối như trẻ tàu, mất vé hay cướp giật. Họ đùa bỡn như những cô nàng đồng đánh, khoe những ngón tay màu đỏ máu. Sáng hôm đó sân ga lạnh lẽo nhưng hình như chẳng có ai cảm thấy điều đó. Tôi ngạc nhiên không biết những người này từng biết là đã có Hitler không? Có nghe nói đến cái máy chém không? Họ có thể biết, nhưng họ quan tâm gì khi người khác bị hành hạ?

Tôi thấy ngứa ngáy từ lớp áo len mặc bên trong. Bây giờ tôi bắt đầu cảm thấy nóng. Nhưng thỉnh thoảng một cơn ớn lạnh lại chạy dọc khắp cơ thể. Bài thuyết giảng với những điều tôi dự đoán về một tương lai chói lọi cho ngôn ngữ I-đít làm tôi lo lắng. Cái gì đã làm tôi trở nên lạc quan một cách bất ngờ như vậy? Theo quan điểm của riêng tôi, phải chăng tiếng I-đít sẽ không bị huỷ diệt?

Tàu hoả Mỹ chạy nhanh và việc nghỉ ngơi thoải mái trên toa đường như giống phép màu đối với tôi. Tôi nhớ những chuyến đi ở Ba Lan khi những hành khách Do Thái không được vào trong toa, còn tôi thì phải đu người trên lan can. Tôi nhớ những cuộc bãi công đường sắt khi tàu hoả bị chặn lại giữa đường trong nhiều giờ đồng hồ và không thể len qua được đám đông dày đặc để đến phòng vệ sinh.

Nhưng tôi đã ở đây, ngồi trên một chiếc ghế mềm ngay bên cạnh cửa sổ. Toa xe bị hun nóng. ở đây không có đồ đạc linh kinh gì, không có những chiếc mũ bằng da lông thú cao, không có áo khoác da cừu, không có thùng hộp, và cũng chẳng có sen đầm. Không có ai ăn bánh mì hay mỡ lợn, không có ai tu rượu vodka từ chai. Không có ai nhieếc móc những người Do Thái về sự phản bội. Trong thực tế, không ai nói đến chính trị cả. Ngay khi tàu bắt đầu chuyển bánh, một người da đen to lớn đeo tạp dề trắng đi vào và thông báo ăn trưa. Tàu không chạy rầm rầm mà lướt đi nhẹ nhàng trên đường ray dọc theo miền Hudson lạnh giá. Bên ngoài, cảnh vật lấp lánh trong tuyết và ánh sáng. Những con chim vẫn còn ở lại cho đến mùa đông bay riu rít trên mặt sông băng.

Càng đi xa thì cảnh vật càng chìm trong băng giá. Thời tiết dường như thay đổi trong từng dặm. Giờ đây chúng tôi đang đi xuyên qua vùng sương mù dày đặc và bây giờ không khí thoáng

đăng rồi mặt trời lại đang tỏa sáng một vùng không gian rộng lớn lấp lánh ánh bạc.

Tuyết bắt đầu rơi nặng. Trời đột nhiên tối sầm. ánh ngày chỉ còn thoáng qua. Tàu tốc hành không chạy nữa mà trườn đi chậm chạp và thận trọng như thể nó đang rờ rẫm trên đường ray. Hệ thống sưởi trên tàu dường như đã bị hỏng. Tàu trở nên lạnh lẽo và tôi phải mặc áo khoác. Trong một lát, những hành khách khác giả vờ rằng họ không cảm thấy gì cả, như thể họ sẽ xấu hổ khi phải thừa nhận quá nhanh rằng mình bị lạnh. Nhưng ngay sau đó, họ bắt đầu giậm chân, cần nắn, nhăn mặt lúng túng và lục lọi trong vali của mình để tìm áo len, khăn quàng, ủng hay bất cứ cái gì mà họ đem theo. Họ bẻ dựng cổ áo lên, rứt tay vào tay áo. Son phấn trên mặt các quý bà khô lên và bắt đầu bong ra như vữa trát tường.

Người Mỹ mơ mộng rằng dần dần tuyết sẽ tan còn người Ba Lan chân chất thực tế thì không tin như thế. Ai đó uống whisky từ trong chai. Ai đó ăn bánh mì và xúc xích để làm ấm cái dạ dày. Cũng có người lao nhanh vào toilet. Khó mà hiểu được chuyện gì đã xảy ra, nhưng sàn toa xe trở nên ẩm ướt và nhớp nháp. Những ô kính cửa sổ bị băng đóng cứng và sương giá phủ lên những giọt nhũ trắng.

Đột nhiên tàu dừng lại. Tôi nhìn ra ngoài thấy rừng cây thưa thớt. Cây cối khẳng khiu, cong queo và mặc dù bị tuyết phủ, trông chúng vẫn trơ trụi và đen đui, như thể vừa trải qua đám cháy. Mặt trời đã lặn nhưng những quầng sáng màu đỏ tía vẫn rực lên ở phía Tây. Tuyết trên mặt đất không còn trắng nữa, mà chuyển sang màu tím. Mấy con quạ bước trên mặt tuyết, vỗ cánh và tôi nghe thấy tiếng kêu của chúng. Tuyết rơi thành từng khối xám nặng, như thể những ông thần giữ cửa của Kho Tuyết ở trên kia đã quá lười nhác vung chúng rơi đều hơn. Hành khách đi từ toa này sang toa khác để lại những cánh cửa mở. Nhân viên phục vụ và những người làm công khác trên tàu khi được hỏi, họ không dừng lại mà khiếm nhã cầu nhàu điều gì đó.

Chúng tôi cách biên giới Canada không xa, và hầu như đã đi qua lãnh thổ của Chú Sam. Vài hành khách bắt đầu tháo hành lý xuống; có lẽ chẳng mấy nữa họ phải trình nó cho các nhân viên hải quan. Một công dân Mỹ nhập tịch lấy giấy tờ tùy thân ra và xem xét ảnh của mình, như cố thuyết phục bản thân rằng những giấy tờ ấy không giả.

Một hay hai hành khách gì đấy đánh bạo đi ra khỏi tàu, nhưng chân họ bị ngập tuyết đến đầu gối. Lát sau họ đành phải trèo lại vào trong toa. Hoàng hôn còn rơi rớt lại một lúc rồi màn đêm ập xuống.

Tôi thấy mọi người dùng thời tiết như một cái cớ để làm quen nhau. Phụ nữ bắt đầu nói chuyện với nhau thân tình một cách bất ngờ. Đàn ông cũng tụ thành một nhóm. Tất cả mọi người đều kiếm được những mẩu thông tin. Người ta tặng cho nhau những lời khuyên. Nhưng không ai chú ý tới tôi cả. Tôi ngồi cô đơn, là nạn nhân của sự cô lập của chính mình, nhút nhát và xa lạ với cả thế giới. Tôi bắt đầu đọc một quyển sách và đó là một thái độ chống đối đầy khiêu khích, bởi đọc sách trong lúc như vậy dường như là một sự thách thức hay một sự xúc phạm đối với những hành khách khác. Tôi không cho phép mình giao du với lớp thượng lưu, và tất cả những gương mặt kia như thầm nói với tôi rằng: Anh không cần chúng tôi và chúng tôi cũng chẳng cần anh. Không hề gì, anh sẽ vẫn phải quay về với chúng tôi nhưng chúng tôi sẽ chẳng thêm đoái hoài tới anh đâu...

Tôi mở cái vali rộng, nặng nề, lấy ra chai cônhắc và thỉnh thoảng lén lút làm một hớp. Sau đó, tôi tì mặt vào ô kính cửa sổ lạnh lẽo và cố nhìn ra ngoài. Nhưng tất cả những gì tôi thấy chỉ là sự phản chiếu lại bên trong toa xe. Thế giới bên ngoài dường như đã biến mất. Triết học duy ngã của Bishop Berkeley đã lôi kéo về mình tất cả những nguyên lý triết học khác. Chẳng có gì tồn tại ngoại trừ phải chờ đợi kiên nhẫn cho tới khi ý muốn của Thượng Đế về việc dùng tuyết làm con tàu tắc lại trên đường ray sẽ nhường chỗ cho những ý muốn khác của Thượng Đế cho phép con tàu chuyển động và tới đích.



Thương thay cho bài diễn thuyết của tôi! Nếu tôi tới nơi vào nửa đêm, sẽ không có ai đợi tôi cả. Tôi sẽ phải tìm một khách sạn. Giá mà tôi có một tấm vé khứ hồi. Nhưng, có phải thuyền trưởng Scott do bị lạc trên cánh đồng băng của địa cực, ở vào một vị trí tốt hơn sau Amundsen, đã khám phá ra Nam cực? Liệu thuyền trưởng Scott phải trả bao nhiêu để được ngồi trong toa xe sáng chói như thế này? Không, con người ta không được phép phàn nàn vì tham lam.

Rượu cơnhắc làm tôi ấm lên. Hương rượu say nồng từ cái dạ dày rộng xông lên não. Cùng một lúc, tôi vừa tỉnh táo vừa gà gật. Thời gian trôi đi hết chỉ để lại một vệt mờ mờ. Tôi nghe thấy tiếng nói chuyện, nhưng không biết rõ điều gì. Tôi chìm vào thái độ trung lập đầy sung sướng. Về phần tôi, tàu hoả có thể dừng lại đây suốt ba ngày ba đêm. Tôi có hộp bánh quy trong vali. Tôi sẽ không chết đói. Nhiều vấn đề bỗng bành lướt qua đầu tôi. Trong tôi trỗi lên tiếng thì thầm về một điều gì đó kì diệu tựa như giấc mơ.

Cái đầu máy điêzen hằn đang lao về phía trước. Tôi nghe thấy những âm thanh gầm gừ, lọc xọc, rầm rầm kéo về phía trước như thể âm thanh của một con bò kỳ quái, một con bò bằng thép trong huyền thoại. Hầu hết hành khách đã đến quán bar hay nhà hàng trên toa xe nhưng tôi quá lười thức dậy. Tôi dường như đã mọc rễ vào trong ghế. Tính bướng bỉnh trẻ con đã chế ngự tôi: tôi sẽ tỏ rõ cho tất cả bọn họ thấy rằng tôi không bị ảnh hưởng bởi bất kỳ sự huyền ảo nào; tôi ở trên những sự việc tầm thường của cuộc sống.

Tất cả mọi người đi qua tôi - từ phía sau đến hay từ phía trước lại - đều liếc nhìn tôi; và đối với tôi, dường như mỗi một người đã hình thành nên ý kiến phán xét của riêng mình về cái loại người tôi. Nhưng liệu có ai biết tôi là một nhà văn Do Thái bị trễ giờ diễn thuyết. Về điều này, tôi chắc rằng, chẳng một ai nghĩ đến. Điều này chỉ những người có quyền lực cao hơn mới biết mà thôi.

Tôi làm một hộp khác, rồi một hộp khác nữa. Tôi chưa bao giờ hiểu cảm giác của việc uống rượu, nhưng giờ đây tôi đã thấy

được sức mạnh nằm ở trong cón. Đó là một chất lỏng nắm giữ trong mình bí mật của cóniết bàn. Tôi không nhìn đồng hồ đeo tay của mình nữa. Tôi không lo lắng về chỗ ngủ nữa. Trong thâm tâm, tôi thậm chí giấu bài thuyết trình mà tôi đã chuẩn bị. Điều gì sẽ xảy ra nếu nó không được đọc? Người ta sẽ được nghe ít lời dối trá hơn. Nếu tôi có thể mở cửa sổ, thì tôi sẽ quăng tập bản thảo vào trong rừng. Để cho mớ giấy tờ và mực viết trở về với cát bụi, nơi không thể tồn tại một lỗi lầm hay sự dối trá nào. Nguyên tử và phân tử vô tội; chúng là một phần của chân lý vĩnh hằng...



Tàu tới nơi đúng vào hai rưỡi. Không có ai đợi tôi cả. Tôi rời sân ga và bị một luồng gió đêm lạnh buốt cuốn lấy, cái lạnh mà không một chiếc áo khoác hay áo len nào có thể ngăn lại được. Trong nháy mắt, tất cả những chiếc xe tắcxi đều đã được thuê hết. Tôi quay lại nhà ga, chuẩn bị trải qua một đêm ngồi trên ghế.

Đột nhiên tôi thấy một người đàn bà thọt và một cô gái trẻ đang nhìn và chỉ tay vào tôi. Tôi đứng và quay lại nhìn. Người đàn bà thọt chống trên hai chiếc nạng to, ngắn. Bà ta nhăn nheo và nhếch nhác, trông như một bà già Ba Lan, nhưng đôi mắt đen của bà ta cho thấy bà ốm yếu và suy sụp hơn là già. Quần áo bà ta cũng gợi tôi nhớ về Ba Lan. Bà mặc một chiếc áo kiểu jacket bằng lông thú không tay. Mũi và gót giày của bà có kiểu mà tôi đã không nhìn thấy trong nhiều năm. Trên vai, bà choàng một chiếc khăn len có tua rua, giống như một trong những cái khăn của mẹ tôi. Trái lại, người phụ nữ trẻ lại ăn vận kiểu cách nhưng cũng hơi nhếch nhác.

Sau một hồi do dự, tôi đến gần họ.

Cô gái hỏi: “Ông có phải là ông N. không?”

Tôi đáp: “Phải, tôi đây”.

Người đàn bà thọt đột nhiên di chuyển như thể sắp thả rơi đôi nặng và vỗ tay. Đột nhiên bà ta than vãn như thể đã rất thân thiết đối với tôi.

“Ôi lạy Chúa lòng lành!”, bà kêu lớn. “Tôi đang nói với con gái tôi đó đúng là ngài, nhưng nó bảo không phải. Tôi đã nhận ra ngài. Ngài đi đâu mà mang theo vali vậy? Thật kì diệu khi ngài trở lại. Tôi không bao giờ tha thứ cho mình cả. Ôi, Binele, con nói gì bây giờ? Mẹ của con vẫn còn linh cảm tốt. Tôi chỉ là một người đàn bà, nhưng tôi là con gái giáo sĩ Do Thái, và trong đôi mắt mọi người, đó là người có học thức. Tôi chỉ nhìn một lần và thầm nghĩ - đúng là ngài rồi! Nhưng ngày nay trứng khôn hơn gà. Nó nói với tôi: “Không, đó không phải là ngài”. Và trong khi ấy thì ngài biến mất. Tôi đã bắt đầu thầm nghĩ rằng: Ai mà biết được, làm người thì ai cũng thế, không ai là không có lỗi. Nhưng khi tôi thấy ngài quay lại, tôi biết đúng là ngài rồi. Người yêu quý của tôi ơi, chúng tôi đã đợi ngài ở đây từ bấy rưỡi tối. Không chỉ có mình chúng tôi: có cả toàn bộ nhóm giáo viên, những nhà sư phạm, cả vài nhà văn nữa. Nhưng rồi cuộc chờ đợi cứ kéo dài mãi, và mọi người về nhà. Họ còn có vợ, con. Vài người phải dậy sớm để đi làm. Nhưng tôi nói với con gái. “Mẹ sẽ không về. Mẹ không thể để cho nhà văn yêu quý của mình - người mà mỗi từ mẹ đều trân trọng giữ gìn như một viên ngọc quý - đến đây mà không thấy ai đợi mình. Nếu con muốn, con gái của mẹ ạ”, tôi nói với nó, “con có thể về nhà và đi ngủ”. Tiếc gì một giấc ngủ đêm? Khi tôi còn trẻ, tôi vẫn nghĩ rằng nếu ngài mất ngủ một đêm thì cả thế giới sẽ tan biến đi. Nhưng Hitler đã dạy cho chúng tôi một bài học. Hắn đã dạy cho chúng tôi một bài học mà tôi sẽ không quên cho tới khi nhắm mắt xuôi tay. Ngài nhìn tôi và thấy tôi già nua, ốm yếu, tàn tật, nhưng tôi đã phải lao động vất vả trong những trại của Hitler. Tôi đào hào và bốc vác hàng hóa ở toa xe lửa. Còn có việc gì mà tôi không làm? Đó là nơi mà tôi đã mắc bệnh thấp khớp. Đến đêm chúng tôi phải ngủ trên những ngăn ván không xứng làm chỗ nằm cho chó, và chúng tôi bị đói đến nổi...”

“Mẹ, lát nữa mẹ sẽ có đủ thời gian để nói chuyện. Bây giờ đã là nửa đêm rồi”, con gái bà ngắt lời.

Chỉ đến khi ấy tôi mới nhìn kỹ cô gái. Toàn bộ thân hình và dáng điệu của cô là của một thiếu nữ, nhưng rõ ràng cô phải ở vào độ tuổi cuối hai mươi hay thậm chí quá ba mươi. Cô nhỏ bé, thanh mảnh với mái tóc hoe vàng chải hất ra sau búi thành búi. Mặt cô là gương mặt của một người ốm yếu xanh xao, đầy tàn nhang. Cô có đôi mắt vàng, trán rộng, mũi khoằm, môi mỏng và một cái cằm dài. Cô quấn quanh cổ một chiếc khăn như của đàn ông. Cô làm tôi nhớ đến một cậu bé người Hassidic.

Mấy lời cô nói chứng tỏ đó là giọng của một người Ba Lan tỉnh lẻ mà tôi đã quên mất trong suốt thời gian sống ở Mỹ. Cô làm tôi nhớ đến bánh mì mạch đen, hạt carum, pho mát thôn quê và nước lấy từ giếng vào thùng và được gánh bằng đòn gỗ trên vai.

“Cảm ơn, nhưng tôi có đủ kiên nhẫn lắng nghe”, tôi nói.

“Khi mẹ tôi bắt đầu kể về những năm tháng ấy, bà có thể nói cả ngày, cả tuần...”

“Suyt, suyt, mẹ của con không điên rồ tới mức như con nghĩ đâu. Sự thật là, thần kinh của chúng ta đã bị chùng ra ở đó. Thật ngạc nhiên khi chúng ta không hoàn toàn mất trí mà chạy quanh đường phố. Nhưng còn nó? Như ngài đã thấy đây, nó cũng ở Auschwitz để chờ đợi đưa vào lò. Thậm chí tôi đã không biết nó còn sống. Tôi cứ chắc chắn là nó bị lạc, và ngài có thể tưởng tượng được tình cảm của một người mẹ! Tôi nghĩ là nó đã đi theo con đường của ba thằng anh nó; nhưng sau giải phóng, chúng tôi đã tìm thấy nhau. Đồ súc vật, chúng muốn gì ở chúng tôi? Chồng tôi là một người sùng đạo, một người Do Thái giữ công văn giấy tờ. Con trai tôi làm việc vất vả để kiếm từng mẩu bánh mì, bởi vì khoản tiền cho vay dưới hình thức cổ phần không mang lại nhiều lợi nhuận. Chồng tôi, chính ông ấy, phải thường xuyên nhịn đói: ánh sáng của Chúa đã ngừng lại trên gương mặt ông ấy. Các con trai tôi thì bị giết bởi những kẻ giết người...”

“Mẹ, xin mẹ dừng lại đi!”

“Mẹ sẽ dừng lại. Mẹ sẽ dừng lại. Dẫu sao thì tôi nói có dài dòng lắm không? Nhưng nó đúng đấy. Trước hết, hỏi người yêu quý của tôi, chúng tôi phải lo liệu cho ngài. Ngài hiệu trưởng đã

nói cho tôi biết tên của khách sạn - họ đã đặt phòng trước cho ngài - nhưng con gái tôi không nghe những gì ông ta nói, mà tôi thì đã quên mất. Việc quên ấy là điều không may của tôi. Tôi đặt một thứ gì đó xuống và tôi không biết là ở đâu nữa. Tôi cứ mãi tìm kiếm nhiều thứ, và đây là cách thời gian trong ngày của tôi mất đi. Nên có lẽ, nhà văn yêu quý của tôi ạ, ngài sẽ ngủ đêm nay ở chỗ chúng tôi chứ? Chúng tôi không có một căn phòng nào tử tế. Nó lạnh lẽo, tồi tàn. Tuy nhiên, như vậy còn tốt hơn là không có chỗ nào cả. Tôi định gọi điện cho ngài hiệu trưởng, nhưng tôi sợ đánh thức ông ấy vào ban đêm. Ông ấy nóng tính như vậy đấy, có lẽ ông ấy sẽ tha thứ cho tôi. Ông ta cứ quát tháo rằng chúng tôi không được khai hóa văn minh. Vậy nên tôi nói với ông ta: Người Đức là người văn minh đấy, đi mà theo chúng...”

“Đi với chúng tôi, dù sao, đêm đã hết ba phần tư rồi”, cô con gái nói với tôi. “Lẽ ra, ông ta nên viết tên khách sạn thay vì chỉ nói mà nếu có nói; thì ông ta nên nói với tôi, chứ không nên nói với mẹ tôi. Bà ấy quên tất cả mọi thứ. Bà ấy đeo kính vào và gào lên: “Kính của tao đâu rồi?” Thỉnh thoảng tôi lại phải bật cười. Hãy đưa vali của ông cho tôi”.

“Cô nói gì? Tôi có thể tự xách được, nó không nặng lắm đâu”.

“Ông không quen xách đồ đạc, nhưng ở đó tôi đã học cách mang những vật nặng. Nếu ông nhìn thấy những hòn đá tôi đã khuân thì ông sẽ không tin nổi vào mắt mình. Thậm chí bản thân tôi cũng không tin những chuyện ấy nữa. Đôi khi, đối với tôi tất cả điều đó như thể là cơn ác mộng...”

“Lạy trời đừng có chuyện đó, cô không phải xách vali cho tôi đâu. Đó là tất cả những gì tôi muốn...”

“Ngài ấy là một người lịch sự, ngài là một người tế nhị, dịu dàng. Mẹ biết điều đó ngay khi lần đầu tiên mẹ đọc tác phẩm của ngài”, người mẹ nói. “Ngài sẽ không tin tôi, nhưng thậm chí chúng tôi đã đọc truyện của ngài ngay ở trong trại. Sau chiến tranh, người ta bắt đầu gửi sách cho chúng tôi, và tôi đã lần lượt đọc hết truyện của ngài. Tôi không nhớ rõ những nhan đề tác phẩm, nhưng tôi đã đọc chúng, rồi bóng tối tan khỏi trái tim tôi. Binele,

tôi gọi - khi ấy nó luôn ở bên tôi - Mẹ đã tìm thấy một kho báu." Tôi nói như vậy đấy...

"Cảm ơn, cảm ơn bà rất nhiều".

"Đừng cảm ơn tôi, xin đừng cảm ơn tôi. Chúng tôi mới là những người phải cảm ơn ngài. Tất cả những điều rắc rối đều xuất phát từ điếc và mù. Họ không nhìn thấy người bên cạnh và thế là họ hành hạ anh ta. Chúng tôi đang lang thang giữa những kẻ độc ác mù quáng... Binele, đừng để cho con người tôn kính này phải xách vali".

"Vâng, xin hãy đưa nó cho tôi!"

Tôi phải nài xin Binele là để tôi mang vali. Cô ta gần như cố giật nó khỏi tay tôi.

Chúng tôi ra khỏi ga và một chiếc tắcxi trở tới. Thật không dễ để đưa bà mẹ vào trong xe. Tôi vẫn không hiểu nổi bằng cách nào mà bà ta xoay sở để đến được nhà ga. Tôi phải bế bà ta lên và đặt vào trong xe. Trong lúc làm như thế, bà ta đã đánh rơi mất một chiếc nặng, Binele và tôi phải tìm nó trong tuyết. Gã lái xe bắt đầu cầu nhàu gắt gỏng bằng thứ tiếng Pháp-Canada của gã. Rồi thì chiếc xe bắt đầu rồ máy và lăn tròn trên mặt đường trơn, lởm, phủ đầy tuyết và mấp mô những móm băng. Những lớp xe bị kẹt vào đó, tài xế phải lùi xe lại nhiều lần.

Cuối cùng chúng tôi cũng đến được con đường, gọi tôi nhớ về một thị trấn nhỏ ở Ba Lan; tối tăm, hẹp, với những ngôi nhà bằng gỗ. Người đàn bà ốm yếu vội vàng mở ví nhưng tôi đã trả trước lúc bà kịp lấy tiền ra. Cả hai người phụ nữ đều la rầy tôi, còn gã lái xe yêu cầu chúng tôi phải ra khỏi xe càng nhanh càng tốt. Tôi gần như phải bế người đàn bà thọt ra khỏi tắcxi. Một lần nữa, chúng tôi phải tìm chiếc nặng của bà rơi vào trong lớp tuyết dày. Sau đó, cô con gái của bà và tôi nửa dẫn, nửa lôi bà ta lên bậc tam cấp cao. Họ mở cửa và tôi đột nhiên bị chìm ngập trong những thứ mùi mà tôi đã quên từ lâu: mùi cà chua mốc meo, hành tây, rau diếp xoắn thối rữa, và cả những mùi gì đó mà tôi không thể gọi tên ra được. Bằng cách bí ẩn nào đấy, bà mẹ và cô con gái đã xoay sở để mang



theo mình toàn bộ không khí của sự nghèo nàn khốn khổ từ căn nhà cũ nát của họ ở Ba Lan.

Họ thắp một ngọn đèn dầu và tôi thấy căn phòng với giấy dán tường đã rách bươm, sàn nhà bằng gỗ nhám, mạng nhện giăng tứ phía. Một chiếc bếp dầu đã cũ, những căn phòng bị gió lùa. Những chai lọ vỡ, những cái đĩa vỡ, những chiếc cốc mất quai được đặt trên một chiếc ghế dài. Thậm chí tôi còn thấy một chiếc chổi sể che trên đồng rác nữa. Không một đạo diễn trên sân khấu nào, tôi nghĩ, có thể làm công việc sao chép tốt hơn cái cảnh khổ sở của xứ sở căn cỗi như thế.

Binele bắt đầu xin lỗi. “Bữa bọn quá, phải không? Chúng tôi đã rất vội vàng như thế để đến nhà ga, chúng tôi không có cả thời gian để rửa chén đĩa. Dù sao, thì việc rửa ráy và lau chùi ở đây có tốt gì. Nó là một căn nhà lụp xụp đã cũ và ọp ẹp. Bà chủ nhà lại chỉ biết có mỗi một điều: đến lấy tiền thuê nhà hàng tháng. Nếu trả chậm một ngày, bà ấy sẵn sàng cắt đứt họng người ta. Dù vậy, sau tất cả mọi chuyện mà chúng tôi đã trải qua ở đó, đây vẫn là một biệt thự đấy...”

Và Binele cười to, để phô cái mồm đầy những chiếc răng rất thưa, kẽ răng được trám vàng, việc ấy hẳn được thực hiện lúc cô vẫn còn ở phía bên kia đại dương

\*  
\*       \*

Họ dọn chỗ ngủ cho tôi trên một chiếc giường gấp trong căn phòng nhỏ xíu với những ô cửa sổ có chấn song. Binele đắp lên người tôi hai tấm chăn và phủ cả cái áo khoác của tôi lên trên. Nhưng không khí vẫn lạnh như ở ngoài trời. Tôi nằm bên dưới tất cả những thứ che phủ đó mà không cảm thấy ấm lên.

Đột nhiên tôi nhớ tới bản thảo của mình. Tập bản thảo bài giảng của tôi đâu rồi? Tôi đã để nó trong túi ngực áo khoác. Không dám ngồi dậy, sợ rằng chiếc giường sẽ sập xuống, tôi cố lần mò tìm nó. Nhưng tập bản thảo đã không còn ở đó. Tôi nhìn áo Jacket treo trên chiếc ghế bên cạnh, nhưng cũng không thấy. Tôi chắc rằng



mình không bỏ nó vào vali, vì tôi mở vali chỉ để lấy chai. Tôi đã định mở nó ở phòng thuế quan, nhưng nhân viên hải quan chỉ vẫy tay ra hiệu cho tôi đi, tỏ ý không cần thiết.

Rõ ràng là tôi đã đánh mất tập bản thảo. Nhưng mất bằng cách nào? Bà mẹ và cô con gái nói với tôi rằng buổi thuyết giảng được hoãn đến ngày hôm sau, nhưng tôi sẽ đọc cái gì đây? Chỉ còn một hy vọng duy nhất: có lẽ nó rơi trên sàn nhà khi Binele phủ áo khoác lên người tôi. Tôi quỳ xuống sàn nhà, cố không gây tiếng động nhưng chiếc giường cũ kêu cọt két dù tôi khẽ nhúc nhích. Thậm chí với tôi, chiếc giường bắt đầu kêu cọt két trước khi tôi nghĩ đến việc di chuyển. Những vật vô tri vô giác thật ra không hề vô tri vô giác...

Bà mẹ và cô con gái rõ ràng là không ngủ. Tôi nghe tiếng thì thầm, tiếng nói lầm rầm từ phòng kế bên. Họ đang khế bàn luận về một điều gì đó, nhưng về cái gì?

Tôi nghĩ, mất tập bản thảo, là một thảm họa theo kiểu Frót. Tôi đã không hài lòng với bài tiểu luận ngay từ lần đầu tiên. Giọng nói lúc đó quá khoa trương. Ầy thế mà, tôi đã nói gì vào buổi tối hôm đó? Có lẽ tôi đã bối rối ngay từ những câu đầu tiên, giống như người diễn thuyết, người đã bắt đầu với bài thuyết giảng của mình bằng, “Peretz là một người khác thường”, và không thể thốt ra thêm một từ nào nữa.

Giá mà tôi có thể ngủ. Tối hôm trước tôi cũng đã không ngủ. Khi tôi xuất hiện trước công chúng, thì tôi đã không ngủ trong nhiều đêm. Mất tập bản thảo thật là một tai họa lớn. Tôi cố nhắm mắt, nhưng chúng cứ mở thao láo. Có con gì đốt tôi; nhưng ngay khi tôi muốn gãi, chiếc giường lại lung lay và rít lên như một gã ốm trong cơn đau.

Tôi nằm đó, yên lặng, ngay đơ và tỉnh hẳn. Một con chuột đào hố kèn kẹt ở nơi nào đó, và tôi nghe thấy một tiếng động, như của loài vật nào đó với cái cửa và những chiếc răng nanh đang cố cửa thủng tấm ván sàn. Một con chuột không thể gây nên âm thanh như vậy. Chắc con quái vật nào đó đang cố làm sập móng của ngôi nhà...

“Ôi, cuộc phiêu lưu này sẽ là cuộc phiêu lưu cuối cùng của tôi!” tôi tự nhủ. “Ta sẽ không còn sống sót để ra khỏi đây”.

Tôi nằm rét cóng, không động đậy được chân tay. Mũi tôi bị nghẹt nên tôi phải hít thở khí lạnh của căn phòng bằng miệng. Cổ họng tôi dường như thắt lại. Tôi phải ho, nhưng tôi không muốn quấy rầy bà mẹ và cô con gái. Họ cũng có thể làm sập chiếc giường xiêu vẹo này... à, hãy để tôi hình dung rằng tôi vẫn còn đang dưới ách Hitler trong chiến tranh. Cũng nên để cho tôi ném một ít mùi đó...

Tôi tưởng tượng mình ở một nơi nào đó ở Treblinka hay Maidanek. Tôi phải làm việc vất vả cả ngày dài. Bây giờ tôi đang nằm trên ngăn ván. Ngày mai có khả năng trở thành “kẻ bị lựa chọn”, và nếu tôi không còn khoẻ nữa, thì tôi sẽ bị tổng đến lò thiêu... Tôi thầm nói lời tạm biệt với vài người thân thiết của mình. Tôi chắc hẳn đã chợp ngủ lơ mơ, vì tôi bị đánh thức dậy bởi một tiếng hét lớn. Binele la lên: “Mẹ! Mẹ! Mẹ!...” Cánh cửa bật tung ra và Binele gọi tôi:

“Giúp tôi với! Mẹ tôi chết rồi!”

Tôi muốn nhảy khỏi chiếc giường gấp nhưng nó đã sập xuống chân tôi, và thay vì nhảy xuống, tôi phải toài người ra. Tôi kêu lên: “Có chuyện gì thế?”

Binele hét: “Bà ấy lạnh rồi! Diêm đâu? Gọi bác sĩ! Gọi bác sĩ! Thắp đèn lên! Ôi, Mẹ ơi!... Mẹ! Mẹ!”

Từ khi bỏ thuốc, tôi không bao giờ mang theo diêm. Tôi đi vào với bộ pijama mặc khi ngủ. Trong bóng đêm, tôi và phải Binele. Tôi hỏi cô: “Tôi có thể gọi bác sĩ bằng cách nào đây?”

Cô không trả lời, nhưng mở cánh cửa dẫn ra hành lang và gào lên: “Cứu, mọi người hãy giúp tôi! Mẹ tôi chết!” Cô gào lên với tất cả sức lực của mình, như những người phụ nữ gào lên trong những khu phố nhỏ của người Do Thái ở Ba Lan, nhưng không ai đáp lại. Tôi cố tìm diêm, biết trước rằng tôi không thể tìm thấy diêm trong ngôi nhà xa lạ này. Binele quay lại và chúng tôi lại va vào nhau trong bóng tối. Cô níu lấy tôi với sức mạnh không ngờ và

khóc lóc: “Cứu! Cứu! Tôi không còn ai khác trên thế gian này! Mẹ là tất cả những gì tôi có!”

Rồi cô khóc lóc điên cuồng, làm tôi choáng váng và chết lặng đi.

“Tìm diêm! Thắp đèn lên!” Cuối cùng tôi cũng gào lên dù tôi biết những lời nói của mình là thừa.

“Gọi bác sĩ! Gọi bác sĩ!” cô kêu lên khi bản thân cũng nhận thấy không thể tin vào yêu cầu phi lý của mình.

Cô nửa dẫn, nửa kéo tôi vào giường nơi mẹ cô nằm. Tôi đưa tay sờ vào cơ thể của bà. Tôi bắt đầu tìm bàn tay bà, tìm nó và thử bắt mạch nhưng mạch không còn đập nữa. Bàn tay rũ xuống nặng nề, nó lạnh như một sinh thể lạnh khi chết. Binele hình như đã hiểu việc tôi đang làm và giữ yên lặng trong một lúc.

“Sao, sao? Mẹ chết rồi ư?... Mẹ chết rồi!... Mẹ đã bị một cơn đau tim...”

“Giúp tôi với! Giúp tôi với!”

“Tôi có thể làm được gì? Tôi chẳng nhìn thấy gì cả!” Tôi nói với cô, và những lời của tôi dường như cũng không tự tin lắm.

“Giúp tôi với!... Giúp tôi với!... Mẹ ơi!”

“Không có người hàng xóm nào trong khu nhà này sao?” Tôi hỏi.

Có một gã nghiện rượu ở tầng trên...”

“Có lẽ chúng ta có thể mượn diêm của hắn?”

Binele không trả lời. Tôi đột nhiên nhận thấy mình lạnh lắm. Tôi phải mặc cái gì đó nếu không tôi sẽ bị viêm phổi. Tôi run lẩy bẩy, răng va vào nhau lập cập. Tôi tìm đường đến căn phòng nơi tôi đã ngủ nhưng lại thấy mình ở trong bếp. Tôi quay ra và suýt huých ngã Binele. Cô gần như trần truồng. Vô thức, tôi đặt tay lên ngực cô.

“Mặc cái gì vào đi!” Tôi bảo cô. “Cô sẽ bị cảm lạnh đấy!”

Tôi không muốn sống! Tôi không muốn sống!... Mẹ không có bốn phận phải đến nhà ga!... Tôi đã cầu xin nhưng mẹ quá buồn bực. Mẹ không còn gì để ăn. Mẹ cũng không uống dù chỉ một tách trà. Tôi phải làm gì bây giờ? Tôi sẽ đi đâu? Ôi, mẹ, mẹ ơi!

Rồi đột nhiên không gian yên lặng. Binele hẳn đã đi lên tầng trên để gõ cửa nhà gã nghiện rượu. Tôi còn lại một mình với cái xác trong bóng tối. Nỗi khiếp sợ mà tôi đã quên từ lâu nay lại chế ngự tôi. Tôi có cảm giác đáng sợ rằng người đàn bà chết đang cố đến gần tôi, để túm lấy tôi bằng đôi tay lạnh giá, để kéo tôi đến nơi bà ở bây giờ. Rốt cuộc, tôi lại phải chịu trách nhiệm về cái chết của bà. Sự căng thẳng lúc đợi gặp tôi đã giết chết bà. Tôi bắt đầu tiến ra phía cửa như thể sẵn sàng để chạy ào ra phố. Tôi vấp phải một cái ghế, ngã đập gối. Những ngón tay xương xẩu vươn ra phía sau tôi. Trong yên lặng, một quái vật kỳ lạ hét vào tôi. Tai tôi ngân vang tiếng thét và nước bọt tứa ra đầy miệng như thể tôi sắp ngạt đi.

Thật kỳ lạ, thay vì ra khỏi nhà, tôi thấy mình trở lại căn phòng đã ngủ. Tôi vấp chân vào cái giường đã bẹp dúm. Tôi cúi xuống nhặt áo khoác lên và mặc vào. Chỉ đến khi ấy tôi mới thấy mình lạnh thế nào và ngôi nhà ấy mới lạnh làm sao. Chiếc áo khoác như một túi băng áp vào cơ thể tôi. Tôi run lên như bị sốt rét. Răng va vào nhau lập cập, chân tôi bủn rủn. Tôi sẵn sàng đánh lui người đàn bà chết kia, chống lại bà ta bằng một trận đấu ra trò. Tôi cảm thấy tim đập nhanh, mạnh, liên hồi. Chẳng có trái tim nào có thể chịu đựng lâu cú sốc kinh hoàng như vậy. Tôi nghĩ rằng khi Binele trở về, thay vì một, cô sẽ thấy hai xác chết.

Tôi nghe thấy tiếng nói chuyện, tiếng bước chân và nhìn thấy ánh đèn. Binele dẫn người hàng xóm ở tầng trên xuống. Cô khoác một chiếc áo choàng của đàn ông trên vai. Người hàng xóm cầm một cây nến đang cháy. Đó là một gã đàn ông to lớn đen đui với mái tóc đen dày và cái mũi dài. Hắn đi chân trần và mặc một chiếc áo choàng tắm bên ngoài pijama. Điều khiến tôi kinh hoàng nhất là bàn chân quá cỡ của hắn. Cầm nến, hắn đến bên giường, cái bóng nhún nhảy sau lưng hắn và rung rinh vắt qua trần nhà tối mờ.

Hắn liếc nhìn người đàn bà và nói với tôi rằng bà ta đã chết. Gương mặt bà đã hoàn toàn biến dạng. Miệng bà trở nên mỏng và hóp vào đến lạ kỳ, đó không phải là miệng nữa mà là một cái hố. Gương mặt vàng ệch, cứng đanh lại, như bằng sáp. Chỉ có mái tóc bạc trông như thể hãy còn sinh khí. Gã hàng xóm lẩm bẩm điều gì đó bằng tiếng Pháp. Hắn cúi xuống người đàn bà và sờ trán. Hắn thốt ra chỉ một từ và Binele lại bắt đầu gào lên rên rĩ. Hắn cố nói với cô, nói với cô điều gì đó nữa, nhưng rõ ràng là cô không hiểu được thứ ngôn ngữ của hắn. Hắn nhún vai, đưa cho tôi cây nến, và đi ra. Tay tôi run đến nỗi không giữ được ngọn lửa nhỏ trông tránh theo các hướng và gần như tắt đi. Tôi rỏ mấy giọt mồ hôi lên tú quần áo và cắm cây nến vào đó.

Binele bắt đầu giật tóc, buông tiếng khóc than rùng rợn đến mức tôi phải giận dữ hét lên với cô: “Im đi!”

Cô liếc xéo tôi một cái, đầy ngạc nhiên và căm tức rồi trả lời nhẹ nhàng và cảm động: “Trên thế gian này, mẹ là tất cả đối với tôi...”

“Tôi biết, tôi hiểu... Nhưng gào thét thì chẳng có ích gì”.

Câu nói của tôi hình như đã tác động đến cô, đến ý thức của cô. Cô đứng yên lặng bên giường, nhìn mẹ. Tôi đứng đối diện phía bên kia. Tôi nhớ rõ rằng người đàn bà này có cái mũi ngắn; bây giờ nó trở nên dài và có hình móc câu, cứ như cái chết đã tố cáo một điểm di truyền mà bà đã giữ kín trong suốt cuộc đời. Trán và lông mày bà ta mang những đường nét đàn ông và lạ lẫm. Có lúc sự đau buồn của Binele dường như chuyển thành trạng thái sững sờ. Cô mở to mắt, nhìn chằm chằm, như thể cô không nhận ra cả mẹ mình.

Tôi liếc ra cửa sổ. Đêm có thể dài đến bao lâu, thậm chí là một đêm đông? Phải chăng mặt trời không bao giờ mọc nữa? Có thể đây là khoảnh khắc thảm họa vũ trụ mà David Hume đã vạch ra như một giả thuyết khoa học chẳng? Nhưng những khung cửa kính đã bắt đầu chuyển sang màu xám.

Tôi đến bên cửa sổ và lau ô kính mờ mờ. Màn đêm bên ngoài đang trà trộn với ánh ngày bàng bạc. Những đống tuyết, những

căn nhà nhỏ, những mái nhà; những đường nét ấy của con phố hiện ra trở nên mờ nhạt. Đèn đường chập chờn ở phía xa, nhưng tất cả đều không sáng rõ. Tôi nhướng mắt nhìn lên bầu trời. Một nửa vẫn còn đầy sao; nửa kia hừng sáng lên với ánh bình minh. Trong vài giây, dường như tôi quên hết mọi chuyện đã xảy ra và hoàn toàn đắm chìm trong sự khai sinh của một ngày mới. Tôi thấy những ngôi sao lần lượt biến mất. Những tia đỏ, hồng, vàng băng qua bầu trời, như trong bức tranh của một đứa trẻ.

“Tôi sẽ làm gì bây giờ? Tôi sẽ làm gì bây giờ?” Binele lại bắt đầu gào lên. “Tôi sẽ gọi ai? Tôi sẽ đi đâu? Gọi bác sĩ! Gọi bác sĩ!” Và cô oà lên khóc nức nở.

Tôi quay về phía cô. “Giờ thì bác sĩ còn có thể làm được gì nữa?”

“Nhưng cần phải gọi ai đó”.

“Cô không còn bà con gì sao?”

“Không. Tôi chẳng có ai trên thế gian này cả”.

“Họ không sống quanh đây...”

Tôi đi vào phòng mình và bắt đầu mặc quần áo. Quần áo tôi đã lạnh cứng. Bộ comlê của tôi bị ép chặt trước chuyến đi đã nhàu nát. Đôi giày của tôi trông què mùa xấu xí. Tôi bắt gặp cái nhìn từ khuôn mặt mình trong gương, và nó làm tôi sửng sốt. Nó hóp lại, bần thiêu, xám xịt, râu ria lởm chởm. Bên ngoài, tuyết lại bắt đầu rơi.

“Tôi có thể giúp gì cho cô?” Tôi hỏi Binele. “ở đây tôi là người lạ. Tôi không biết chỗ nào để đi cả”.

“Khổ tôi chưa! Tôi sẽ làm gì với ông đây? Ông là nạn nhân của sự bất hạnh của chúng tôi. Tôi sẽ ra ngoài gọi điện cho cảnh sát, nhưng tôi không thể để mẹ tôi một mình”.

“Tôi sẽ ở lại đây”.

“Ông ư? Mẹ rất yêu quý ông. Bà không bao giờ ngừng nói về ông... Cả ngày hôm qua...”



Tôi ngồi xuống ghế không nhìn người đàn bà chết. Binele đã mặc quần áo. Thường thường, tôi rất sợ phải ở lại một mình với một cái xác. Nhưng tôi nửa ớn lạnh, nửa buồn ngủ. Tôi đã kiệt sức sau một đêm khổ sở. Một nỗi tuyệt vọng sâu sắc bao trùm lấy tôi. Đã lâu, lâu lắm tôi mới phải chứng kiến cái cảnh bất hạnh và bi kịch lớn như thế này. Những năm tháng ở Mỹ của tôi dường như đã bị quét sạch bởi một đêm đó và tôi trở về, cứ như bởi phép thần, để đến những ngày đen tối nhất ở Ba Lan, đến cơn khủng hoảng cay đắng nhất đời tôi. Tôi nghe thấy tiếng đóng cửa ở bên ngoài. Binele đã đi. Tôi không thể ngồi lâu hơn trong phòng với người đàn bà chết nữa. Tôi chạy vào bếp. Tôi mở cánh cửa dẫn ra cầu thang. Tôi đứng bên cánh cửa mở như thể sẵn sàng tẩu thoát ngay khi xác chết bắt đầu giở những mưu mẹo, mà tôi đã kinh hãi từ ngày còn ấu thơ... Tôi thầm nói với bản thân nếu người chết còn cảm nhận được mọi chuyện thì quả là ngu ngốc khi sợ hãi người đàn bà hiền lành này, một người tàn tật, người đã yêu mến tôi suốt khi còn sống và chắc chắn giờ đây cũng không thù hận gì tôi. Nhưng tất cả những nỗi sợ hãi từ thời niên thiếu lại quay về trong tôi. Sườn tôi cảm thấy ớn lạnh, như thể có mấy ngón tay băng giá sờ lên đó. Tim tôi đập mạnh và run rẩy như tiếng tích tắc trong chiếc đồng hồ vỡ... Trong người tôi, tất cả mọi thứ đều căng ra. Một tiếng sột soạt dù nhẹ nhất cũng sẽ làm tôi nhảy bổ xuống cầu thang trong sự kinh hãi. Cánh cửa dẫn ra đường phố ở tầng dưới có những ô cửa kính nhưng chúng bị sương giá phủ mờ mờ. ánh sáng vàng vọt chiếu qua chúng như vào lúc hoàng hôn. Sự lạnh lẽo băng giá từ bên dưới tỏa lên. Đột nhiên tôi nghe thấy tiếng bước chân. Xác chết ư? Tôi muốn chạy, nhưng nhận thấy rằng bước chân đi từ sàn nhà bên trên. Tôi thấy một người nào đó đi xuống. Đó là gã hàng xóm ở tầng trên trên đường đi làm, gã đàn ông to lớn ấy đi đôi ủng cao su và mặc áo khoác có mũ trùm đầu, tay xách chiếc cặp lông kim loại đựng bữa ăn trưa. Hắn liếc nhìn tôi tò mò và bắt đầu nói với tôi bằng thứ tiếng Pháp-Canada. Thật là tốt khi có người khác để giao tiếp một lát. Tôi gật đầu, diễn tả bằng tay và trả lời hắn bằng tiếng Anh. Hắn cố gắng nhiều lần để nói điều gì đó bằng thứ tiếng ngôn ngữ lạ lẫm của mình, như thể tin rằng nếu tôi lắng nghe cẩn thận thì cuối cùng tôi cũng hiểu. Sau đó hắn lẩm



bấm điều gì đó rồi lại khoát tay, đi ra đóng sầm cửa lại. Bây giờ tôi chỉ còn lại một mình với căn nhà.

Ngộ nhỡ Binele không quay lại? Tôi bắt đầu suy nghĩ vẩn vơ với sự tưởng tượng rằng có lẽ cô bỏ chạy. Có lẽ tôi bị nghi ngờ về tội giết người chẳng? Trên thế giới này việc gì cũng có thể xảy ra. Tôi đứng nhìn chằm chằm ra ngoài cửa. Giờ đây tôi chỉ muốn một điều - quay trở lại New York càng nhanh càng tốt. Căn nhà của tôi, công việc của tôi dường như đã hoàn toàn xa xôi và mơ hồ, giống như những hình ảnh trước khi ăn sâu vào ký ức. Ai hiểu được? Có lẽ toàn bộ cuộc sống của tôi ở New York chẳng hơn gì một ảo giác. Tôi bắt đầu lục soát túi áo ngực... Có phải tôi đã đánh mất giấy tờ tùy thân cùng với tập bản thảo. Tôi sờ thấy một mẫu giấy cứng. Đội ơn Chúa, giấy tờ tùy thân của tôi đây rồi. Lẽ ra tôi cũng có thể đánh mất chúng. Những giấy tờ này giờ đây là bằng chứng khẳng định rằng những năm tôi sống ở Mỹ không phải là chuyện bịa.

Đây là ảnh của tôi. Và chữ ký của tôi. Đây là con dấu của chính phủ. Thật ra, đó chỉ là những vật vô tri vô giác, không có sự sống, nhưng chúng tượng trưng cho phẩm chức, ý nghĩa về bổn phận, pháp luật. Tôi đứng trên ngưỡng cửa và lần đầu tiên thực sự đọc những giấy tờ xác nhận tôi là công dân Mỹ. Tôi đọc chăm chú đến nỗi hầu như quên hẳn người đàn bà chết. Lát sau, cửa bên ngoài bật mở và tôi thấy Binele, người phủ đầy tuyết. Cô quàng cái khăn giống như cái mẹ cô đã quàng hôm qua.

“Tôi không thể tìm thấy điện thoại!”

Cô oà lên khóc. Tôi đi xuống chỗ cô, rút nhanh những giấy tờ tùy thân vào lại trong túi. Cuộc sống đã trở lại. Cơ ác mộng dài đã qua. Tôi choàng tay lên người Binele, cô không cố giẫy ra. Tôi bị ướt vì tuyết tan. Chúng tôi đứng giữa đường đi lên cầu thang và khẽ đung đưa người - một nhà văn Do Thái nhớ đường, và một nạn nhân của Hitler và bài thuyết giảng tai hại của tôi. Tôi nhìn thấy một con số xăm trên cổ tay Binele và tôi thầm nói trong đầu: “Binele, tôi sẽ không bỏ rơi cô. Tôi xin thề trước linh hồn mẹ cô...”

Cơ thể Binele bắt đầu lả đi trong tay tôi: Cô mở mắt và thì thầm: “Tại sao mẹ lại làm như thế? Mẹ đã đợi ông đến mà...”

Đào Thu Hằng dịch

## GIMPEL THẰNG NGỐC

Tôi là Gimpel thằng ngốc. Tôi không nghĩ mình là một thằng ngốc. Ngược lại. Nhưng đây là những gì người ta gọi tôi. Họ đặt cho tôi cái tên ấy trong lúc tôi hãy còn ở trường. Tôi có cả thầy bảy cái tên: ngu đần, khi, đầu he, ngu si, đại dột, khùng khùng, thằng ngốc. Cái tên cuối thì thật là hóc. Sự ngu ngốc của tôi là gì nhỉ? Tôi dễ bị mắc lừa. Họ nói: “Gimpel, em cho biết vợ của một giáo sĩ Do Thái giáo có được đưa lên giường sinh không?”. Thế là tôi trở thành trò cười cho cả trường. à, hóa ra đây là sự đánh lừa. Làm sao mà tôi biết được cơ chứ? Cô ta không có bầu. Còn tôi thì chẳng bao giờ nhìn bụng cô ta. Chuyện ấy có thực sự ngu ngốc quá không? Cả đám cười ầm lên, sằng sặc, giậm chân huỳnh huých, khiêu vũ và hát bài thánh ca nguyện cầu cho buổi tối tốt lành. Và thay vì nho khô, họ tặng khi một phụ nữ đang lúc sinh con, thì họ nhét vào tay tôi đầy phân dê khô. Tôi không phải là kẻ nhu nhược. Nếu tôi tát một ai đó thì hẳn sẽ thấy trời đất quay cuồng ngay. Nhưng bản chất tôi không phải là kẻ hiếu chiến. Tôi thâm nhủ, kẹ nó. Thế là họ lợi dụng tôi.

Tôi đang trên đường từ trường trở về nhà thì nghe tiếng chó sủa. Tôi không sợ chó, nhưng dĩ nhiên tôi chẳng hề muốn gây sự với chúng. Một trong số đó có thể mắc bệnh dại và nếu bị nó đớp phải thì ngay cả Thượng đế cũng đành bó tay. Vậy nên, tôi tìm cách lánh xa. Rồi tôi nhìn quanh và thấy cả khu chợ ấy phát rồ lên vì cười. Chẳng có con chó nào cả ngoài Wolf Leib - kẻ trộm. Làm sao mà tôi biết được là hẳn ta cơ chứ? Nghe như thể một con chó cái đang tru lên.

Khi những kẻ ưa châm chọc và phỉnh phờ người khác phát hiện ra tôi dễ bị lừa thì bất cứ ai trong bọn họ cũng cố thử vận may với tôi: “Gimpel, Nga hoàng sắp đến Frampol; Gimpel, mặt trăng rơi ở Turbeen kia; Gimpel, Hodel Furpiece bé bỏng tìm ra kho báu ở phía sau nhà tắm kia”. Và tôi giống như một golem<sup>1</sup> tin tưởng mọi người. Lí do đầu tiên là mọi điều hợp lí như thể nó được viết trong thánh thư, mà bằng cách nào đó tôi đã quên bém đi mất. Lí do thứ hai là tôi buộc phải tin khi toàn bộ thành phố đều dồn ép tôi! Nếu tôi cả gan nói: “ồ, anh đang nói láo!” thì sẽ gặp rắc rối ngay. “Mày bảo gì! Mày muốn bảo mọi người là đồ lọc lừa à?” Tôi biết làm gì đây? Tôi tin họ và hi vọng chỉ ít tôi cũng đã làm điều gì đó tốt cho họ.

Tôi mồ côi. Ông nội, người nuôi nấng tôi, đã qua đời. Thế là họ gởi tôi đến chỗ người bán bánh và thật quả là một địa ngục khi họ đưa tôi đến đó! Mỗi một phụ nữ hoặc cô gái nào đó đến nướng mẻ bánh hoặc hong khô mẻ mì thì ít nhất cũng phải trêu chọc tôi một lần. “Gimpel, có hội chợ ở thiên đường đấy; Gimpel, giáo sĩ giúp con bê chào đời khi ở tháng thứ bảy; Gimpel, con bò cái bay qua mái nhà và đẻ trứng đồng kìa”. Một dạo, có chàng sinh viên từ Yeshiva<sup>2</sup> đã mua một ổ bánh mì và anh ta nói: “Này, Gimpel, trong lúc cậu đứng đây dùng xẻng của ông chủ hiệu nướng bánh đào xúc thì Đấng Cứu thế đã đến. Người chết sẽ phục sinh”. “ý anh là gì vậy?” - tôi nói. “Tôi không nghe thấy tiếng ai đó thổi tù và sừng cừu!” Anh ta nói, “Cậu điếc à?”. Rồi mọi người cùng gào to: “Chúng tôi nghe rõ, chúng tôi nghe!” Rồi Reitze-chim-hét-nước bước vào và cất giọng khàn khàn của mình, “Gimbel, cha mẹ mày đã đợi mày đứng dậy. Họ đang đợi mày”.

Thực tình mà nói, tôi biết rất rõ rằng chẳng có chuyện nào trong số đó xảy ra, nhưng như mọi lần, khi mọi người đang nói, tôi quàng vội chiếc áo gilê lông cừu và bước ra. Có thể điều gì đó đã xảy ra. Tôi đứng nhìn để thấy cái gì? Chà, một tiếng nhạc mèo vẳng đến! Và rồi tôi thề sẽ không tin vào bất kì chuyện gì nữa.

---

<sup>1</sup> Gã khờ.

<sup>2</sup> Trường thần học.

Nhưng rồi sự tình lại không diễn ra như thế. Họ làm tôi rối rắm đến nỗi tôi chẳng lần ra được đầu cua tai nheo gì nữa.

Tôi đến chỗ giáo sĩ xin đôi lời khuyên. Ông ấy nói: “Sách đã viết, làm thẳng góc trong suốt cuộc đời hơn một giờ làm quý dữ. Anh không phải là thẳng góc. Họ mới là lũ góc. Bởi vì chính cái kẻ từng gây cho những người xung quanh cảm giác xấu hổ, đã tự mình đánh mất đi thiên đường”. Dẫu sao thì cô con gái của giáo sĩ cũng đã đưa tôi vào tròng. Khi tôi rời khỏi phòng của giáo sĩ, cô ta nói, “Anh đã hôn bức tường chưa?” tôi nói, “Chưa, để làm gì?” Cô ta đáp, “Đấy là luật, anh phải làm điều đó sau mỗi lần đến thăm”. Chà, việc này dường như chẳng có hại gì. Và cô ta phá lên cười. Mẹo lừa ngoạn mục. Cô ta đã cho tôi một vố, thế đấy.

Tôi muốn bỏ đi đến thành phố khác, nhưng rồi thì mọi người nhiệt tình làm mối và cứ bám riết lấy tôi đến nỗi gần như kéo đứt cả vạt áo sau. Họ nói với tôi và nói cho đến khi tai tôi ù hết cả lên. Cô ta không phải là thiếu nữ trong trắng nhưng họ bảo tôi là nàng hãy còn trinh trắng. Cô ta có cái chân thọt và họ bảo đấy là biểu hiện của tính e lệ. Cô ta có một đứa con hoang và họ bảo tôi đứa bé là cậu em út của cô. Tôi gào lên, “Các người đang lãng phí thời gian. Tôi sẽ không bao giờ cưới cái con điếm đó”. Nhưng họ nói đầy phần nộ, “Ăn với nói! Cậu không tự thấy xấu hổ à? Chúng tôi có thể đưa cậu đến gặp giáo sĩ để phạt cậu vì việc gọi cô ta bằng cái tên tồi tệ ấy”. Khi đó tôi hiểu rằng tôi sẽ không dễ dàng thoát khỏi họ như tôi nghĩ. Họ lập kế để biến tôi thành trò cười. Nhưng khi người ta kết hôn thì người chồng trở thành ông chủ và nếu cô ta đồng ý thì tôi cũng đồng ý theo. Thêm nữa, người ta không thể đi qua cuộc đời mà không bị xây xát cho dù không mong chờ vấp phải tí nào.

Tôi đến ngôi nhà đất của cô ta, cát trên cát và cả đám người ấy hò la và đồng loạt reo vang ngay sau tôi. Họ hành động như thể những người chơi trò hành hạ gấu. Khi chúng tôi đi đến giếng, họ nhất loạt dừng lại. Họ sợ phải gây sự với Elka. Miệng cô ta sẽ mở như thể nó được đóng bản lề và cô ta có cái lưỡi hiểm ác. Tôi vào nhà. Dây phơi đồ giăng từ tường này sang tường kia và quần áo đang được phơi. Cô ta đi chân đất, đứng bên chiếc bồn, giặt giũ. Cô

ta mặc chiếc áo lụa dài cũ. Tóc cô tết bím, cặp vắt ngang qua đầu. Tôi gần như nín thở vì khung cảnh sặc mùi ấy.

Rõ ràng cô ta biết tôi là ai. Cô ta liếc nhìn tôi và nói, “Xem ai đây nào! Đến rồi kia à, kẻ quấy rầy. Kiểm chỗ ngồi đi”.

Tôi kể cho cô tất cả, tôi chẳng giấu giếm điều gì, “Hãy nói thật với tôi”, tôi nói, “Cô có thực sự trinh trắng và cậu Yechiel tình nghịch có thực là em út của cô không? Đừng lừa gạt tôi vì tôi là kẻ mồ côi”.

“Chính tôi cũng mồ côi”, cô ta đáp, “và bất kì ai xoắn mũi anh, thì chóp mũi của hán ta cũng có thể bị xoắn ngược lên. Nhưng đừng để chúng nghĩ chúng có thể lợi dụng được tôi. Tôi muốn một khoản hồi môn là năm mươi guider và để cho bọn họ thu thập ở ngoài đó. Nếu khác đi thì họ có thể hôn cái-anh-biết-là-gì-của-tôi”. Cô ta nói rất từ tốn. Tôi nói, “Đừng mặc cả với tôi. Hoặc đơn giản chỉ nói “có” hoặc chỉ nói “không” - quay lại nơi cô bắt đầu đi”.

Tôi nghĩ, chẳng có bánh mì nào sẽ được nướng từ chỗ bột nhào này. Nhưng thành phố của chúng tôi không phải là thành phố nghèo. Họ đồng ý mọi chuyện và đám cưới được tiến hành. Rắc rối là lúc ấy dịch kiết lị đang xảy ra. Hôn lễ được tổ chức ở cổng nghĩa địa, gần túp lều nhỏ rửa thi hài. Mọi người uống say. Trong lúc hôn khế đang được viết thì tôi nghe giọng nói ngoan đạo vang vang của giáo sĩ hỏi, “Cô dâu là bà góa hay là người đã li dị?” Và vợ của người trông nom nghĩa địa đáp lời thay cô ta, “Cả góa lẫn li dị”. Đây là khoảnh khắc đen tối với tôi. Nhưng tôi còn biết phải làm gì, bỏ chạy khỏi rạp cưới ư?

Họ hát và khiêu vũ. Một bà già nhảy điệu đôi vũ với tôi, ôm một chiếc chalah<sup>1</sup> trắng có viền. Thủ lĩnh của cuộc vui đề nghị mọi người “Cầu chúa ban phước lành” để tưởng nhớ bố mẹ cô dâu. Đám học sinh phát âm chữ r trầm trong hòng như ở trong ngày Tishe b’

---

<sup>1</sup> Chalah: ổ bánh mì phủ lòng trắng trứng, món ăn ngày nghỉ hoặc ngày lễ Sabbath của người Do Thái.

Av<sup>1</sup>. Có rất nhiều quà tặng sau bài giảng đạo: một dụng cụ làm mì, máng nhào bột, một cái xô, chổi, muôi, rất nhiều đồ dùng gia đình. Rồi tôi liếc nhìn và thấy hai chàng thanh niên vạm vỡ khiêng một cái bồn tắm vào. “Chúng tôi cần cái này để làm gì?” tôi hỏi. Thế là họ nói, “Đừng bận tâm đến nó. Ồn cả thôi, cái này sẽ đúng lúc đấy. Tôi nhận ra mình sắp bị lừa. Nhưng mặc kệ nó, tôi còn gì để mà mất? Tôi cho là tôi sẽ thấy chuyện gì sắp đến. Cả thành phố không thể cùng điên được”.

\*  
\*      \*

Tối, tôi đến chỗ vợ tôi nằm, nhưng cô ta không cho tôi vào. “Nghe này, hãy nói đi, đây là cách họ tổ chức cưới cho chúng ta ư?” Tôi nói. Và cô ta nói, “Tôi đến tháng”. “Nhưng hôm qua họ vừa đưa cô đi tắm nghi lễ và rồi thì không phải dự định thế sao?” “Hôm nay không phải là hôm qua”, cô ta nói, “và hôm qua thì không phải hôm nay. Anh có thể đi nếu không thích”. Tóm lại, tôi đợi.

Chưa đến bốn tháng sau, cô ta lâm bồn. Dân thành phố giầu tiếng cười của họ với vẻ gần như là xúc phạm. Nhưng tôi biết làm gì đây? Cô ta chịu đựng nỗi đau đớn tột độ và bấu tay vào tường. “Gimpel!” cô ta gào lên, “Tôi sắp mất. Tha lỗi cho tôi!”. Ngôi nhà đầy nghẹt phụ nữ. Họ đang nấu nồi nước. Tiếng kêu thét vang đến tận trời.

Điều cần làm là đi đến nhà nguyện đọc thánh kinh và đấy là những gì tôi đã làm.

Rõ ràng là dân phố thích điều đó. Tôi đứng trong góc đọc kinh và cầu nguyện, còn họ thì cứ hát đầu về phía tôi. “Cầu nguyện, cầu nguyện ngay đi!” họ bảo tôi, “Cầu thêm nữa để không bao giờ làm bất cứ phụ nữ nào phải mang bầu”. Một thành viên của giáo đoàn đặt cọng rơm vào miệng tôi và nói, “Cỏ khô cho bò”. Có điều gì đó hiệu nghiệm, lạ Chúa!

---

<sup>1</sup> Tishe b' Av: Ngày để tang tưởng niệm những người bị tai nạn và bị khủng bố.



Cô ta sinh được một bé trai. Thứ sáu, tại giáo đường Do Thái, người trông nom nhà thờ đứng dậy trước chiếc hộp gỗ đựng pháp điển Do Thái, đám mạnh lên bàn nguyện và tuyên bố, “Reb Gimpel giàu có, mời giáo đoàn dự tiệc nhân dịp sinh hạ được con trai”. Toàn thể nhà nguyện vang dội tiếng cười. Mặt tôi đỏ bừng. Nhưng tôi chẳng thể làm gì được. Bởi tôi là người chịu trách nhiệm cho sự kiện vinh dự và nghi lễ cắt bao quy đầu cho đứa bé.

Đến cả nửa thành phố sôi động. Bạn chẳng thể nào nếm được bất kì một linh hồn nào nữa vào. Đàn bà mang đậu rắc tiêu đến và có cả thùng bia được đưa đến từ quán rượu. Tôi ăn uống thỏa thích như mọi người và tất cả họ đều chúc mừng tôi. Rồi đến lễ cắt bao quy đầu, tôi đặt tên đứa bé theo tên cha tôi, cầu Chúa cho người được an nghỉ. Khi mọi việc kết thúc, chỉ còn tôi với vợ, cô ta thò đầu qua rèm giường và gọi tôi đến.

“Gimpel”, cô ta nói, “tại sao anh im lặng? Thuyền của anh đã đi hay chìm ngấm rồi sao?”.

“Tôi biết nói gì nào?” Tôi trả lời. “Cô vừa làm cho tôi một việc hay hóm quá! Nếu mẹ tôi biết chuyện này thì bà sẽ chết đến lần thứ hai”.

Cô ta nói, “Anh điên hay sao đấy?”

“Sao cô có thể biến tôi thành ngốc” tôi nói, “một người mà đáng ra là chủ là thầy cô?”.

“Có chuyện gì với anh thế?” cô ta nói. “Anh đang tưởng tượng gì trong đầu ấy?”

Tôi hiểu rằng mình phải nói toạc móng heo cả ra. “Cô nghĩ đây là cách sử dụng một kẻ mồ côi à?” Tôi nói. “Cô vừa sinh ra một đứa con hoang”.

Cô ta đáp, “Bỏ ngay ý nghĩ ngu ngốc ấy ra khỏi đầu anh. Đứa bé là con anh”.

“Làm thế nào mà nó là con tôi được?” tôi cãi. “Nó được sinh ra sau ngày cưới mười bảy tuần”.



Lúc ấy cô ta bảo tôi rằng đứa bé bị đẻ non. Tôi nói, “Nó không quá non chứ?” Cô ta nói bà nội cô cũng sinh con sau thời gian mang thai rất ngắn và cô giống hệt bà như hai giọt nước. Cô ta buông lời thề độc đến nỗi bạn hẳn phải tin như tin một gã nông dân ở hội chợ khi hắn mở miệng thề thốt. Thực tình mà nói, tôi không tin cô ta; nhưng khi tôi kể chuyện ấy với một thầy giáo vào hôm sau thì ông ta bảo tôi rằng điều tương tự đã từng xảy ra với Adam và Eva. Họ lên giường vào lúc hai giờ và bốn giờ thì họ sinh hạ ra con người.

“Chẳng có người đàn bà nào trên thế giới lại không là con cháu của Eva”, ông ta nói.

Sự thể là thế đấy - lập luận của họ làm cho tôi không thể nào mở miệng. Nhưng rồi liệu có ai thực sự biết những chuyện như thế xảy ra theo cách nào?

Tôi bắt đầu quên nỗi buồn của mình. Tôi yêu đứa bé tha thiết và nó cũng yêu tôi. Thoáng trông thấy tôi, nó vẫy đôi tay bé nhỏ và muốn tôi bế; khi nó đỡ chứng, chỉ có tôi là người duy nhất có thể đỡ nó. Tôi mua cho nó cái vòng bằng xương nhỏ và cả cái mũ màu vàng nhỏ xíu. Nó thường xuyên bị quấy ám bởi vía nặng của ai đó và rồi tôi phải đi lòng kiếm một lá bùa để giúp nó thoát khỏi ma quỷ. Tôi làm việc hùng hục như bò. Bạn biết việc chi tiêu tăng vọt ra sao khi trong nhà có con nhỏ. Tôi không muốn nói dối về điều đó; tôi cũng không phải không thích Elka, về chuyện ấy. Cô ta văng tục với tôi và nguyên rửa còn tôi thì không thể đáp ứng nỗi cô ta. Cô ta mới khỏe làm sao! Chỉ một cái nhìn của cô ta cũng đủ cướp của bạn ngôn ngữ đang hé trên môi. Và những bài diễn thuyết của cô ta! Hắc ín và lưu huỳnh, đầy ắp trong mớ ngôn ngữ hùng hồn ấy nhưng bằng cách nào đó nó cũng đầy vẻ quyến rũ. Tôi ngưỡng mộ từng lời của cô ta. Nhưng cô ta gây cho tôi những vết thương rỉ máu.

Buổi tối, tôi mang về cho cô ta một ổ bánh mì trắng hoặc một ổ bánh mì đen kèm với nhân hoa quả do tôi tự nướng. Tôi ăn cắp vì cô ta và nâng mọi thứ mà tôi có thể đặt tay vào, bánh hạnh nhân, nho khô, quả hạnh, bánh trái. Tôi hi vọng mình sẽ được tha thứ vì

đã ăn trộm từ những cái nôi của cánh đàn bà để lại ủ ấm trong lò của người làm bánh vào thứ bảy. Tôi nhón những mẩu thịt đầu thừa đuôi theo, những khoanh bánh pudding, đùi hoặc đầu gà, một mẩu dạ dày bò hay bất cứ thứ gì mà tôi có thể thò thật nhanh. Cô ta ăn, trở nên béo tốt và xinh đẹp ra.

Tôi phải ngủ xa nhà suốt cả tuần, tại xưởng bánh. Những tối thứ sáu, khi tôi về nhà, cô ta luôn thoái thác vì lí do nào đó. Hoặc là cô ta bị chứng nóng lồng ngực, hoặc là đau xóc bên sườn, hoặc nấc cụt, hoặc đau đầu. Bạn chắc biết cái mà đàn bà viện làm lí do. Tôi có cả thời cay đắng vì điều đó. Thật là phiền toái. Thêm vào đó, cậu em trai út của cô ta, một gã con hoang, đang ngày một lớn lên. Nó đâm tôi sưng vù và khi tôi muốn đâm trả thì cô ta ngoác miệng nguyên rửa tôi hăng đến mức tôi thấy cả làn sương mù xanh bênh bồng trước mặt tôi. Một ngày mười lần cô ta dọa li dị tôi. ở vào hoàn cảnh tôi, người khác chắc đã chuồn sang Pháp và biến mất. Nhưng tôi là típ người được sinh ra để chịu đựng điều đó mà không phàn nàn gì cả. Con người ta biết làm gì? Chúa sinh ra đôi vai và cả gánh nặng.

Tối nọ, tai họa xảy ra ở xưởng bánh, lò bị cháy, chúng tôi suýt gặp hỏa hoạn. Chẳng còn việc gì để làm nữa ngoài việc về nhà, thế là tôi về nhà. Để tôi, tôi nghĩ, những nệm được sự vui thú được ngủ trên giường vào giữa tuần. Tôi không muốn làm thằng bé đang ngủ thức giấc bèn nhón chân vào nhà. Vào đến bên trong, dường như tôi nghe không chỉ tiếng của một người mà như là hai tiếng ngáy, một tiếng rất khẽ vừa đủ nghe còn tiếng kia thì giống tiếng ngáy của con bò ở lò mổ. Ôi, tôi chẳng thích điều đó! Tôi chẳng thích chút nào. Tôi tiến đến giường và mọi thứ trở nên tối sầm hết cả lại. Bên cạnh Elka là hình dáng của một gã đàn ông. Người khác ở vào địa vị tôi hẳn sẽ gầm lên và dựng cả thành phố dậy, nhưng trong tôi lại nảy ra ý nghĩ sẽ làm thằng bé thức giấc. Một chuyện nhỏ nhặt như thế - tại sao lại phải làm kinh động đến một chú sẻ non, tôi nghĩ. Vậy thì được, tôi quay lại xưởng bánh, đuổi người trên chiếc bao bột và cho đến sáng, tôi không hề chớp mắt. Tôi run như thể bị sốt rét. “Đủ để trở thành con lừa”, tôi tự

nhủ. “Gimpel sẽ không là một kẻ đàn độn suốt đời. Có một giới hạn ngay cả đối với sự ngu ngốc của một thằng ngốc như Gimpel”.

Buổi sáng tôi đến chỗ giáo sĩ xin lời khuyên và điều này đã gây nên sự huyên náo dữ dội trong thành phố. Họ cử thầy tư tế đi gọi Elka ngay. Cô ta đến, mang theo đứa bé. Và bạn đoán cô ta sẽ làm gì? Cô ta phủ nhận điều đó, phủ nhận mọi thứ, trắng trợn và bướng bỉnh! “Anh ta bị tâm thần”, cô ta nói. “Tôi chẳng biết gì về giấc mơ hoặc điều tiên tri nào cả”. Họ la ó, cảnh cáo cô ta, gõ búa lên bàn, nhưng cô ta nhất mực giữ nguyên ý kiến: đây là lời cáo buộc giả dối, cô ta nói:

Cánh buôn thịt và buôn ngựa đứng về phía cô ta. Một trong số những gã thuộc cánh lò mổ đến và nói với tôi, “Chúng tôi đứng về phía anh, anh là người bị ruồng bỏ”. Trong lúc ấy, đứa bé vùi xuống và bình ra quần. Trong phòng giáo đoàn, có cuốn kinh thánh và họ không thể chấp nhận điều đó nên Elka được đưa ra ngoài.

Tôi nói với giáo sĩ, “Tôi sẽ làm gì đây?”

“Anh phải li dị cô ta ngay lập tức”, ông ta nói.

“Ngộ nhớ cô ta từ chối?” tôi hỏi.

Ông ta nói, “Anh phải tự mình li dị cho bằng được, đây là tất cả những gì anh phải làm”.

Tôi nói, “Thôi được, thưa giáo sĩ. Để tôi nghĩ thêm về chuyện này”.

“Chẳng việc gì phải nghĩ cả”, ông ta nói. “Anh không được ở cùng nhà với cô ta”.

“Và nếu tôi muốn thăm đứa bé?”, tôi hỏi.

“Mặc xác cô ta, đồ hư hỏng”, ông ta nói, “cùng với lũ con hoang của cô ta”.

Phán quyết ông ta đưa ra là tôi thậm chí không được phép bước qua ngưỡng cửa nhà cô ta - không bao giờ, trong lúc tôi còn sống.

Suốt ngày, việc này khiến tôi bận tâm rất nhiều. Tôi nghĩ, điều đó chắc chắn xảy ra, cái ung nhọt phải vỡ. Nhưng đêm đến, khi nằm dài trên lớp bao bột, tôi cảm thấy thực sự rất là cay đắng. Nỗi mong nhớ xâm chiếm tôi, vì cô ta và vì đứa bé. Tôi muốn nổi cơn thịnh nộ, nhưng nỗi bất hạnh thực sự của tôi là tôi không sở hữu tí cuồng nộ nào trong người. Thứ nhất là - đây là cách ý tưởng hình thành - đôi lúc, với con người lầm lẫn chắc chắn xảy ra. Con người ta không thể sống mà không có lỗi lầm. Có lẽ cái gã ấy đã dụ dỗ cô ta, tặng cho cô ta nhiều quà và còn thiếu gì nữa, mà phụ nữ thì luôn dài về đầu tóc và ngắn về khả năng nhận thức, thế là hắn chiếm đoạt được cô ta. Thứ nữa, bởi vì cô ta khẳng khẳng phủ nhận nên có lẽ tôi chỉ nhìn thấy thứ gì đó? ảo giác gây nên điều đó. Bạn thấy một hình bóng hoặc một thằng lùn hay một vật thể, nhưng khi bạn đến gần hơn thì chẳng có gì, chẳng có cái gì ở đó cả. Và nếu sự thể như thế thì tôi đã bắt công với cô ta. Rồi khi tiếp tục suy nghĩ, tôi bắt đầu khóc. Tôi thổn thức đến nỗi làm ướt sũng chỗ bột nơi tôi nằm. Sáng hôm sau, tôi đến gặp giáo sĩ và nói với ông ta rằng tôi đã nhầm lẫn. Giáo sĩ viết bằng cây bút lông ngỗng, ông ta nói rằng nếu sự tình như thế thì ông ta sẽ xem xét lại toàn bộ vụ việc. Cho đến khi ông ta kết thúc, tôi không được đến gần vợ, nhưng tôi có thể nhờ người mang cho cô ta bánh mì và tiền.

\*  
\*      \*

Chín tháng đã trôi qua trước khi tất cả giáo sĩ có thể đi đến chỗ thỏa thuận. Thư từ gửi tới gửi lui. Tôi không nhận ra rằng cần phải mất rất nhiều tri thức uyên bác cho một vấn đề như thế này.

Trong lúc ấy, Elka tiếp tục sinh thêm một đứa trẻ nữa, lần này là một bé gái. Vào ngày lễ Sabbath, tôi đến giáo đường Do Thái và cầu chúa ban phúc lành cho nó. Họ gọi tôi đến bàn thờ và tôi đặt tên đứa bé theo tên mẹ vợ tôi, cầu mong cho bà được yên nghỉ. Những kẻ thô lỗ và những kẻ lảm lời của thành phố vào xưởng bánh dôm ngó tôi kĩ càng. Toàn bộ Frampol chấn hưng lại tinh thần vì chuyện rắc rối và nỗi buồn của tôi. Tuy nhiên, tôi quyết tâm sẽ luôn tin tưởng vào những gì mình đã được dạy bảo.

Không tin tưởng thì có gì tốt lành? Hôm nay, đây là cô vợ, bạn không tin tưởng, ngày mai ấy chính là Chúa, bạn sẽ chẳng tôn thờ.

Qua gã học nghề, hàng xóm của cô ta, hằng ngày tôi gửi cho cô ta một chiếc bánh ngô, bánh mì hoặc một miếng bánh ngọt, bánh mì vuông hoặc bánh mì dài hoặc, khi tôi có cơ hội thì là một miếng bánh pudding, một lát bánh mật hoặc là bánh tròn nhân táo dùng trong đám cưới - bất cứ thứ gì tôi có thể kiếm được. Gã học nghề là một tay lương thiện và hơn một lần gã kèm thêm thứ gì đó của riêng gã. Gã từng công khai làm phiền tôi nhiều lần, kéo mũi tôi, huých cùi tay vào mạng sườn tôi, nhưng khi bắt đầu trở thành vị khách ở nhà tôi thì gã trở nên tử tế và thân thiện. “Ê, anh bạn, Gimpel” gã nói với tôi, “cậu có một cô vợ bé nhỏ, rất đoan trang và hai đứa con xinh xắn. Cậu không xứng đáng với họ”.

“Nhưng những điều người ta nói về cô ta”, tôi nói.

“Chà, cái bọn lừa dối dài ấy mà”, gã nói, “chớ bận tâm gì đến cái kiểu lừa nhảm của họ. Hãy mặc xác họ như cậu đã mặc xác cái lạnh của mùa đông trước”.

Ngày nọ, giáo sĩ gọi tôi đến bảo, “Gimpel, anh có chắc chắn rằng anh đã nói sai về vợ không?”

Tôi nói, “Con chắc chắn”.

“Sao vậy, nhìn thẳng đây! Chính anh đã tận mắt nhìn thấy”.

“Chắc là một cái bóng”, tôi nói.

“Bóng của cái gì?”

“Của một trong những xà nhà, con nghĩ”

“Vậy thì anh có thể về nhà. Anh nhớ cảm ơn giáo sĩ Yanover. Ông ấy tìm thấy một mục tham khảo tối nghĩa trong sách Maimonides<sup>1</sup> điều đó mang lại sự đồng ý cho anh”.

Tôi nắm chặt bàn tay của giáo sĩ và hôn.

---

<sup>1</sup> Maimonides: Nhà triết học người Do Thái (1135-1204). Cuốn Cẩm nang về sự hoang mang (1190) của ông nỗ lực dung hòa giữa đạo Do Thái và giáo lí của Aristotle.

Tôi muốn chạy về nhà ngay lập tức. Chẳng phải là chuyện vặt khi bị chia tách quá lâu với vợ và con. Sau đó tôi đổi ý, tốt hơn là tôi nên quay lại làm việc lúc này và đợi đến tối mới về nhà. Tôi chẳng nói gì với bất kì ai, mặc dù con tim tôi hồi hộp với điều đó đến mức như thể đây là một trong những Ngày Thiêng. Đàn bà trêu chọc và lừa bịp tôi như họ vẫn làm mỗi ngày, nhưng suy nghĩ của tôi là, cứ tiếp tục đi, cái kiểu nói vô thưởng vô phạt của các vị. Sự thật thì luôn rõ ràng, như dầu trên mặt nước. Maimonides bảo điều đó đúng thì vì thế nó đúng!

Buổi tối, khi ủ xong chỗ bột nhào, tôi lấy phần bánh của mình và một túi bột nhỏ rồi ra về. Vầng trăng tròn trịa, sao đang lấp lánh, có cái gì đó đang khuấy bỗ tinh thần. Tôi mải miết đi và phía trước tôi, cái bóng ngả dài. Trời sang đông, những bông tuyết tinh khôi rơi đều. Tôi muốn hát nhưng đã khuya và tôi không muốn đánh thức những người trong nhà dậy. Lát sau tôi cảm thấy thích huýt sáo, nhưng sức nhớ người ta không huýt sáo ban đêm bởi nó sẽ gọi ma quỷ đến. Thế là tôi im lặng và rảo bước nhanh.

Chó trong sân nhà những người theo Thiên chúa giáo sủa khi tôi đi qua nhưng tôi nghĩ, sủa cho rụng hết cả răng đi! Bọn mày là cái thá gì ngoại trừ là chó? Trái lại, tao là người, một người chồng của cô vợ dễ thương, một người cha của những đứa con đầy triển vọng.

Khi đến gần nhà, tim tôi bắt đầu nện như thể nó là tim của một kẻ tội phạm. Tôi không cảm thấy sợ, nhưng tim tôi đập thành thịch! thịch thịch! Chao ôi, không rút lui được nữa rồi. Tôi lặng lẽ nhấc chốt cửa rồi bước vào. Elka đã ngủ. Tôi nhìn vào nôi đứa bé. Cửa chớp đã đóng, nhưng mặt trăng vẫn len qua khe hở. Tôi ngắm mặt đứa bé mới sinh và yêu thương nó ngay lúc thoát nhìn - yêu ngay lập tức - yêu đến ghệt thở.

Rồi tôi đến gần giường hơn. Và tôi nhìn thấy gì ngoài gã học việc đang nằm đó, bên cạnh Elka. Ngay lập tức ánh trăng tắt ngấm. Đất trời tối đen và tôi run rẩy. Răng tôi va vào nhau cầm cập. Ồ bánh mì rơi khỏi tay, vợ tôi thức giấc và hỏi, “Ai đó, hả?”

Tôi thì thào, “Tôi đây?”



“Gimpel?” cô ta hỏi. “Làm sao anh lại ở đây? Tôi nghĩ anh đã bị cấm rồi mà”.

“Giáo sĩ bảo”, tôi trả lời trong cơn run rẩy như đang sốt.

“Nghe này, Gimpel”, cô ta nói, “ra ngoài chuồng xem con dê có sao không. Như thể nó bị ốm hay sao ấy.” Tôi đã quên không nói rằng chúng tôi có một con dê. Khi nghe nói nó không được khỏe tôi vội ra vườn. Con dê cái là một sinh vật bé nhỏ tử tế. Tôi cảm nhận về nó gần như thể đây là một con người.

Bằng những bước chân lưỡng lự, tôi lần đến chuồng gia súc và mở cửa. Con dê đứng đó bằng cả bốn chân. Tôi sờ khắp mình nó, giữ nó lại, kiểm tra vú sữa và thấy nó chẳng việc gì. Có lẽ nó đã ăn quá nhiều vỏ cây. “Chào nhé, dê ngoan”, tôi nói. “Hãy giữ gìn sức khỏe”. Con vật bé bỏng trả lời với tiếng “Maa” như thể cảm ơn tôi vì lời chúc tốt lành.

Tôi quay lại. Gã học việc đã biến mất.

“Đâu, tôi hỏi, “gã ấy đâu rồi?”

“Gã nào?” vợ tôi hỏi.

“Ý cô là gì?” tôi nói. “Gã học nghề. Cô đang ngủ cùng hắn?”

“Những điều tao mơ thấy tối nay và tối qua”, cô ta nói, “có thể trở thành sự thật và ám ảnh mi, cả thể xác lẫn tinh thần! Một linh hồn tội lỗi đã mọc rễ trong mi và trong mắt mi”. Cô ta gào lên, “Mi là đồ đáng ghét! Đồ đàn độn! Đồ ma quái! Đồ mông muội! Cút ngay nếu không tao sẽ gào cho cả Frampol thức giấc!”.

Trước lúc tôi có thể cử động, thằng em cô ta nhảy từ sau bếp ra giáng cho tôi một quả vào sau đầu. Tôi nghĩ nó đã làm gãy cổ tôi. Tôi cảm thấy mình đã làm điều gì đó sai trái, tôi nói. “Đừng có làm ồn lên. Điều cô cần bây giờ là mọi người sẽ buộc tội tôi đánh thức những hồn ma và ác quỷ”. Vì đó là những gì cô ta muốn. “Đừng ai động đến ổ bánh mì đang nướng của tôi”.

Rốt cuộc, bằng cách nào đó tôi đã làm cô ta bình tĩnh lại.

“Thôi được”, cô ta nói “đủ rồi đấy. Nằm ngủ đi và đừng có phá vỡ sự yên tĩnh nữa”.



Sáng hôm sau tôi gọi gã học nghề ra ngoài. “Nghe này, người anh em!” tôi nói. Và nói mọi chuyện. “Cậu nói gì vậy?” Gã ta trở mặt nhìn như thể tôi vừa rơi từ mái nhà hay một nơi nào đó xuống.

“Tôi thề”, anh ta nói, “tốt hơn là cậu nên đi khám bác sĩ đông y hay một thầy thuốc nào đó. Tôi đồn rằng thần kinh cậu bị chùng mắt mấy ốc vít, nhưng tôi sẽ giấu chuyện này cho cậu”. Và đây là cách vụ việc kết thúc.

Xin được rút ngắn câu chuyện dài này, tôi đã sống hai mươi năm với vợ. Cô ta sinh cho tôi sáu đứa, bốn gái, hai trai. Mọi thứ chuyện này nọ đã xảy ra nhưng tôi không thấy và cũng chẳng nghe. Tôi tin tưởng và đây là tất cả. Gần đây giáo sĩ đã nói với tôi, “Tin vào điều mình tin là có lợi. Sách đã viết rằng một người tử tế thì sống bằng niềm tin của chính mình”.

Bỗng nhiên vợ tôi lâm bệnh. Thoạt tiên chỉ là một vết sưng nhỏ trên ngực. Nhưng hiển nhiên cô ta sẽ không sống lâu nữa; cô ta nguy kịch. Tôi chi rất nhiều tiền cho cô ta. Tôi đã quên không kể rằng vào thời điểm ấy tôi đã là chủ một xưởng bánh và ở Frampol, người ta xếp tôi vào hạng người giàu có. Thầy thuốc đến hàng ngày và cả đám thầy cúng lân cận cũng được mời cả sang. Họ quyết định sử dụng biện pháp hút sạch máu rồi sau đó phong bế nó lại. Họ thậm chí còn mời cả một bác sĩ ở Lublin đến nhưng đã quá trễ. Trước khi chết, cô ta gọi tôi đến bên giường và nói, “Tha lỗi cho tôi, Gimpel”.

Tôi nói, “Có gì để tha lỗi đâu? Cô là một người vợ ngoan và chung thủy”.

“Tội nghiệp thay, Gimpel!” cô ta nói. “Thật quá xấu hổ khi tôi đã lừa dối anh ngần ấy năm trời. Tôi muốn trong sạch khi đứng trước Đấng sáng tạo của mình, vậy nên tôi phải nói cho anh biết rằng bọn trẻ không phải là con anh”.

Giả dụ như tôi bị nêm vào đầu bằng một mẩu gỗ thì nó cũng sẽ không làm tôi phát rò thêm hơn.

“Chúng là con ai?” tôi hỏi.

“Tôi không biết”, cô ta nói, “có rất nhiều... Nhưng không phải là con anh”. Và khi đang nói, đầu cô ta nghiêng sang một bên, đôi mắt trở nên mờ dại và mọi chuyện chấm dứt với Elka. Trên đôi môi tái nhợt của cô ta, vẫn còn in dáng nụ cười.

Tôi hình dung rằng, cô ta chết khi sắp sửa nói, “Tôi đã lừa được Gimpel. Đây là ý nghĩa của cuộc sống ngắn ngủi của tôi”.



Tối nọ, khi thời gian để tang đã chấm dứt, lúc tôi nằm mơ trên những bao bột thì một con quỷ đến nói với tôi, “Gimpel, sao mày ngủ?”

Tôi nói, “Tao biết làm gì bây giờ? Ăn kreplach<sup>1</sup> ư?”

“Toàn bộ thế giới lừa mày”, hắn nói, “và đến lượt mày, mày nên lừa ráo cả thế giới đi”.

“Làm sao mà tao có thể lừa được cả thế giới?” tôi hỏi hắn.

Hắn trả lời, “Mày có thể gom một xô nước đá mỗi ngày rồi đợi tới đến đem đổ vào bột nhào. Để cho các nhà thông thái của Frampol ăn phải đồ dơ bẩn”.

“Thế còn sự phán xét ở thế giới sắp đến thì sao? tôi nói.

“Chẳng có thế giới nào để đến cả”, hắn nói. “Bọn chúng đã bịp mày cả một lô một lốc những điều thiện và thuyết phục mày tin rằng mày đã mang một con mèo trong bụng. Thật ngớ ngẩn!”

“Vậy thì” tôi nói, “có Chúa không?”

Hắn trả lời, “Cũng chẳng có Chúa nào cả”.

“Cái gì”, tôi nói, “Chẳng có ư?”

“Một vũng bùn đặc sệt”.

---

<sup>1</sup> Một loại bánh bao nhồi thịt, pho mát và những nguyên liệu khác.

Hắn đứng trước mặt tôi phô cả sừng và bộ râu dê, những chiếc nanh nhọn và cả cái đuôi. Nghe những lời báng bổ ấy, tôi muốn chộp lấy đuôi hắn, nhưng tôi chỉ ngã nhào khỏi những bao bột và suýt gãy một xương sườn. Rồi sự thể hóa ra rằng tôi phải đáp lại tiếng gọi của tự nhiên và khi đi qua, tôi thấy đám bánh mì đứng dậy, dường như bảo tôi, “Hãy làm đi!” Tóm lại, tôi đã để bản thân mình bị thuyết phục.

Vào lúc bình minh, người học nghề đến. Chúng tôi nhào bột, cho thêm hạt cây carum rồi đưa bánh vào lò nướng. Sau đó, người học nghề ra ngoài, chỉ mình tôi ngồi lại trên đồng vụn vãi trái trên chiếc ghế dài nhỏ bên bếp lò. Ngày, Gimpel, tôi nghĩ, tự tay mày đã trả thù bọn chúng vì mọi điều xấu xa mà chúng tạo ra cho mày. Ngoài trời sương tuyết lấp lánh nhưng không khí ẩm áp bên cạnh bếp lò. Lửa phả hơi nóng vào mặt tôi. Tôi gục đầu xuống và rơi vào giấc ngủ chập chờn.

Ngay lập tức tôi mơ thấy Êkla trong tấm vải liệm. Cô ta gọi tôi, “Anh làm cái gì vậy, hả Gimpel?”

Tôi nói với cô ta, “Tất cả là tại lỗi của cô” tôi bắt đầu gào to.

“Đồ ngốc!” cô ta nói. “Anh ngốc thật! Bởi nếu tôi giả dối thì mọi thứ cũng đều giả dối hết sao? Tôi chưa hề lừa dối bất kì ai ngoài bản thân mình. Tôi đang trả giá cho tất cả điều đó, Gimpel. ở đây, họ chẳng tha thứ cho anh đâu”.

Tôi nhìn mặt cô ta. Nó đen ngòm. Tôi rùng mình thức giấc mà vẫn đang ngồi sững sờ. Tôi ý thức rằng vạn vật được đặt trong thế cân bằng. Một bước lầm lạc lúc này và tôi đã đánh mất cuộc sống vĩnh hằng. Nhưng Chúa sẽ giúp tôi. Tôi chộp lấy chiếc xẻng dài và hất chỗ bánh ấy ra, mang chúng ta vườn và đào một cái hố trên mặt đất phủ đầy băng tuyết.

Người học nghề quay lại khi tôi đang đào hố. “Ông đang làm gì vậy, ông chủ?” cậu ta nói và tái nhợt như xác chết.

“Tao biết mình đang làm gì” tôi nói rồi chôn hết chỗ bánh ngay trước mắt cậu ta.

Sau đó tôi về nhà, lấy vàng bạc ra khỏi nơi cất giữ rồi chia cho bọn trẻ. “Tao gặp mẹ chúng mày tối nay”, tôi nói. “Bà ấy đã đen ngòm, thật tội nghiệp”.

Bọn chúng kinh hãi đến nỗi chẳng thể thốt nổi một từ.

“Hãy sống lương thiện”, tôi nói, “và hãy quên rằng đã từng có một gã Gimpel tồn tại trên đời”. Tôi mặc chiếc áo khoác ngắn vào, đi đôi ủng, một tay xách chiếc túi đựng tám khăn cầu nguyện, tay kia cầm cây gậy rồi hôn mezzuzah<sup>1</sup>. Khi mọi người nhìn thấy tôi trên đường, họ vô cùng ngạc nhiên.

“Ông đi đâu vậy? họ nói.

Tôi đáp, “Đi vào thế giới ấy”. Thế rồi tôi rời khỏi Frampol.

Tôi lang thang khắp mọi miền, những người tốt bụng không bỏ rơi tôi. Sau nhiều năm, tôi trở nên già nua, râu tóc bạc phơ; tôi đã nghe rất nhiều, nhiều lời nói dối và việc làm gian dối, nhưng càng già thì tôi càng hiểu ra rằng thực sự chẳng có điều gì là dối trá. Hễ bất cứ điều gì thực sự không xảy ra thì được mơ vào ban đêm. Nó xảy ra với người này nếu không xảy ra với người khác, ngày mai nếu không là hôm nay hoặc sẽ trong vòng một thế kỉ nữa nếu không là năm tới. Chúng có thể làm nên sự khác biệt gì nào? Thường khi nghe những chuyện như thế tôi nói, “Lúc này, đây là chuyện không thể xảy ra được”. Nhưng trước khi một năm trôi qua, tôi nghe nó đã thực sự xảy ra ở một nơi nào đó.

Đi từ nơi này sang nơi nọ, ăn tại những bàn ăn xa lạ, điều thường xuyên xảy ra là tôi luôn bịa chuyện huyền thuyên - những chuyện không thực và không thể nào xảy ra - về ma quỷ, phù thủy, cối xay gió và nhiều chuyện như thế. Trẻ con chạy bám theo tôi năn nỉ, “Ông ơi, kể chuyện cho bọn cháu nghe đi”. Đôi lúc, bọn chúng yêu cầu những chuyện đặc biệt và tôi cố làm chúng hài lòng. Một đứa trẻ béo mập một lần đã bảo tôi. “Ông ơi, chuyện này ông đã kể cho chúng cháu rồi”. Thằng nhóc tinh quái, nó đúng.

---

<sup>1</sup> Cái bảng hình chữ nhật nhỏ gắn gần cửa trước của ngôi nhà, viết đôi lời răn của Kinh Thánh.

Cả những giấc mơ cũng diễn ra theo cách ấy. Đã nhiều năm kể từ khi tôi rời khỏi Frampol, nhưng bất cứ lúc nào hể nhắm mắt là tôi thấy mình lại ở đó. Và bạn nghĩ tôi trông thấy ai? Elka. Cô ta đang đứng bên chậu giặt, như trong lần chúng tôi gặp nhau đầu tiên, nhưng gương mặt cô ta thì rực sáng, còn mắt cô thì sáng ngời như mắt một vị thánh, cô ta nói những lời kì quặc với tôi, những điều kì lạ. Khi thức giấc, tôi quên hết sạch. Nhưng trong lúc giấc mơ diễn ra, tôi thấy dễ chịu. Cô ta trả lời tất cả những thắc mắc của tôi và hóa ra là mọi chuyện đều có lí của nó. Tôi sụt sùi và cầu khẩn, “Để tôi đi cùng bà”. Cô ta an ủi và bảo tôi hãy kiên nhẫn. Thời gian đến gần hơn, không lâu nữa. Thỉnh thoảng cô ta vuốt ve, hôn và khóc trên mặt tôi. Khi thức giấc, tôi vẫn cảm nhận môi cô ta và cả vị muối của nước mắt ấy.

Chẳng nghi ngờ gì nữa, rõ ràng thế giới này là thế giới của sự tưởng tượng nhưng duy nhất một lần nó được khai sinh từ cái thế giới thực. Cạnh ngưỡng cửa của ngôi nhà tồi tàn nơi tôi nằm, những tấm ván mang thi hài người chết được dựng ở đó. Người Do Thái đào huyết đã chuẩn bị xẻng sẵn sàng. Nắm mồ chờ đợi và lũ giun cùn cào vì đói, vải liệm đã được chuẩn bị - tôi mang theo trong túi hành khất của mình. Một người ăn mày khác đang đợi để thừa kế chiếc ổ rơm của tôi. Khi thời gian điểm, tôi sẽ vui vẻ ra đi. Bất cứ thứ gì có thể tồn tại ở đó thì sẽ là xác thực, không phức tạp, không ngớ ngẩn, không gian dối. Tạ ơn Chúa: ngay đến cả Gimpel cũng không thể bị lừa dối.